Tác phẩm 18 trong quyển

Toàn tập

TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG BỬU CHƠN

(NĀGA MAHĀ THERA)

XUẤT BẢN NĂM Dl. 2016 – Pl.2559

HỘI NGHỊ QUỐC TẾ

Tác giả

Nāga Mahā Thera – Tỳ Khưu Bửu Chơn

Tăng thống Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy Việt Nam

Nguyên Phó Chủ tịch Hội Phật giáo Thế giới

Mùa Xuân Năm Giáp Thìn.

MỤC LỤC

Phi Lộ

Trong thời gian qua hơn 10 năm tôi đã đi dự Hội nghị Quốc tế nhiều lần nhưng không có dịp soạn thảo lại những bài tường thuật để cống hiến quí vị độc giả không được sự may mắn đi đến nơi để quan sát tận mắt.

Nên thừa lúc nhàn rỗi tôi ráng soạn lại những điều mắt thấy tai nghe, mặc dầu quí vị chỉ đọc qua những lời tường thuật và hình ảnh thì cũng có thể hiểu biết được và thông cảm những gì mà họ thảo luận trong kỳ Hội nghị, và luôn cả phong cảnh, cách tổ chức trình bày, nghi lễ phong tục, trong mỗi quốc độ khác nhau tùy theo sự tiến hóa của tinh thần hay vật chất, để giúp thêm một phần tài liệu nào cho các bạn hậu tấn có dịp sẽ dự những Hội nghị Quốc tế trong mai hậu.

Hơn nữa cũng là một thiêng lịch sử kỷ niệm trong đời tu học của tôi đã mang chuông đi đánh xứ người và giúp ích gì cho nền đạo giáo nước nhà.

Trong những bài tường thuật có bài đã viết từ lâu nên lối hành văn có hơi cổ kính, nhưng tôi vẫn giữ nguyên vẹn của chuyện thật không muốn sửa đổi trau chuốt văn hoa làm mất bản chất chính yếu và quan niệm thành thật chất phác trong thời kỳ ấy.

Dù sao cũng không thể nào tránh khỏi sự sơ thất một đôi chỗ trong khi soạn thảo có một mình, ước mong quí vị hoan hỷ tha thứ cho.

Trong lúc soạn thảo nhờ cô Viriyā một đệ tử chân thành tinh tấn, hy sinh thì giờ quí báu đánh máy, cách trình bày nội dung và sửa giùm bản thảo giúp tôi.

Tôi xin thành thật cám ơn và chia phần công đức cho cô.

Tôi cũng xin thành kính dâng lên quả phúc này đến thầy tổ và song thân.

Kính bút

Nāga Mahā Thera – Tỳ Khưu Bửu Chơn

Tăng Thống G.H.T.G.N.T.V.N

Nguyên Phó Chủ tịch Hội Phật giáo Thế giới

Mùa Xuân Năm Giáp Thìn.

Hội Nghị Lễ Kết Tập Tam Tạng Lần VI Tại Rangoon Miến Điện (17-5-1954)

Bài tường thuật của Thượng tọa Nāga Thera (Bửu Chơn)

Vào ngày 6-5-1954 tôi được danh thiệp của ngài Chánh Hội Trưởng Hội Đồng Toàn Quốc Phật giáo xứ Miến Điện gửi đến thỉnh tôi và các chư đạo hữu chùa Kỳ Viên là Trụ sở Trung ương của Phật giáo Nguyên Thủy, để dự lễ khai mạc kỳ Kết Tập Tam Tạng lần thứ sáu.

Dưới đây là danh thiệp của ngài Chánh Hội Trưởng:

From: Tharo Thiri Thudhamma Sir U Thwin Chairman of the Union Buddha Sasanā Council Rangoon, Burma.

To: Ven. Nāga Thera dit Pham Van Tong c/o Ky Vien Tu Banco Saigon.

Dear Sir,

As you are aware the Opening Proceedings of the CHATTHA SANGĀYANĀ (the Sixth Great Buddhist Council) are to commence on the Vesakha Punnima, 2498 B.E (17th May 1954) at the Maha Pasana Guha Rangoon, and we have the pleasure and honour to invite you to join with us in witnessing and sharing the Merit of the Opening Proceedings on this felicitous occasion.

Mettecittena, Sign, U. THWIN.

Bản dịch: Thado Thiri Thudhamma U Thwin Chánh Hội Trưởng Hội đồng Phật giáo toàn quốc xứ Miến Điện.

Kính gửi Đại đức Nāga Thera (Bửu Chơn), chùa Kỳ Viên Bàn Cờ Saigon.

Bạch Ngài,

Ngày khai mạc kỳ lễ Kết Tập Tam Tạng lần thứ sáu nhằm ngày rằm tháng tư Phật lịch 2498 đúng 17 Mai 1954, nơi Đại Thạch Động Rangoon Miến Điện.

Nhơn dịp lễ khai mạc này, với tư cách của Chánh Hội trưởng, danh dự và hoan hỷ, chúng tôi xin thỉnh Ngài tới dự lễ và chia phước cùng chúng tôi.

Tấm lòng thân ái, ký tên, U. ThWIN

Khi được thiệp mời, tôi liền hết sức vận động và phải trải qua nhiều sự khó khăn mới được đủ giấy tờ cho xuất dương cho kịp kỳ khai mạc.

Đúng ngày 14-5-1954, phái đoàn Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam chùa Kỳ Viên Bàn Cờ Saigon, do Thượng Tọa Nāga Thera - Bửu Chơn trưởng đoàn hướng dẫn phái đoàn lìa khỏi phi trường Tân Sơn Nhứt lối 14 giờ rưỡi, phi cơ từ từ cất cách sau khi gần một tiếng đồng hồ thì lại đáp cánh xuống phi trường P.P để chờ hành khách lên xuống và trình giấy thông hành, sau khi nửa tiếng đồng hồ thì phi cơ lại cất cánh trực chỉ thủ đô Bangkok, gần 6 giờ chiều thì phi cơ mới đỗ xuống phi trường Daungmaung Bangkok.

Khi phi cơ vừa hạ cách thì tôi thấy rất nhiều khách quan ra đón chào thân quyến, riêng phái đoàn V.N. thì có ông Cố vấn và Tổng Thơ Ký của tòa Đại Sứ V.N. tại Bangkok ra vái chào và đón rước về Sứ quán. Sau khi trình giấy thông hành xong thì toàn thể phái đoàn được đưa về Sứ quán để yên nghỉ, chờ sáng hôm sau phải đáp tàu sang Rangoon.

Vừa hừng sáng lại phải trở ra phi trường để sang Rangoon, mãi lối 9 giờ hơn thì phi cơ mới cất cánh, ngót trên hai tiếng đồng hồ mới tới phi trường Rangoon (Miến Điện).

Hôm ấy có cả phái đoàn Việt Nam, Cao Miên, Lào và Thailand nên cuộc tiếp rước hết sức long trọng. Sau khi câu chuyện hàn huyên và lời chúc hạ xong lại đưa tất cả phái đoàn về Kapa Aye (World Peace Pagoda) Chùa Thế giới Hòa Bình là nơi trụ sở trung ương Kết Tập Tam Tạng lần thứ sáu.

Xe vừa tới nơi thì thấy vô số lầu đài, dinh thự hai, ba từng. Hỏi ra mới biết nào là Tăng đường, Trai đường và các Ty các Sở như là: Sở Ngoại Giao, Bộ Thông Tin, Sở Y Tế, Sở Cảnh Sát và các cơ sở của Hội Đồng Kết Tập Tam Tạng v.v…

Chính giữa một khu vực trên 100 mẫu có một trái núi giả bên trong là nơi để cho Chư Tăng Cư hội để kết tập. Trái núi giả ấy gọi là Đại Thạch Động chứa được lối 6.500 người có phòng tham thiền, phòng giải lao, phòng tắm và tiện nghi, có ba từng lên xuống đều dùng thang điện, có sáu cây cột và sáu cái cửa cái để ra vô là tượng trưng cho sự kết tập lần thứ sáu.

Đại Thạch Động này Chánh phủ Miến Điện xuất ra lối 9 triệu và 100.000 Rupies, lối 72 triệu bạc xứ ta. Những đồ vật liệu để xây cất thạch động này thì lối 130.000m^3 (thước khối) gạch bể, 225.000m^3 (thước khối) đá xanh (thứ sỏi để tráng đường), 559.572 tấn đá, 170.000m^3 (thước khối) cát, 11.973 tấn kẽm, 757 tấn cây vuông và 125 tấn cây giá tị. Bề dài 455 feet lối 145 thước, bề ngang 370 feet lối 120m (thước). Thời gian xây dựng chỉ trong vòng 14 tháng là xong hết.

Tới ngày Rằm tháng Tư nhằm 17 Mai 1954, đúng 12 giờ trưa là giờ để khởi sự khai mạc, mỗi phái đoàn trên thế giới đều có mặt, tôi nhận thấy như phái đoàn Việt Nam, Cao Miên, Lào, Thailand, Tàu, Nhựt, Malaya, Nam Dương, Indonésia, Đức, Anh, Népal, Tích Lan, Ấn Độ, Sikkimy, Pakistan (Hồi quốc) v.v… và các sứ thần đại diện cho mỗi nước trên thế giới. Trong lễ khai mạc dùng ba thứ tiếng là: Pāli, Miến Điện và Anh ngữ.

Vừa đúng giờ thì trời mưa xối xả trên ngót một tiếng đồng hồ, ai ai cũng đều đồng lòng cho là một điềm lành của cuộc Kết tập và sẽ đem lại hạnh phúc cho nhân loại. Khi mọi người đều an tọa thì tiếng đại bác, đại cổ, tiếng đại hồng chung và tiếng còi (*sirène*) reo lên inh ỏi để làm biểu hiệu cho cuộc lễ khai mạc.

Một vị Thượng Tọa lão niên đứng lên long trọng tuyên bố thay Ban Hội Đồng Kết Tập trước sự hiện diện của 2.500 vị Thượng Tọa, Đại đức của thế giới tới cộng sự, kế tiếp lần lượt các đại diện đọc thông điệp chúc hạ của các vị Đế Vương và Quốc Trưởng Thế giới gởi tới. Phái đoàn Phật giáo Nguyên Thủy V.N. được sắp vào bữa thứ nhì để đọc diễn văn do Đại đức Nāga Thera Bửu Chơn lên đài phát thanh trước đọc bằng Phạn ngữ sau lại bằng tiếng Anh. Đại đức Bửu Chơn và Sư Hộ Giác được ghi tên vào sổ để tiếp tục kết tập phần nhứt. Vì sự kết tập được chia ra làm 5 phần (*cinq Sections*), mỗi phần có 500 vị.

Về cách thức kết tập thì một vị Thượng Tọa Chủ Tịch tuyên bố, hai vị Thượng Tọa khác một vị vấn một vị đáp. Bắt đầu từ Tạng Luật, Kinh và Luận, vị vấn hỏi kỹ lưỡng mỗi Tạng hoặc mỗi điều học, như hỏi bất cộng trụ thứ nhứt vì nguyên

nhân làm sao mà Phật cấm, ai phạm điều học ấy trước hết, tại xứ nào? Phật chỉ định mấy lần và cấm chỉ mấy lần? Thế nào là phạm tội, thế nào là không phạm tội? Khi xong mỗi điều học thì chư tăng cộng sự đồng lòng đọc lên điều học một lần để tỏ lòng tán thành điều học ấy là đúng theo chánh truyền của Đức Phật, lần lượt như thế cho đến khi tròn đủ tám muôn bốn ngàn pháp môn (84.000 Dhammakhandha). Mỗi ngày ba thời, sáng từ 8 giờ đến 10 giờ, trưa từ 1 giờ tới 3g30 nghỉ giải lao nửa giờ rồi tiếp tục cho tới 5 giờ mới giải tán, công cuộc tiến hành như thế cho tới hai năm mới chấm dứt là đúng Phật lịch 2500 năm.

Chánh phủ đã dự định một số tiền khổng lồ là 90 triệu đồng Rupies lối 650 triệu bạc ta để hộ trợ cho công cuộc kết tập trong hai năm cho được thành tựu.

Về phái đoàn Phật giáo Nguyên Thủy V.N. rất được nhiều nước hoan nghinh vì có biếu cho đại hội 1.000 đồng Rupies và một tấm tranh năm con rồng vàng nhứt là các vị sư biết nói tiếng Pāli và tiếng Anh trôi chảy.

Sau khi ba ngày khai mạc thì Chánh phủ Miến đã sắp đặt cho tất cả phái đoàn trên thế giới tới dự lễ được đi chiêm bái các nơi Phật Tích toàn xứ Miến Điện, như là xứ Pegu, Mandalay, Sagan, Pagan cách tỉnh thành Rangoon độ trên 1.000 cây số. Toàn xứ Miến Điện bảo tháp nhiều nhứt là xứ Mandalay và Pagan có trên 55 ngàn bảo tháp, Chánh phủ chu cấp cho bảy chiếc phi cơ để đưa đi chiêm bái và các sở phí đều do Chánh phủ đài thọ. Tại tỉnh Mandalay, cựu thủ đô Miến, là nơi Kết Tập Tam Tạng lần thứ năm cách đây lối một thế kỷ, có nhiều cổ tháp có trên 1.000 năm, trên mỗi chót tháp đều thếp vàng,

nên khi du khách vừa mới tới thì những sự chói sáng của bảo tháp dưới ánh thái dương làm cho chói lòa cả mắt.

Xứ Miến Điện rất rộng lớn nhưng dân số chỉ lối 18 triệu, chư Tăng lối 80 ngàn vị, có cả các nước ngoại quốc tới học nền đạo đức như là người Mỹ, Anh, Ấn, Tích, Đức v.v… Vì vậy mà xứ Miến Điện nay rất có tên tuổi trên thế giới về Phật giáo Nguyên Thủy (Nam Tông) vì còn giữ nguyên vẹn những tinh túy của chánh truyền, đến hiện nay mà vẫn còn có nhiều vị đắc đạo quả. Như cách đây độ hai năm có một vị A-la-hán đã nhập diệt hiện nay xác vẫn còn quàn mà chưa hôi thối và còn mềm mại.

Tóm lại, ai muốn tìm chánh truyền của Phật giáo Nam Tông (Nguyên Thủy) thì nên đến xứ Miến để học hỏi và nghiên cứu thì sẽ đạt được như ý nguyện.

Về pháp học thì còn nhiều nhà sư thuộc nằm lòng Tam Tạng Pāli, còn pháp hành thì cũng còn nhiều vị Thánh Tăng đắc được đạo quả Niết-Bàn.

Nhựt kí của phái đoàn Phật giáo Nguyên Thủy

Khởi hành ngày 14-5-1954: Phái đoàn PGNT (Chùa Kỳ Viên) gồm có: Đ.Đ. Nāga Thera (Bửu Chơn) trưởng phái đoàn, Đ.Đ. Buddhapala (Hộ Giác), Ô. Nguyễn Văn Hiểu thơ ký, Nguyễn Văn Mẫn, B. Huỳnh Thị Kỷ, Đoàn Thị Liên, Huỳnh Thị Có, Kiều Thị Giàu, và Ni cô Trần Thị Thọ đã đáp phi cơ hãng Thái-Airway lúc 13 giờ 45, ngày 14-5-1954, trực chỉ Miến Điện, để dự Hội Nghị Kết Tập Tam Tạng lần thứ sáu tại Rangoon.

Có nhiều người đến phi trường Tân Sơn Nhứt, tiễn đưa rất đông đầy: Đ.Đ. Tối Thắng dẫn đầu Bổn đạo chùa Kỳ Viên, Đ.Đ. Trụ trì, chư Tăng và Bổn đạo chùa Chantaransey, Đ.Đ. Trụ trì và Bổn đạo chùa Huê Lâm, ông Jethmal và nhiều thân bằng quyến thuộc của các nhân viên trong phái đoàn.

Đúng 14 giờ 40, khi máy bay đáp xuống phi trường Nam-Vian, đã có chư Tăng Miến, Việt và toàn thể thiện tín việt kiều trực tiếp rước vào nhà hàng thết đãi nước cam và ân cần cầu chúc cho cuộc hành trình của phái đoàn V.N. sẽ đem lại những kết quả tốt đẹp cho nền Phật giáo nước nhà.

Sau khi rước thêm hành khách, máy bay từ giã phi trường Ponchentong, lúc 15 giờ 30, qua hai giờ sau đã đến phi trường Donmuong, cách xa kinh đô Bangkok 28 cây số ngàn.

Nơi đây có hai vị đại diện Sứ quán Việt Nam là quí ông Nguyễn Duy Liển, Cố vấn tòa Đại sứ, và Nguyễn Khoa Phòn vừa là thơ ký và con của cụ Sứ Thần chực đón phái đoàn với hai cỗ xe Sứ quán.

Quê người xứ lạ, nếu không có hai vị kiều bào này lo giùm giấy tờ và rước về an nghỉ tại Sứ quán V.N., thì mặc dầu có Đ.Đ. Bửu Chơn thông thạo tiếng Anh, tiếng Thái cũng phải mất thì giờ chờ đợi và bối rối về chỗ tạm nghỉ.

Khi đến Sứ quán mới hay rằng cụ Nguyễn Khoa Toàn, Sứ thần V.N. tại Bangkok, và phu nhân đã đáp phi cơ về Saigon sớm mai. Nhưng ở nhà có bà Phòn dâu thứ năm của cụ, lo bữa ăn và chỗ ngủ chu đáo. Bà là người quê quán ở Saigon, khi gặp đồng bào từ quê nhà đến, bà tuy tuổi độ chừng 20 xuân, mà rất lịch duyệt, niềm nở tiếp đãi, chuyện trò mật thiết, nhất là đối với năm bà tín nữ.

Ngày 15-5-1954, sáng sớm bà đã lo sẵn đồ điểm tâm mời hai Đại đức và thiện nam, tín nữ xuống phòng ăn, lót lòng. Còn cậu Phòn thì lo sắp đặt đồ hành lý lên xe, chực sẵn đưa phái đoàn ra phi trường. Rồi cũng lo giấy tờ xong xuôi hết, mới kiếu từ trở về Sứ quán vận động cho Đ.Đ. Hộ Giác và ba bà tín nữ đi cho kịp chuyến máy bay sau, bởi tại Bangkok có rất nhiều phái đoàn, như phái đoàn Thái Lan và Cao Miên đã ghi tên trước chỉ còn có 5 chỗ dành cho phái đoàn V.N., trong 9 chỗ của hãng Air-Vietnam đã đánh điện xin.

Tại phi trường Don Muang, Phật tử Thái Lan tiễn đưa phái đoàn của họ rất long trọng, nào là diễn văn, tràng hoa, nhiếp ảnh và tiệc điểm tâm dâng cho chư Tăng.

Máy bay 4 động cơ, 60 chỗ ngồi, không còn một chỗ trống. Vì hành lý nhiều, phải chờ sắp đặt, nên phi cơ cất cánh đã trễ hết một giờ trong chương trình định trước.

Khởi bay từ 10 giờ 30 đến 12 giờ 30, đã tới phi trường Rangoon, cách châu thành 15 cây số ngàn.

Tại đây có Đ.Đ. Kelasa, Giám đốc Đại học đường Rangoon, đại diện cho Giáo hội Tăng già Miến Điện, quan Chưởng lý U Chan Htoon, Tổng Thơ ký Hội Nghị Kết Tập Tam Tạng, đón rước chư Tăng được đưa về Tăng đường tại chỗ Kết Tập Tam Tạng cách xa Rangoon 12 cây số ngàn, còn thiện tín về tạm trú trong nhiều biệt thự tại trung tâm châu thành.

Tới nơi, sau khi tắm rửa, mạnh ai nấy ngủ lấy sức, tới 4 giờ chiều bị đánh thức mời đi ăn bánh và uống trà sữa. Trong khi ấy, ông Trưởng ban ‘Tiếp tân’ cho hay vị nào cần dùng tiền xài trước khi đi lãnh ngân phiếu, muốn bao nhiêu ông sẵn

lòng cho mượn và cho biết từ khi đến tới ngày về, các khách ngoại quốc được nuôi ăn ở khỏi phải tốn tiền.

Ngày 16-5-1964, người Việt Nam đi ra khỏi xứ, nếu không biết tiếng Anh thật là vô phước. Muốn cái chi không biết nói làm sao cho người ta hiểu, thành ra mình là người câm. Rồi nhớ lại, khi ở bên nhà có người bạn rầy sao cho con học Anh văn và Pháp văn. Ông bạn ấy biểu phải cho con học toàn chữ Việt, mới là người công dân trung thành với Tổ quốc. Phải lúc này, tại Rangoon; có ông bạn ấy ở đây để ổng bảo coi phải làm cách nào đặng hỏi thăm đường đi nước bước, và tìm hiểu những điều nghe thấy giùm cho nhóm người Việt, giữa các phái đoàn Mã Lai, Tích Lan, Thái Lan, Ấn Độ, Népal, Tàu, Nhựt, Anh, Đức, Pakistan, Sikkim, Ryukyu, Yougoslaves, v.v… đương giao thiệp mật thiết với người Miến Điện.

Tại đây, người trí thức đến thường dân đều dùng Anh ngữ để nói chuyện với khách tứ phương.

May ra phái đoàn V.N. gặp được bà thân mẫu của ông Mac Phsu, vị thương gia bán dầu cù là đường Lê Lợi, gần chợ Saigon, ra tận phi trường đón rước tình nguyện làm hướng đạo và thông ngôn. Nhờ bà quen biết nhiều, có thân thế, nên ai ai cũng sẵn lòng làm vừa ý muốn. Bà có người chị ruột, trước kia có ở Saigon, nên khi gặp phái đoàn V.N., hai ông bà và 7 cháu (4 gái, 3 trai) đều xem chúng tôi như thân quyến, cách biệt lâu ngày bây giờ gặp nhau, thôi mừng là mừng. Bà thuộc về Hoàng phái, ông cũng là dòng sang trọng, quí danh là U Soe Gywe, đương giúp một cách đắc lực cho Hội Nghị Kết Tập Tam Tạng. Ông bà biểu chúng tôi phải lại ở tại biệt thự riêng của ông bà, mấy cháu kéo níu không cho

đi. Đó là duyên lành của kẻ đi tìm làm việc lành ở tận phương xa.

Cho đến những người Miến Điện, khi gặp người Việt, cúi chào với một nụ cười đầy thiện cảm. Vợ chồng, con cái, dắt nhau đi xem các gian phòng của chư Tăng, vừa thấy chúng tôi đương hầu chuyện với hai Sư V.N., họ dòm không khỏi mắt nhứt là xem các bà tín nữ, dường như đã có gặp nhau trong dĩ vãng; hơn nữa cách búi tóc của phụ nữ V.N. mường tượng như của đàn bà Miến. Rồi họ hỏi thăm ở đâu lại, khi biết là người V.N., vợ chồng, con cái xin vào đảnh lễ chư Sư V.N., ngồi hỏi thăm đủ chuyện. Chẳng phải tọc mạch, bởi họ là người chất phác ở thôn quê đến; có lẽ vì mối cảm tình thiên nhiên của người đồng đạo, một cảm tình thân mật giữa đám con chung của một đấng Cha Lành.

Nói về ngày thứ hai của Phái đoàn V.N. tại thành Rangoon. Nhờ tạm trú trong một biệt thự đầy đủ tiện nghi: đất rộng, gió mát, đèn điện, quạt máy, nên sau một đêm dưỡng sức, ai ai cũng hân hoan vui vẻ. Sáng sớm, dùng điểm tâm rồi, chúng tôi rảo bước xem lại tường tận các biệt thự vừa mới cất xong để rước các phái đoàn ngoại quốc. Cả thảy 25 biệt thự in nhau một kiểu mẫu, cất trên một vuông đất độ 12 mẫu. Mỗi biệt thự 2 từng lầu, chứa 60 giường, mùng mền, nệm, gối toàn đồ mới. Tổng cộng được 1.500 chỗ nghỉ. Nhà nào cũng đầy khách ngoại quốc, mỗi phái đoàn đều có bảng đề chữ lớn trước cửa. Tối lại đèn thắp sáng trưng, ở xa xem như một hội chợ. Ban tiếp tân gồm có một vị Trưởng Ban, 16 nhân viên và 75 bồi phòng, có chỗ làm việc, có điện thoại và 6, 7 cổ xe Jeep để đưa khách đi nơi này chỗ nọ, tùy theo ý muốn. Có máy thâu thanh tại phòng khách và phòng ăn, cho

khách mua vui. Mỗi khi đi đâu trên mỗi xe có một nhân viên đi theo dẫn đường, và khi trở về, họ phải xem xét coi có đủ số không; nếu thiếu họ chạy đôn đáo kiếm người vắng mặt, sợ lạc đường không biết nẻo về, vì thành phố Rangoon rộng lớn bằng ba thành Saigon. Tối ngủ, họ cũng cho đủ số người; khách vừa ngủ họ lo đóng cửa. Khi khách ra khỏi phòng, họ đặt người trông nom đồ hành lý, mặc dầu dưới từng dưới có cảnh sát gìn giữ an ninh.

Tóm lại, các phái đoàn đều được săn sóc châu đáo, cẩn thận. Cách tổ chức của Hội Nghị Kết Tập Tam Tạng, về phương diện tiếp khách, thật đáng kính phục.

Mỗi tối lại còn biếu nào là sách vở về Phật giáo, về xứ Miến Điện, nào là tin tức tiếp rước các phái đoàn sắp đến.

Lúc rảnh chúng tôi xin xe đi viếng chư Sư V.N. và dạo châu thành, có bà thân mẫu của ông Cù Là Mac-Phsu ngồi kế cận thông ngôn. Thành Rangoon có nhiều công sở, nhà hàng, rạp chớp bóng, nhà ngân hàng to tát đồ sộ. Xe cộ nơm nớp xe Autobus, xe Taxis, xe nhà toàn hiệu Anh Mỹ. Xe lửa chạy dưới sâu, nên không có một cái cống làm trở ngại sự giao thông. Dưới bến có nhiều tàu ngoại quốc và tàu Miến ăn hàng rất náo nhiệt.

Đến một công trường thấy hình đồng của một nhà Sư, chúng tôi hỏi tại sao Ông Sư này được dựng hình? Người hướng đạo trả lời rằng ấy là Đại đức U Wisaya, trong thời kì xứ Miến bị đô hộ, Ngài thấy đồng bào Ngài bị thực dân hà hiếp quá lẽ, Ngài đứng ra binh vực, bị bắt cầm tù. Khi vào khám Ngài tuyệt thực đến chết. Dân chúng cảm mến ơn đức từ bi

vô lượng của Ngài, chung đậu tiền dựng hình Ngài để kẻ qua người lại chiêm bái hàng ngày.

Giữa châu thành có một cái chùa tháp, như Namvian, nhưng rất lớn và cao hơn bội phần, gọi là chùa Shwedagon; bề tròn 300 thước; cao 50 thước; phía ngoài phết toàn bằng vàng lá. Chùa này cất trên 2.000 năm, trong ấy thờ Xá Lợi Phật Tổ (8 sợi tóc thỉnh từ Ấn Độ). Chúng tôi chưa có dịp vào chiêm bái và xem cho tường tận. Hội Nghị Kết Tập Tam Tạng có cho mỗi người khách một quyển sách 100 trương nói về sự tích của ngôi chùa ấy.

Ngoài ra chẳng biết bao nhiêu biệt thự cất trên những khoảnh đất rộng rãi, vườn tược cây cối sum suê.

Đất tại Rangoon mường tượng như ở Dalat, nhà cửa cất trên đồi nhỏ, khoảng khoát, mát mẻ. Người Miến thích nhà nhiều nóc như nóc chùa, mái nhà không dốc đổ như ở Saigon, mặc dầu lợp bằng ngói móc.

Xe chạy xớt qua, chưa có dịp bước chân xuống đất, chờ dự lễ khai mạc 3 ngày, rồi sau khi đi viếng Mandalay, trở về có thì giờ, sẽ cuốc bộ từ phố này qua phố nọ, mới biết được tường tận.

Sau khi đi một vòng cùng khắp châu thành Rangoon, chúng tôi trở về tắm rửa, rồi rủ nhau đến viếng chư Sư V.N. để hỏi thăm về lễ Sima (kết giới) chỗ Hội Nghị Kết Tập Tam Tạng, đã cử hành buổi sáng. Công việc này thuộc về Tăng sự, nên thiện tín, dầu muốn dự kiến, cũng chỉ đứng ngoài xa dòm vô. Chỗ Kết Tập Tam Tạng chỉ có sáu cửa vào, mà người đi xem có cả đôi trăm ngàn, dầu có đến đó, cũng khó vào gần cửa được. Vả lại, chúng tôi cũng đã biết cách làm lễ Sima ra sao

rồi, nên thừa lúc ấy chúng tôi đi xem phong cảnh kinh đô Rangoon. Sau lại vì tánh tọc mạch, muốn biết coi cách thức kết giới ở Miến Điện có khác ở V.N. không, để khi về xứ, nói lại cho bà con biết những điều mới lạ của xứ người.

Nên sau khi vắng mặt, nghĩ lại ăn năn, liền dắt nhau lên tận Tăng Đường, yêu cầu chư Sư V.N. cho biết cách hành lễ buổi sáng có chỗ chi lạ thường không.

Hai Sư nói: Trong các giới Phật giáo Nguyên Thủy, xứ nào cũng đồng tuân theo lời của Phật Tổ Như Lai di truyền trong Tam Tạng Pháp Bảo, nên cuộc lễ Kết Giới đã cử hành y theo một nguyên tắc. Có khác là khác về tánh cách long trọng, bởi lễ này do 2.000 vị Tỳ Khưu trong hoàn cầu hiệp lại làm, lại thêm có 3 vị Pháp Chủ, lớn tuổi và cao hạ nhứt, làm Chủ Tọa là: Đ.Đ. Pakantaik Sayadaw, Đ.Đ. Thit Seintgyitaik Sayadaw (cả hai đều được 82 tuổi và 63 hạ) và Đ.Đ. Sangharaja Chuon Nath (vua Sãi Cao Miên) được 71 tuổi và 52 hạ. Cả ba đều xuất gia từ lúc 19 tuổi.

Sau khi chư Tăng tụng tuyên ngôn phân ranh giới rồi thì chỗ Kết Tập Tam Tạng trở thành Thánh Địa. Từ nay về sau, dầu các bậc Đế Vương, hay Tổng Thống cũng chẳng được phép mang giày đi vào đó. Người ngoại quốc dầu cao sang đến đâu cũng phải tuân theo luật ấy, bằng chẳng vậy, không được mời vào.

Ba ngày khai mạc Hội Nghị Kết Tập Tam Tạng (17, 18 và 19 tháng 5 năm 1954).

Ngày đầu nhằm ngày trăng tròn tháng Wesak Via Giáng Sanh, Thành Đạo và Nhập Niết-Bàn của Phật Tổ Gotama, năm thứ 2498 sau khi Đức Thế Tôn viên tịch.

Chỗ Hội nghị. Một vùng đất cao ráo, diện tích 100 mẫu, cách xa kinh đô Rangoon 12 cây số ngàn, trước kia là một gò nổi hoang vu, vì đất pha trộn nhiều đá đỏ, nay trở thành một Thánh địa phồn thạnh, nguy nga, do toàn thể dân chúng Miến Điện sáng lập. Chương trình kiến trúc chỉ mới thực hiện được nửa phần: một thạch động, bốn tăng đường, một trai đường, nhiều nhà tạm, đường sá, cầu cống và đèn điện, khởi làm từ 14 tháng trước.

Chùa Kaba Aye. Trong vòng Hội nghị có một Chùa Tháp, tên là Chùa Kaba Aye, cất năm 1952, để biểu dương nguyện vọng hòa bình Thế giới của Phật tử Miến Điện, và luôn luôn làm trung tâm cho H.N Kết Tập Tam Tạng kỳ thứ VI. Chùa này kiểu tròn, 2 lớp vách cách nhau 4 thước, trên nóc là một cái tháp giống như tháp Shwedagon tại Rangoon, châu vi 35 thước, bề cao cũng 35 thước. Ngay 4 cửa vô, có thờ 4 tượng Phật phết vàng, lớn bằng 2 con người. Trên tường, cận nóc trần, thờ nhiều tượng Phật nhỏ hơn, để trên chơn qui, đúc cốt sắt ve ra khỏi vách. Nơi vòng trong, còn thờ một tượng Phật lớn bằng 4 lần tượng thờ ngay cửa vào. Chung quanh bàn thờ ấy, vòng theo vách có tủ chứa đầy bửu vật, đã tìm ra nơi các cổ tháp hư đổ và nhiều Xá Lợi để trong hộp vàng. Cách mặt đất 6 thước trở lên, bên ngoài Chùa Tháp đều phết vàng, vàng lá thứ thiệt, như nóc Tháp Shwedagon.

Buddha's relics and Arahat Relics presented by the Hon'ble U Win, Minister for Religious Affairs to the Ven'ble Naga Thera, Head of Vietnam Delegation on the 21st December, 1954 was discovered in the ruins of Sandaw Pagoda built about 900 years ago by an Arakanese King in Sandoway.

U WIN

Minister for Religious Affairs.

Rangoon,

Burma

Bút tích của U.Win - Tổng trưởng bộ Lễ - Miến Điện.

Thạch động Maha Pasana Guha. Cách Chùa Kaba Aye vài trăm thước về phái tây, là chỗ Kết Tập Tam Tạng. Hang này tạo ra để nhắc lại hang Sattapanni, là nơi Đại đức Kassapa

(Ca-Diếp) triệu tập Hội Nghị Kết Tập Tam Tạng lần đầu tiên tại Rajagaha (Vương Xá). Đứng xa xem như một hòn núi nhỏ, lại gần tưởng như một thành lũy kiên cố, xây bằng đá xanh, chỗ cao, chỗ thấp, dường như công việc chưa rồi. Đứng xa dòm kỹ theo khoảng trống các vồ đá trên chót núi, thấy có nóc nhà lợp thiếc. Hang này bề dày độ 150 thước, bề ngang 120 thước và bề cao 25 thước. Hướng đông và tây, mỗi hướng có 2 cửa vô, hướng bắc và nam mỗi hướng chỉ có 1 cửa. Cả thảy 6 đại môn, cao 10 thước, rộng 4 thước. Từ chơn núi đến cửa 30 thước, sau các cửa ấy là chỗ K.T.T.T., bốn phía có một vách tường kiên cố bằng bit-ton cốt sắt 1th20 bề dày, 90 thước bề dài, 40 thước bề ngang, 14 thước bề cao, có 6 cây cột tròn, trực kính 1 thước, cao 14 thước. Trên đầu không thấy nóc vì bị trần che án. Trên đầu cửa vô phía bắc, có một cái đài vinh dự, ve ra khỏi tường 6 thước, bề ngang 10 thước. Tiếp theo 2 bên đài dọc theo 2 vách phía đông, tây có kệ ngồi 6 cấp, bề ngang 1 thước, bằng sạn đúc, như giảng đường trong các trường đại học. Trên đài danh dự và kệ ngồi là nơi an tọa của chư Tăng. Khoảng giữa hai hàng cột, đất lót gạch bông, là chỗ cư hội của thiện nam, tín nữ. Sau vách phía bắc còn một tòa lầu ba từng, dài 35 thước, rộng 12 thước, cao 17 thước, nóc bằng, nối liền với hành lang, rộng 2 thước, chạy chung quanh nóc nhà lợp thiếc (chỗ K.T.T.T.). Dọc theo hành lang có nhiều động đá nhỏ, để làm chỗ tham thiền cho Chư Tăng. Mỗi từng lầu đều có phòng tắm, phòng tiêu kiêm thời. Nơi góc hướng tây có một cầu thang đúc sạn và một cầu thang điển.

Trong chỗ Hội nghị, vách tường sơn màu xanh da trời, xa xa có lỗ hơi, nhìn như cái bông tròn 24 cánh, tượng trương Bánh

Xe Pháp. Giữa lỗ hơi có quạt điển hút gió mát vô, trên có khoảng trống cho gió nóng bay ra. Dọc theo các khoảng trống ấy có gắn đền ống (*néon*) nối liền nhau, như chạy chỉ xanh trên trần. Ban đêm, đèn rọi từ dưới chơn lên ngọn núi, làm cho thạch động được thấy rõ như ban ngày.

Thật là một kiến trúc vĩ đại, khác thường và kiên cố sáu đại môn, sáu cột nhà, sáu cấp cho chư Tăng ngồi và nhiều bội số khác (*multiple de 6*) của con số 6 như Xa Pháp 24 cánh, 108 cái đồng la v.v… mà ít ai để ý, đều ám chỉ kỳ thứ sáu của H.N.K.T.T.T.

Có sáu cây Đại Kỳ Phật giáo và nhiều cờ nhỏ phất phơ trên chót đảnh. Chung quanh chơn núi có 108 cái đồng la, trực kính 8 tấc, trên mặt có đúc hình Bánh Xe Pháp, tượng trưng cho 12 nhân duyên (kể xuôi từ Vô Minh… tới Lão, Tử, là Luân Hồi; kể ngược là bẻ gãy từ cây căm, cho đến diệt tận Vô Minh, là Niết-Bàn). Khách thập phương tự do muốn đánh đồng la, cứ đánh. 108 cái chuông này tiêu biểu cho 108 loại phiền não ái dục, mà người đến đây đều mong nếm được hương vị Phật giáo, để rửa sạch bợn trần nhơ, cầu mau giải thoát khỏi nẻo luân hồi thống khổ.

Tăng đường. Cách thạch động 150 thước, nơi phía nam, là 4 gian nhà, 2 từng lầu, bề dài 64 thước, bề ngang 12 thước. Hai gian cách nhau một đường lộ trải đá rộng 20 thước, hai nhà lầu cất xa nhau, hai tòa khác cất dính theo hình thước nách (*En équerre*) vựa ngã ba đường. Mỗi gian nhà có họa đồ chỉ sáu chỗ Kết Tập Tam Tạng. 120 phòng đâu lưng, hai hành lang 2 thước giáp vòng chung, chặng giữa có 2 thanh đúc, mỗi đầu cũng có 2 thanh đúc và phòng tiêu, phòng tắm. Trong mỗi phòng có 2 giường, có đèn điện, quạt máy. Bốn

gian nhà chứa được 2.500 vị Tỳ Khưu, ngoài ra còn có phòng văn, phòng nhóm của ban Tổ chức cho hai phái xuất gia và tại gia, phòng xuất bản tạp chí, máy in và phòng nhiếp ảnh, chớp bóng.

Trai đường. Sau bốn gian này còn một ngôi nhà khác, cũng 2 từng lầu 30x20 và một gian nhà trệt 60x12 để làm nơi trai tăng. Trong nhà trệt gần cửa cái có thờ 80 tượng sơn son phết vàng, tượng trưng cho 80 vị đại A-la-hán, đệ tử kế cận của Đức Thế Tôn khi xưa. Từ các Tăng đường đến Trai đường có nhà cầu lợp thiếc, để cho chư Tăng qua lại khỏi mưa nắng.

Chỗ làm việc. Hai bên cửa đông, có hai gian nhà một từng, để làm văn phòng cho trường đại học, sắp mở sau khi H.N.K.T.T.T. bế mạc (Tăng đường hiện giờ sẽ làm nội trú cho sinh viên, là các vị Tỳ Khưu trong hoàn cầu, đến học Pāli và Tam Tạng). Chung quang Tăng đường còn 30 gian nhà tạm 30x18 cao cẳng, lợp thiếc, để làm trụ sở tạm cho Hồng Thập Tự, sở Chữa lửa, sở Kiến thiết, bộ Thông tin, bộ Ngoại giao, sở Tân đáo, sở Cảnh sát, sở Hiến binh, chỗ đãi khách, kho thực phẩm, nhà bếp và nhà đục mưa nắng cho tín đồ. Nhơn viên của các bộ, các sở nói trên có phận sự cho tin tức, lo giấy tờ thông hành cho các phái đoàn, gìn giữ trật tự an ninh và săn sóc bịnh nhân.

Nơi cửa vào trai đường có sở Giao thông quản xuất 20 xe Cars mới tinh hảo và nhiều xe mui kiến của các quan cho mượn, túc trực ngày đêm để đưa rước chư Tăng và khách của các Ngài lên xuống từ chỗ K.T.T.T. đến Rangoon. Ông tổng thơ ký có lòng trong sạch cấp cho Đại đức Bửu Chơn một cỗ xe riêng để Ngài tùy sử dụng. Toàn thể nhơn viên đều

hết lòng lo tròn phận sự. Công việc bề bộn phải ăn, nghỉ tại chỗ. Coi bộ họ rất mệt nhọc, nhưng vẫn vui vẻ niềm nở, ân cần tiếp rước và làm vừa lòng các phái đoàn.

Công việc đương làm. Trước Chùa Kaba Aye, hai bên đại môn có hai ngôi nhà một từng vừa cất xong nhưng chưa sử dụng. Đương cất một tháp để tham thiền, giữa một ao hồ rộng lớn, một gian nhà lầu làm hợp tác xã, nhiều nền móng đương đổ bích-ton…, đặt ống cống, trồng cây, trồng cỏ, tráng đường. Tuy là ngày lễ, nhưng sở Kiến trúc vẫn tiếp tục làm các công việc, không cho gián đoạn. Đại học đường chưa chánh thức mở cửa, nhưng đã tạm dạy trong một gian nhà cao cẳng, bằng cây, lợp ngói. Nghe như công việc kiến trúc đã làm rồi, chỉ mới được nửa phần của chương trình, và đã xài hết 200 triệu roupies (1.500 triệu bạc V.N).

Đây nói về ba ngày lễ khai mạc H.N.K.T.T.T. từ 17 tới 19 tháng 5 năm 1954 nhằm ngày vía Giáng Sanh, Thành Đạo và Nhập Niết-Bàn của Phật Tổ Thích Ca, đúng năm 2.498 của Phật lịch Nguyên Thủy.

Ngày 17-5-1954. Sớm mai 9 giờ, quan Thủ tướng U-Nu mời các phái đoàn dự lễ trai tăng cho 2.500 vị Tỳ Khưu tại Chùa Tháp Shwedagong. Nơi trai tăng là một cái nhà tạm lợp lá, lót ván, cất trên một khoảng đất trống, gần chưn tháp. Vì nổng cao, đất hẹp, nên nhà tạm chỉ vừa đủ chứa 2.500 nhà sư và các phái đoàn, còn người bổn xứ phải nhường chỗ đứng và quì phía ngoài. Vật thực để trong những hộp bằng aluminium, được khiêng lên trước, quan Thủ tướng lên sau với một sĩ quan hầu cận. Xe đến tận nấc thang, từ đường lộ ngài lột giày leo thang như các tín đồ, đến nơi ngài và vị sĩ quan vào quì lạy chư Tăng ba lạy, trở ra trước nhà trai tăng

làm lễ chào cờ, có binh lính dàn hầu và trổi quốc thiều. Xong rồi, ngài đi vào lạy ba lạy nữa và xin thọ giới. Xin giới xong có một ông quan đứng lại tại micro đọc bài dâng vật thực. Chư Tăng thọ rồi đọc kinh cầu chúc cho thí chủ, dứt câu kinh toàn thể người dự lễ đồng thanh hô to ba tiếng "lành thay" (không có đọc kinh hồi hướng). Cuộc lễ đã chấm dứt.

Các phái đoàn trở về lo cơm nước, chờ đúng 11 giờ xe rước đi dự lễ khai mạc H.N.K.T.T.T. Đúng 12 giờ chư Tăng và quan khách đều có mặt trong hang Maha Pusana Guha. Trên 10.000 vị Tỳ Khưu có mặt tại Kapa Aye, nhưng chỉ có 2.500 vị được thỉnh vào dự lễ, trong ấy có hai nhà Sư V.N. là Đ.Đ. Bửu Chơn và Hộ Giác. Trên 200.000 người đến Kapa Aye, phần đông là người bổn xứ, chỉ có các sứ thần, quan khách và phái đoàn độ 2.000 người vào dự lễ, trong ấy có 7 đại diện phái Bảo Thủ V.N. (2 thiện nam: Nguyễn Văn Mẫn, Nguyễn Văn Hiếu; 5 tín nữ: Đoàn Thị Liên, Huỳnh Thị Kỳ, Huỳnh Thị Có, Khấu Thị Giàu và cô diệu Trần Thị Thọ).

Đúng 12 giờ 12 phút, (là một giờ có ý nghĩa thế nào mà tôi không có dịp hỏi nơi các vị cao Tăng) trong hang Maha Pusana Guha, sáu tiếng chuông khởi ngân vang dội, phá tan không khí lặng lẽ của 4.500 Tăng và tục, đương nghiêm trang chờ đợi cái giờ cu hội chánh thức của bao nhiêu tâm hồn ngưỡng mộ Phật Pháp, từ bốn phương trời tìm gặp nhau nơi đây, để biểu dương tinh thần đoàn kết trong một giáo lý duy nhứt của Đấng Cha Chung. Cũng trong giờ phút ấy, bên ngoài có đại bác bắn bổng lên hư không sáu lá cờ Phật giáo, nhờ sáu cây dù nâng đỡ giữa lừng, để mặc tình gió lôi cuốn trong bao la Thế giới của hàng Chư Thiên trong các cõi Trời. Báo hiệu vừa dứt, một vị Thượng Tọa đứng trên đài hướng

bắc tuyên bố bằng tiếng Pāli và tiếng Miến Điện: “Giờ này là giờ khai mạc Hội Nghị Kết Tập Tam Tạng lần thứ Sáu, nhằm bữa trăng tròn tháng Wesak, năm thứ 2.498 từ khi Đức Từ Phụ Giáo Chủ Gotama nhập Niết-Bàn”. Một vị Thượng Tọa thứ nhì, cao hạ nhứt trong 2.500 vị Tỳ Khưu trong Hội nghị, đứng lên đề cử Đại đức Giáo Tông (vua Sãi) Miến Điện là Ngài Abhidhaja Maharathaguru Bhaddanta Revata làm Chủ Tọa Hội nghị. Toàn thể chư Tăng chấp thuận bằng cách nín thinh, Đại đức Chủ Tọa được thỉnh lên Pháp tọa, giữa trung đài hướng bắc. Trên hai hang ghế thấp, hai bên Pháp tọa có 9 vị Trưởng Lão ngồi hầu, nơi cấp ba có 10 vị Tăng Trưởng, toàn là bậc đại thiện hữu trí thức trong Tăng già. Đèn rọi từ phía nam (của sở chớp bóng) phựt chiếu ngay đài hướng bắc, giờ phút uy nghiêm, cảm động, Đại đức Chủ Tọa ngồi trên ngai vàng và chư Tăng trong Ban Chấp Sự từ cao dòm xuống với vẻ hiền lành, hoan hỷ, dường như đương ban bố phước huệ của các Ngài đã vun bồi trong cả đời tu học, cho toàn thể đại diện Phật tử hoàn cầu, từ dưới đất mọp lạy lên, để rước lấy nguồn hạnh phúc tươi nhuận hầu đem về chia sớt lại cho các bạn đồng đạo trong xứ mình. Đại đức Bhaddanta Pandita, một vị Trưởng Lão trong Ban Chấp Sự, đứng lên ca tụng Hội nghị bằng tiếng Pāli, và nhấn mạnh rằng tánh cách Hội nghị này khác hơn năm kỳ Hội nghị trước, là bởi do nơi nguyện vọng tha thiết và sự ủng hộ nhiệt thành, chẳng những của dân chúng Miến Điện, mà lại là của toàn thể Phật tử các xứ yêu chuộng Đạo Giáo tối cổ của Đức Từ Phụ Gotama. Kế đó một đại diện phái Tại gia ông U Saing Kyaw, bước ra đảnh lễ ba lạy, đọc bài ca tụng ân đức Tăng Bảo, rồi cùng thiện nam, tín nữ bái chào thêm ba lạy nữa. Tiếp theo, ông Tổng Trưởng bộ Lễ U Win đứng ra đảnh

lễ, rồi đọc một bài diễn văn về lịch sử của các kỳ Hội Nghị Kết Tập Tam Tạng thứ nhất đến thứ năm, ca tụng ân đức của chư vị Thánh Tăng, nhứt là Đại đức Kassapa (Ca-Diếp), có công sắp Phật ngôn ra ba Tạng, mỗi Tạng có mấy pháp môn, mỗi pháp môn có mấy tiếng, khiến cho các nhà Sư trụy lạc phá giới hậu lai không thể canh cải sửa đổi lời di huấn của Đức Thế Tôn được. Và nhờ niêm luật đó, trong thời đại sau, mỗi khi có bọn ký sanh dắt dẫn tín đồ sai đường lạc nẻo, chư Tăng có thể Kết Tập Tam Tạng lại để sùng hưng Phật giáo. Sau rốt ông Tổng Trưởng bộ Lễ ca tụng công đức chư Tăng đã hết lòng phụng sự Phật Pháp, nên kỳ Hội nghị thứ Sáu này được thành tựu mỹ mãn. Ông lạy chư Tăng để tỏ lòng biết ơn các Ngài. Cũng từ trong nhóm Cư Sĩ, ông Tổng Thống Ba U bước ra đảnh lễ chư Tăng, và nhân danh của các tín đồ nhiệt thành vì đạo của các xứ chịu ảnh hưởng Phật giáo Nguyên Thủy, đã triệu thỉnh chư Tăng hoan lâm gia nhập Hội nghị hôm nay, tỏ lòng cung kính bái tạ các Ngài. Rồi ông sơ lược nhắc lại lịch sử tín ngưỡng của nhơn loại từ thời thượng cổ. Xưa kia, vì sợ tai ách do hiện tượng thiên nhiên đem lại, người ta đặt ra đủ loại thần thánh, để thờ cúng mong được giải thoát những nguy biến của vũ trụ. Cho đến khi Phật Tổ ra đời giáo hóa, người ta mới thức tỉnh, biết rằng không thể mong cầu nơi các vị thần linh ấy, mà được giải thoát những thống khổ ở đời. Trái lại, phải nương nhờ nơi Tam bảo, mới được hạnh phúc yên vui vĩnh viễn. Chúng ta có phận sự hộ trì Tam bảo cho được trường tồn hưng thịnh, bằng chẳng vậy Phật Pháp sẽ bị suy vong, nếu để Phật Pháp lu lờ, chúng ta chớ mong giải thoát khỏi vòng đau khổ. Muốn cho nền đạo giáo cao quí của Đức Thế Tôn được thạnh đạt, toàn thể tín đồ phải hết lòng phụng sự ngôi Tam bảo. Trong

thời kỳ nước Miến Điện bị ngoại quốc đô hộ, Phật giáo suýt chinh nghiêng hư đổ, vì dân chúng khi ấy không đủ khả năng chống chỏi. Đến khi xứ Miến Điện được hoàn toàn độc lập, Chánh phủ liền bắt tay vào công việc trùng tu Chùa Tháp và phấn khởi dân chúng lập ra các hội Phật học để nâng đỡ chư Tăng, lần lần tới ngày nay mới hiệp tác cùng Phật tử tứ phương tổ chức được Hội Nghị Kết Tập Tam Tạng này. Sự hy sinh của chúng ta, hôm nay đã đem lại kết quả vô cùng tốt đẹp, chẳng những có lợi ích riêng cho chúng ta, mà còn có ảnh hưởng lớn lao cho nền hòa bình Thế giới. Sau khi dứt lời, ông Tổng Thống đảnh lễ bước lui, nhường chỗ cho ông Tổng Trưởng Tư Pháp U Thwin quì lạy, rồi nhơn danh Phó Chủ tịch Hội Nghị Kết Tập Tam Tạng, đọc bài tán dương Tam bảo và xin thay mặt cho Chánh phủ Miến Điện, hứa lãnh trách nhiệm đối với chỗ ở, vật thực, y phục và thuốc men, cũng như về các vật cần thiết khác trong thời hạn hai năm kết tập đến ngày chư Tăng trở về quê quán. Ông còn yêu cầu chư Tăng để ý xem xét các phần tử trụy lạc đương ẩn núp theo Tăng già, làm thương tổn Phật Pháp và đề nghị phương pháp diệt trừ bọn ký sanh ấy. Ông hứa sẽ dùng uy quyền của Chánh phủ ban cho ông để trừng trị thẳng tay bọn phá hoại Phật Pháp, để bảo tồn ngôi Tam bảo, hầu hoằng khai Chánh Pháp cùng khắp năm châu bốn biển, cho nhơn loại hưởng nhờ. Kế tiếp, đại diện của các vị Giáo Tông (vua Sãi), các bậc Đế Vương, các Chánh phủ của những xứ được mời dự Hội nghị, đứng ra đảnh lễ, đọc thông điệp tán dương và cầu chúc cho lễ Kết Tập Tam Tạng được thành tựu như ý nguyện của Phật tử trên hoàn cầu và đem lại hạnh phúc hòa bình cho nhơn loại. Cuộc chúc từ kéo dài lối một giờ, rồi tạm ngưng để nối tiếp trong hai ngày sau, y theo chương trình đã

định. Đại đức Agga Maha Pandita Bhaddanta Tridasabha đứng trên đài, nhơn danh H.N.K.T.T.T., đọc một bài đáp lại những lời chúc từ của các thông điệp nói trên. Đại đức Chủ Tọa cũng tỏ lời cám ơn các vị giáo tông bằng tiếng Pāli và các Chánh phủ bằng tiếng Miến Điện.

Cuộc lễ chấm dứt hồi 2 giờ 30 phút. Chư Tăng được thỉnh ra hai từng lầu phía sau chỗ Hội nghị giải lao, còn quan khách được mời ra nhà hàng nơi cửa Đông dùng cơm trưa.

Đúng 3 giờ 30, chư Tăng tái họp lại, khai diễn chánh thức công việc Kết Tập Tam Tạng. Cũng 6 tiếng chuông và 6 tiếng đại bác mở đầu như lúc khai mạc. Đây là phần việc của chư Tăng, thiện nam, tín nữ được phép vào dự thính, nhưng vào nơi trong phải nghiêm trang yên lặng và phải ngồi cho mãn giờ mới được ra. Tiếng báo hiệu vừa dứt, Đại đức Chủ Tọa từ trên ngai vàng tuyên bố rằng: Y theo cách thức Kết Tập Tam Tạng của Đại đức Ca-Diếp lần đầu tiên, Hội nghị kỳ thứ Sáu này phải chọn hai vị Trưởng Lão vấn đáp phân minh, cho biết do nơi đâu và tại xứ nào, Đức Thế Tôn đã ban hành các điều luật răn cấm trong Tạng Luật. Vậy xin đề nghị Đại đức Agga Mahapandita Bhaddanta Javana làm người vấn (Pucchaka) và Đại đức Tipika Kadhara Dhammabandagarika Bhaddanta Viccittasera là người đáp (Vissajjaka). Chư Tăng ưng thuận bằng cách nín thinh, hai Đại đức này liền lên ngồi hai Pháp tọa sơn son phết vàng, hai bên ngài Chủ Tọa. Rồi ông Pucchaka bắt đầu hỏi: “Vì nguyên do nào và tại nơi đâu Đức Thế Tôn ban hành điều luật Parajika (I) thứ nhứt, trong tạng Vinaya Pitaka nói về phạm hạnh của các thầy tỳ khưu?” Ông đáp, tay cầm quạt màu ngà, tượng trưng tợ như cây quạt của Đại đức Shin

Maha Kathapa trong kỳ kết tập thứ nhứt, trả lời rằng: "Đức Thế Tôn chế ngự điều luật thứ nhứt ấy tại thành Vesali, vì bởi thầy tỳ khưu Ashin Thurein, con của một nhà triệu phú đã thổ lộ hạnh kiểm xấu xa". Mười vị Tăng trưởng ngồi cấp dưới đồng rập nhau lập lại câu trả lời nói trên cho chư Tăng nghe. 2.500 vị Tỳ Khưu trong Hội nghị đồng đọc lại một lượt điều luật thứ nhứt Parajika sikkha (là điều học về Bất cộng trụ). Xong rồi, toàn thể chư Tăng đọc ba lần Sādhu (lành thay). Tiếp theo, chuông và còi rộ lên thổi vang rần, hưởng ứng ba tiếng lành thay của chư Tăng.

Một vị Trưởng Lão tuyên bố: Buổi kết tập đầu tiên đã kết thúc. Liền đó các thính giả đi ra để chỗ cho toàn thể chư Tăng có mặt tại Kaba Aye vào hiệp với 2.500 vị Tỳ Khưu trong Hội nghị làm lễ Uposatha (Phát lồ), vì ngày hôm nay nhằm ngày tụng giới bổn của Tăng chúng.

Về bên phái đoàn cư sĩ, ngày lễ đầu tiên này chấm dứt, sau buổi tiệc long trọng của ông Đô Trưởng Ragoon, thết đãi tại thị sảnh, có ngũ âm và múa rầm giúp vui tới đêm mới mãn.

Ngày 18-5-1954. Trong Phật giáo có một việc lạ, mà ai ai cũng để ý nhưng không thể hiểu được: Mỗi khi có lễ lớn thì trời chuyển mưa, nhằm mùa mưa thì mưa tầm tã, nhằm mùa nắng thì trời vần vũ, mưa to. Các kỳ rước Xá Lợi ở Saigon và cung nghinh Xá Lợi đến các Chùa đều có vậy; dường như mưa để rửa trược khi nơi vùng có đại lễ, hoặc cho quang cảnh mát mẻ, giúp cho người mộ đạo vui thích trong phước lành.

Hôm qua, trước giờ H.N.K.T.T.T. trời mưa xối xả, cho đến giờ khai mạc chỉ còn mưa tro rỉ rả. Cây cỏ, chùa chiền, đền

đài, trong ngoài chỗ Hội nghị đều được thợ trời rửa sạch bụi cát do cả ngàn xe hơi tới lui tấp nập trong mấy ngày trước. Bao nhiêu dơ uế trên mặt đất được nước cuốn ra khỏi vùng Thánh địa. Nếu cho đó là một sự tình cờ do hiện tượng vũ trụ đem lại, sự tình cờ này có lẽ cũng tùy thuộc nơi tâm lành của khối người trong sạch với đạo lành của đấng Trọn Lành duy nhất trong thế gian vậy.

Hôm nay, ngày thứ nhì, trời quang mây tạnh, và nhờ bên trong có nhiều chỗ rộng, ban Tổ chức cho thính giả vào thêm 1.500 người nữa, thành ra trong hang kết tập có cả 6.000 người: 2.500 vị Tỳ Khưu và 3.500 tín đồ. Còn lại gần 200.000 người ở ngoài, lớp đi chung quanh đua nhau đánh 108 cái đồng la, cầu cho phiền não mau tận diệt do duyên lành cấu tạo hôm nay; lớp vào chiêm bái trong Chùa Hòa Bình Kaba Aye, lớp thì lóng nghe trước các ống loa các lời tuyên bố của chư Tăng, cùng những bài chúc từ của đại diện các xứ bên trong. Phái đoàn V.N. hôm nay đến trễ 10 phút vì bận lo đi lãnh bạc nơi ngân hàng. Tuy đến trễ, nhưng được vô thong thả, nhờ mỗi người có treo trước ngực một thẻ ngà, biểu hiệu của khách ngoại quốc, một biểu hiệu đơn giản, nhưng rất linh nghiệm đi tới đâu cũng được nhường chỗ, cho đến giữa thành phố cũng được người ta niềm nở chỉ chọc đường đi nước bước. Vì đến trễ mà có một bà tín nữ không quen vừa đi vừa chạy, cũng không quen đi chân không trên lộ trải đá, bá cẳng vào vật chi mà phải trầy chân đổ máu, lại bị trật gân sưng cẳng, tối về nóng lạnh.

Hôm nay, buổi lễ khởi hành đúng 12 giờ. Cũng như bữa đầu, dứt tiếng chuông còi, một vị Đại đức đứng ra tuyên bố Hội nghị khai mạc ngày thứ nhì. Ông Thủ tướng U Nu bước ra

đảnh lễ chư Tăng và đọc một bài diễn văn ca tụng các Hội Nghị K.T.T.T. đầu tiên, giải thích nguyện vọng và mục đích của cuộc Hội nghị kỳ sáu này, Phật tử đều muốn cho Phật Pháp được gìn giữ nguyên vẹn theo Phật ngôn lưu truyền. Công trình vĩ đại này thành tựu được chỉ nhờ sự cố gắng của Tăng già và tín đồ. Ông Thủ tướng nhân danh dân tộc Miến Điện cầu chư Tăng làm tròn nhiệm vụ cao cả này, y theo tinh thần và thủ tục của chư vị A-la-hán xưa kia. Kế tiếp, các vị Đại đức, trưởng phái đoàn mỗi xứ và đại diện các Chánh phủ luân phiên đọc bài chúc từ. Khi đọc chúc từ các nhà Sư đứng trên bảo đài, còn bên cư sĩ thì đứng dưới đất. Cũng như hôm qua, mỗi lần có đọc diễn văn, mỗi chớp đèn chụp ảnh quay phim.

Đúng 2 giờ 30, tạm ngưng, Đại đức Agga Mahapandita Bhaddanta Indasabha đứng lên đáp lời cùng diễn giả. Dứt lời chuông và còi reo lên chấm dứt buổi lễ.

Đến 3 giờ 30, chư Tăng họp lại Kết Tập Tam Tạng. Hôm nay ông vấn (Puccaka) hỏi ông đáp (Vissajjaka) về điều học thứ nhì và thứ ba của giới Bất cộng trụ (Parajika). Mười vị Trưởng Lão đọc lại hai câu đáp, 2.500 vị Tỳ Khưu đọc trọn điều học thứ nhì và thứ ba dứt lời, toàn thể Hội nghị hoan hô bằng ba tiếng “Lành thay”.

Buổi kết tập thứ nhì của Hội nghị thứ sáu chấm dứt đúng 5 giờ 30.

Khi ra khỏi Hội nghị lúc 2 giờ 30, các phái đoàn được mời ra nhà hàng dự tiệc xế chiều. Ra đến nơi gặp 3 bà tín nữ Huỳnh Thị Có, Khấu Thị Giàu, và cô diệu Trần Thị Thọ đứng trước bộ Ngoại giao với vẻ mặt buồn xo và bí xị. Ba bà

từ Bangkok đến từ 12 giờ trưa với Đại đức Hộ Giác, được ban tiếp tân rước ngay về chỗ Hội nghị, chờ các phái đoàn dự lễ rồi về nơi cư trú tại Rangoon một lượt, bởi giờ đó khách ngoại quốc đều ở trong hang Kết Tập Tam Tạng. Riêng mình Sư Hộ Giác được đưa thẳng đến Tăng đường, nơi phòng của Đại đức Bửu Chơn đã ký chú sẵn cho Ngài. Sư Thông Kham cũng từ Bangkok đến một lượt với Sư Hộ Giác, Ngài cũng được đưa đến Tăng đường, theo phái đoàn Lào bởi Ngài từ Vientiane đến, nhưng cũng ở chung một gian nhà với phái đoàn V.N.

Chiều lại được đưa đến một nhà hàng lớn nhứt, dự tiệc của ông Tổng Trưởng Ngoại Giao thết đãi các phái đoàn. Buổi tiệc này có tánh cách lạ lạ: đồ ăn để một nơi, khách ngồi một nơi, khi ráp lại ăn, mạnh ai nấy đi lấy đĩa, muỗng, dao, khăn rồi tự tiện thích món nào gắp món nấy vào dĩa, rồi đem lại bàn ngồi ăn. Boy chỉ có phận sự đi rót nước cam, nước suối thôi. Xứ Phật giáo không có dùng một nhỏ rượu. Ngoài nước cam, xá xị, người ta uống nước lạnh trong lu, cũng không dùng nước trà. Các nhà Sư cũng không có nước trà hoặc nước nóng. Ăn rồi cũng không có diễn văn. Từ bàn này sang qua bàn khác, kiếm người quen nói chuyện đã rồi kéo nhau ra về, cũng không cần biết tới ông chủ nhà. Ông cũng bình dân chen lộn trong đám khách để kiếm ăn và nói chuyện với bạn bè của ông.

Ngày 19-5-1954. Ngày hôm nay là ngày thứ ba, ngày chót của lễ khai mạc.

Phái đoàn V.N. tính lên Kaba Aye ở trọn bữa, trước để thăm hai Sư Hộ Giác và Thông Kham mới đến, sau để leo lên các từng lầu và chót núi đá bao phủ chỗ Hội nghị. Sáng sớm, lót

lòng rồi, quí bà dự bị trầu cau, mua sắm vật thực dâng cho ba Sư V.N. Quí bà giàu lòng tín ngưỡng, hay dòm ngó coi chư Sư thiếu thốn món chi, mua sắm không sót, nào là bàn chải chà răng, phấn đánh răng, xà phòng, bình thủy, khăn lau mặt v.v… Phận cư sĩ thì lêu lổng, vô tình, không làm được những việc cao quí ấy. Bề trong thì khen thầm cử chỉ của quí bà, bề ngoài lại thắc mắc, bắt bẻ đủ điều, để che đậy cái tệ của mình: "Đi chung một phái đoàn muốn làm một việc phước nào, dầu lớn, dầu nhỏ cũng phải toan tính với nhau, quí bà ỷ có tiền, muốn làm gì không cho chúng tôi hay biết". Đây là ăn hiếp gió: mấy bà lật đật sám hối, có biết đâu cái thâm tâm của bọn râu mày.

Gặp Đ.Đ. Thông Kham vui mừng trò chuyện, thì mới hay Ngài nhờ ông Tổng Trưởng Tư Pháp Lào, là ông Phya Kham Mau gởi Ngài qua Miến Điện, theo phái đoàn học sinh. Ngài tới Bangkok ở chờ Chánh phủ Lào gởi thêm ngân phiếu qua đặng mua giấy máy bay sang Rangoon, vì đi thình lình không kịp lấy đủ giấy tờ. Chờ hoài không được, Ngài cậy sứ thần Lào Bangkok, mua giùm giấy máy bay, mới qua sớm một lượt với Đ.Đ. Hộ Giác.

Sư Hộ Giác nhờ ở mấy ngày ở tại Sứ quán V.N., Bangkok, có đi tìm học được hai Sư Tịnh Sự (Sư giáo Vĩnh Long) và Thiện Tâm, đương từng học tại Chùa Rakhang. Vừa đến nơi, Sư Hộ Giác liền bắt tay vào công việc Kết Tập Tam Tạng. Mặc dầu còn mệt nhọc nhưng Ngài vẫn vui lòng tham dự, nhơn danh Phật giáo xứ V.N., cũng như Đ.Đ. Bửu Chơn, Đ.Đ. Bửu Chơn cũng lo cho Đ.Đ. Thông Kham sang qua phái đoàn V.N. để thay thế cho Ngài trở về dưỡng bịnh.



Đ.Đ. Bửu Chơn đang đọc diễn văn tại Đại Thạch Động trong kỳ lễ khai mạc Kết Tập Tam Tạng lần VI tại Rangoon, Miến Điện.

Hội Nghị Phật giáo Thế giới Lần III Tại Rangoon - Miến Điện (Ngày 3 Tháng Chạp D.L 1954 -2498)

Hôm ngày 12 tháng 11 dl.1954, tôi vừa được một bức điện văn của Hội Phật giáo Thế giới Miến Điện gửi sang để thỉnh hai đại diện cho Phật giáo Nguyên Thủy V.N., đến dự Hội nghị Phật giáo Thế giới lần thứ ba tại Rangoon Miến Điện vào ngày 3 tháng chạp D.L. 1954.

Lẽ cố nhiên tôi phải lãnh một trách nhiệm về phần hướng đạo và một vị đạo hữu đã có yêu cầu trước, là ông Vĩnh Cơ có thiện chí muốn sang Miến Điện để quan sát về nền Phật giáo và chiêm bái các nơi Phật tích, tôi liền đánh điện văn cho ông hay, nhưng rất tiếc vì trường hợp xảy ra bất ngờ làm cho ông không thể nào đi được, nên một bức điện văn từ Đà Nẵng đánh vào để cáo lỗi và yêu cầu xin ông Nguyễn Văn Hiểu đi thế, lẽ dĩ nhiên ông Hiểu phải ráng lãnh trách nhiệm nhưng có hơi dụ dự là vì ông đã có đi một lần rồi vả lại cũng bị bận nhiều công việc sau khi xin giấy tờ vừa xong, thì rất rủi thay công việc nhà ông lại xảy ra bất ngờ mà ông không thể nào bỏ đi được. Thế thì tôi phải một mình một bóng lìa khỏi phi trường Tân Sơn Nhứt lối 7 giờ 30 ngày 30 tháng 11dl. 1954 để sang Miến Điện cho kịp kỳ khai mạc.

Phi cơ từ từ cất cánh trực chỉ về hướng tây gần một tiếng đồng hồ lại hạ cánh xuống phi trường Pochentong Phnompenh để cho hành khách lên xuống và trình giấy thông hành độ nửa tiếng đồng hồ lại cất cánh trực chỉ thủ đô Vọng Các (Bangkok), mãi hơn 11 giờ trưa mới tới phi trường Daungmaung cách thủ đô Bangkok lối 28 cây số ngàn.

Vừa tới nơi thì thấy có cậu Phồn Anh con của cụ Nguyễn Khoa Toàn, Đại sứ V.N. ở Vọng Các ra đón rước và cùng luôn dịp đưa 2 bà tín nữ V.N., ở Kiêm Biên đi dự lễ Kết Tập Tam Tạng phần nhì mới về, sau khi trình giấy châu lưu xong lại được cậu Phồn Anh đưa về Sứ quán để tạm nghỉ đặng xin chiếu khán của Tổng Lãnh Sự Miến Điện và ghi chỗ với hãng hàng không, công việc rất lộn xộn nhưng mọi việc đều nhờ Sứ quán V.N. lo xong cả, sáng hôm sau lối 6 giờ sáng lại trở ra phi trường để sang Rangoon; hôm ấy hành khách rất đông nên mãi hơn 8 giờ 30 phi cơ mới cất cánh, gần 1 giờ trưa mới tới phi trường Rangoon. Vừa tới nơi thì ông U. Chaw-Seng, nhân viên của Hội Phật giáo Miến Điện đến tiếp rước và lo giấy thông hành cho tất cả phái đoàn tới Hội nghị, xong lại đưa ra về Kaba Aye là chỗ để cho Hội Phật giáo Thế giới yên nghỉ và Hội nghị. Sau khi tới yên nghỉ một lúc thì có Sư Hộ Tông, Sư Thông Kham, Sư Hộ Giác, Sa di Thiện Hạnh và các bà tín nữ đã đến Rangoon trước để dự lễ Kết Tập Tam Tạng phần nhì, đến thăm và trách móc sao không cho hay tin trước để ra đón rước, mãi mấy hôm sau cô Diệu Phước (Chùa Huệ Lâm) đang tùng học nơi ni đường Miến Điện mới đến thăm tôi.

Buổi khai mạc sáng hôm 3-12-1954, đúng 8 giờ sáng thì tất cả 30 nước trên thế giới đều có đại diện tới tham dự đủ mặt nơi Đại Thạch Động, tôi nhận thấy như là: Tàu, Nhựt Bản, Phi Luật Tân, V.N., Tân-gia-ba, Pénang, Nam Dương quần đảo, Úc châu, Tích Lan, Ấn Độ, Miến Điện, Cao Miên, Xiêm, Lào, Anh, Mỹ, Pháp, Ý đại lợi, Finland, Đức, Áo, Hawaii v.v…

Đúng 8 giờ 30, Tổng Thống Miến Điện vừa tới thì trống còi và đại bác nổi lên inh ỏi để làm biểu hiệu cho buổi khai mạc được thêm phần long trọng, khi tiếng trống còi im lặng thì Đại đức Reveta Chủ tịch ban Kết Tập Tam Tạng lần thứ Sáu bắt đầu cho tam qui và ngũ giới cho tất cả phái đoàn trên thế giới (trừ Tăng già ra mà thôi), kế đó bác sĩ U.Ba Tổng Thống xứ Miến Điện từ từ đứng dậy tới trước máy truyền thanh đọc một bài diễn văn để chúc mừng cuộc lễ khai mạc và cầu chúc cho cuộc Hội nghị Phật giáo Thế giới sẽ đem lại nhiều sự kết quả tốt đẹp cho nhân loại. Kế tiếp, ông U. Chan Htoon, Tổng Chưởng Lý và Chánh Hội Trưởng Phật giáo Thế giới địa phương Miến Điện, đọc một bài diễn văn để chào mừng tất cả phái đoàn trên thế giới vì đã tốn công hao của và phải trải qua nhiều sự khó khăn từ phương xa ngàn dặm tới dự rất đông đủ và ông khiêm tốn xin thứ lỗi cho, nếu trong khi lưu trú có điều chi không vừa lòng đẹp ý. Rồi lần lượt đọc những lời chúc mừng của các vị Đế Vương và Quốc Trưởng của các nước trên thế giới gởi đến, sau cùng ông G.P Malala Sekera Hội Trưởng Hội Phật giáo Thế giới đọc một bài diễn văn đại ý, kể sơ qua lịch sử của Hội Phật giáo Thế giới thành lập đầu tiên năm 1950 tại Colombo, Tích Lan, năm 1952 Hội nghị tại Nhựt Bản, tới năm nay là năm 1954 lại Hội nghị tại xứ Miến Điện, với mục đích đem lại sự sáng tỏ nền Phật giáo chánh truyền còn nguyên vẹn theo Tam Tạng Pāli và gây tình cảm bác ái đối với tất cả người tu Phật không phân biệt tôn, phái, màu sắc chi cả, chỉ biết chúng ta là một khối người tu Phật, như con một cha. Vì Đức Phật cũng như đấng Cha Lành chung cho tất cả người tu Phật. Bác sĩ lại nhấn mạnh thêm rằng còn hai năm nữa là 1956, là đúng thời kỳ phân nửa Phật Pháp 2500 kể từ khi Đức Phật nhập Niết-Bàn đúng

ngày Rằm tháng Tư. Hiện nay có hơn 550 triệu người tu Phật trên khắp cả Thế giới đều chuẩn bị để làm lễ Phật nhập Niết-Bàn. Tôi cũng hiểu biết rằng có nhiều nơi ý kiến bất đồng về ngày đản sanh và ngày nhập diệt của Đức Phật. Nhưng dầu sao chúng tôi cũng tự tin rằng Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni giáng sanh, đắc đạo và nhập diệt cũng tại trung Ấn Độ, mà Ấn Độ và các nước trực tiếp về nền Phật giáo theo Ấn Độ cũng đều tin rằng hiện nay Phật Pháp đã qua 2498 năm, dầu đúng hay không chúng ta cũng nên đồng hòa hiệp nhau thống nhứt lại tạo cuộc lễ cho hòa hợp nhau thì càng làm cho được phần long trọng và chúng ta nên tin rằng Đức Phật là một bậc vĩ nhân, ngày sanh và diệt Ngài cũng lựa một ngày cho các hàng môn đệ dễ nhớ, nhứt là ngày rằm thì ít ai quên vậy; không như đạo Gia-tô hiện nay họ vẫn còn mơ hồ, phân vân ngày sinh nhựt của đấng Chúa Trời. Khi dứt bài diễn văn của bác sĩ thì vừa đúng giờ cho chư Tăng độ ngọ nên cuộc khai mạc tạm giải tán.

Đúng 1 giờ thì Hội nghị lại bắt đầu tái họp vào làm việc để xem xét những đề nghị của các nước Phật giáo đưa tới, kỳ họp lần này không phải trong Đại Thạch Động nữa mà ở tại từng thứ nhì, trong một văn phòng rộng rãi lối (10mx30) là một Tăng đường tên Amaragoyāna phía sau Đại Thạch Động, kỳ họp lần này có cả thảy gần 300 đại diện của thế giới và hơn 300 người quan sát viên (observateurs). Phần P.G.N.T.V.N. theo thứ tự mẫu âm Đ.Đ. Bửu Chơn được sắp vào ngày thứ nhì để đọc diễn văn phúc trình sự hoạt động. Đại ý bài diễn văn nói rằng: Hiện nay nhân loại đang bị áp lực của tham, sân, si đè nén nặng nề, muốn chữa trị những chứng bịnh ấy cần phải có một phương thuốc thật hay mới

mạnh được, không chi hơn là tất cả nhân loại nên quay về Phật giáo, vì Phật giáo có tánh cách không thù oán, hãm hại, tàn sát lẫn nhau và nên tu tập theo hạnh bố thí để trừ bớt lòng tham lam, trì giới để dứt bỏ lần lòng thù oán, vì nếu mỗi người đều giữ giới thì còn ai mà chém giết tàn sát nhau, mà nếu không có chém giết sát hại thì đâu có sanh ra giặc giã chiến tranh. Hơn nữa, cần phải ráng tham thiền để trừ bớt lòng si mê và cho được minh tâm kiến tánh thấy rõ chơn lý của vạn vật đều là vô thường, khổ não, vô ngã thì tự nhiên các bịnh tham, sân, si ấy sẽ lành mạnh, chừng ấy không cần nói cả Thế giới đều được hoàn toàn hạnh phúc và thái bình thạnh vượng.

Trong 3 ngày Hội nghị, hội chia ra làm 4 Ủy ban để bàn luận về 4 vấn đề:

1) Ủy ban thứ nhứt: Bàn luận về vấn đề "Giáo hóa", Ủy ban này yêu cầu nên tạo thêm những trường học cho nhi đồng Phật tử, nên lập ra những lớp học ngày chúa nhật để dạy cho học sinh am hiểu về Phật giáo và nếu có thể nên lập ra trường đại học về Phật giáo tùy theo khả năng của mỗi trung tâm Phật giáo Thế giới địa phương.
2) Ủy ban thứ nhì: Bàn luận về vấn đề "trực tiếp với xã hội", Ủy ban này dẫn dụ rằng: nên giúp đỡ cho xã hội về sự thành lập dưỡng đường, cô nhi viện, nhà riêng cho những người có bịnh hủi và các nơi tiếp độ sức khỏe cho loại thú, nên tiếp độ cho người bị tai hại về nạn chiến tranh hoặc bị tai hại trong lúc thừa hành phận sự trong các cơ xưởng trong các ngành kỹ nghệ.

3) Ủy ban thứ ba: Bàn luận về vấn đề "truyền bá giáo lý Phật Đà", Ủy ban này bàn luận rất lâu và sôi nổi, đại khái về sự thành lập trụ sở trung ương và trụ sở địa phương của hội để làm việc về sự truyền bá Phật giáo Thế giới và kế hoạch của sự truyền bá là:
   a) Khởi xướng về sự hành đạo trong xứ đã có Phật giáo.
   b) Trong xứ không có Phật Pháp thì nên tiếp giúp công chuyện từ thiện như Ủy ban thứ nhì, thuyết pháp, nói đạo và tự mình phải thực hành cho đúng đắn theo chánh giáo để làm gương mẫu.
   c) Nên lập những tư thục để huấn luyện cho phái Tăng già và thiện tín về phương pháp và tư cách của các nhà đi truyền giáo cùng một khuôn khổ.
4) Ủy ban thứ tư: Bàn luận về vấn đề "hoạt động của Phật giáo Thế giới", Ủy ban này đưa ra rất nhiều đề nghị đại khái như là: thành lập sự đoàn kết để làm cho hiểu biết nhau giữa người tu Phật bất cứ là nơi nào, nên thay đổi nhau qua lại về các nhà sư đi truyền giáo và gởi các học sinh Phật giáo đi các nơi, nên thành lập một hội thanh niên nam, nữ Phật giáo Quốc tế, nên thông dụng lá cờ Phật giáo trong các cuộc lễ nào có tánh cách về Phật giáo.

Và thông dụng Phật lịch là kể từ Đức Phật nhập Niết-Bàn đến nay đã được 2498=1954, nên bày ra một biểu hiệu chung cho tất cả Phật tử. Về căn bản hoạt động của sự truyền bá của Phật giáo thì nên căn cứ vào Kinh-Luật của Đức Phật, nhứt là mỗi người Phật tử đều giữ ngũ giới cho trong sạch, vấn đề này có 2 nhà sư Bắc tôn ở Lastonie cãi rằng như rượu

bia hoặc rượu chát người tu Phật uống cũng được vì nó làm cho sự tiêu hóa dễ dàng, sau một lúc bàn luận, hội bác hẳn lời của 2 nhà sư này, nên trao đổi nhau để ấn tống những tin tức của Phật giáo khắp nơi và lập 1 quyển sách cho biết chung tất cả những ngày lễ của Phật giáo luôn có cả tam qui và ngũ giới theo Pāli. Hơn nữa, nhân danh H.P.G.T.G., xin kêu gọi tất cả các Chánh phủ nên ra lịnh cấm sự chế tạo và dùng đến bom nguyên tử, bom khinh khí và tất cả những khí giới có tánh cách sát hại một lần thật nhiều người, vì muốn đem lại sự an ninh cho nhân loại. Các nhà Phật tử nên cấm các con em đừng cho chơi những món đồ có tánh cách sát hại như gươm, súng giả v.v…vì nó ám ảnh và khêu gợi tánh nết hung dữ của trẻ con. Sau khi 4 Ủy ban trên đây đề nghị và bàn luận xong lại đưa lên Tổng Ủy ban để biểu quyết chung một lần nữa khi đã đồng chấp thuận mới được đem ra thi hành.

Qua ngày thứ tư thì tất cả phái đoàn trên thế giới được đưa vào Đại Thạch Động để dự kiến 500 chư Tăng Thế giới đang Kết Tập Tam Tạng phần nhì (2ème Session) kế đó đưa đi viếng các nơi Phật tích trong thủ đô Rangoon.

Bắt đầu từ ngày thứ năm sắp lên thì Chánh phủ Miến Điện có sắp đặt cả thảy 52 toa xe lửa thượng hạng để đưa tất cả phái đoàn đi chiêm bái các nơi Phật tích và các bảo tháp thờ Xá Lợi trên xứ Miến Điện như là tỉnh Mandalay là cựu Thủ Đô của xứ Miến và là nơi Kết Tập Tam Tạng lần thứ Năm, nơi này có 729 tấm bia đá cẩm thạch chạm đủ Tam Tạng Pāli, mỗi bia đá ấy lại được bảo tồn bằng một bảo tháp vuông vức 2 thước tây bề cao lối 3 thước. Những bia đá này đã tạo ra lối 1 thế kỷ, nên những tấm bia ấy chữ vẫn còn rành rạnh,

kế đến viếng xứ Pagan cũng là 1 cựu Thủ Đô của xứ Miến, xứ này có một danh từ đặc biệt gọi là rừng tháp, vì tại xứ này có cả thảy trên 55.000 bảo tháp. Kế viếng xứ Mingun là nơi mà một vị Thánh Tăng đã nhập diệt hơn 3 năm, hiện nay xác Ngài còn quàn mà vẫn không hôi thối. Lúc trở về có viếng một vị Thánh Tăng đương còn hiện tại, nơi xứ Kyaw-sê…

Phương tiện phái đoàn đi chiêm bái, khi hết tàu hỏa sang tàu thủy, xe hơi v.v… Công việc do Chánh phủ sắp đặt hết sức châu đáo, mỗi nhà ga hoặc mỗi thỉnh lỵ để tạm dừng khi thọ thực hoặc giải khát thì Chánh phủ địa phương đều có sửa soạn trang hoàng để tiếp rước rất long trọng. Nếu khi tạm trú trong một đêm, thì có tổ chức các cuộc múa hát bổn xứ để giúp vui cho phái đoàn, công việc đi chiêm bái ấy mất hết cả 9 ngày mới xong, lại đưa phái đoàn trở về Rangoon và sáng hôm sau là đúng ngày 18-12-1954, thì tất cả phái đoàn lần lượt lên đàng về xứ hoặc ai muốn sang Ấn Độ để chiêm bái bốn chỗ động tâm thì đi, nhưng sự tổn phí thì tự mình chịu lấy.

Riêng phần phái đoàn P.G.N.T.V.N. còn nhiều công việc phải thu xếp nên tới ngày 22-12-1954 mới lên đàng về xứ…

Nhưng trước ngày lên đường về xứ, ông Tổng Thống bộ Lễ Ngài U.Win tiếp P.Đ.P.G.N.T.V.N.

Ngày 20-12-1954, P.Đ.P.G.N.T.V.N. được ông U.Win Tổng Trưởng bộ Lễ tiếp rước nơi biệt thự Ngài rất ân cần và vui vẻ hỏi thăm về công việc tiến hành của P.G.N.T.V.N. Sau khi nghe Đ.Đ. Bửu Chơn thuật lại về công việc Phật giáo ở V.N. và vụ mất trộm Ngọc Xá Lợi độ nọ, Ngài Tổng Trưởng bèn cho biết rằng mới rồi ở sở Khảo cổ có tìm được

một bảo tháp sụp đổ tại xứ Sandaw giáp ranh xứ Miến Điện và Ấn Độ do Đức Vua Arakan sáng tạo cách đây hơn 900 năm, trong tháp ấy có nhiều Ngọc Xá Lợi của Đức Phật Tổ và A-la-hán, hiện giờ Chánh phủ đang giao cho ông gìn giữ. Khi nghe Đ.Đ. Bửu Chơn thuật xong Ngài rất cảm động và xin đề nghị với Chánh phủ để hiến cho Phật giáo Việt Nam những Ngọc Xá Lợi của Đức Phật Tổ và A-la-hán ấy.

Lời đề nghị của Ngài rất kết quả, qua ngày 21-12-1954 chính tay Ngài Tổng Trưởng viết một bức thơ và trao những Ngọc Xá Lợi đã kể trên cho Đ.Đ. Nāga Thera (Bửu Chơn), thỉnh về xứ hôm ngày 4-1-1955 và cuộc cung nghinh Xá Lợi đã có tường thuật trong số báo Tín Điển ngày 6-1-1955.

Nguyên văn bức thơ như vầy: Buddhas'Rilics and Arahat Rilics presented by the Hon'ble U.Win, Minister for Religionus Affairs to the Ven'ble Nāga There, Hear of Viet Nam Delegation on the 21st December, 1954, was discovered in the ruins of Sandaw Padoga built about 900 years ago by an Arakann king in Sandoway.

Dịch: Tôi U.Win Tổng Trưởng bộ Lễ của xứ Miến Điện, kính tặng những viên Ngọc Xá Lợi của Đức Phật Tổ và A-la-hán đến Đ.Đ. Nāga Thera (Bửu Chơn) trưởng phái đoàn Phật giáo V.N. hôm ngày 21-12-1954. Những Ngọc Xá Lợi này đã tìm ra được nơi một bảo tháp sụp đổ, bảo tháp này đã tạo ra trước đây lối 900 năm do Đức Vua Arakann nơi xứ Sandoway.

Ký tên: U.Win

Tổng Trưởng bộ Lễ

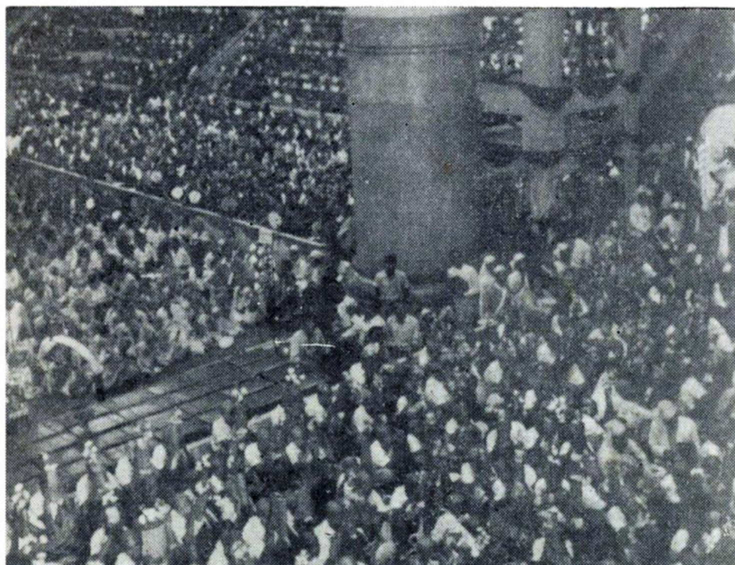
(Ngưỡng Quang) Miến Điện.

Lúc về có bảy bà tín nữ đã qua Rangoon trước để chiêm bái và chờ kỳ hội nghị nên luôn dịp các bà cũng tháp tùng về theo. Khi về đến Thailand trễ luôn mấy chuyến phi cơ vì không có chỗ. Có nhiều hành khách đã ghi tên trước nên phải ở lại Bangkok hơn 10 ngày vì vậy mà phái đoàn được nhiều thì giờ rảnh rang đi chiêm bái các nơi Phật tích trong Thủ Đô Bangkok nhứt là viếng chùa Phật Ngọc, chùa Cẩm Thạch, tháp thờ Xá Lợi đầu tiên trên xứ Thái tại Nakol Pathom, chùa Preak Bat có dấu chân Đức Phật Tổ cách châu thành Vọng Các hơn 100 cây số. Trong khi lưu trú tại Vọng Các mọi việc đều nhờ Sứ quán V.N. lo liệu nhứt là cụ Nguyễn Khoa Toàn rất ân cần tiếp đãi.

Đến ngày 4-1-1955, phái đoàn mới ghi được chỗ của hãng Hàng không V.N., và đáp phi cơ về đến phi trường T.S.N vào 18g30 ngày 4-1-1955. Có rất đông chư Tăng và tín đồ đã chực sẵn để đón rước và cung nghênh Xá Lợi về chùa Kỳ Viên.



Đ.Đ. Bửu Chơn đang dự Hội nghị Phật Giáo Thế Giới lần III tại Rangoon - Miến Điện.



Cuộc lễ Xuất gia cho 2618 giới tử tu Sadi tại Đại Thạch Động trong ngày lễ Kỷ niệm 2500 năm Phật lịch tại Rangoon - Miến Điện.



Đức Vua và Hoàng Hậu xứ Népal.

Lễ Bế Mạc Kết Tập Tam Tạng Lần VI Và Lễ Kỷ Niệm 2500 Phật Lịch Tại Rangoon - Miến Điện Từ 22 Đến 27-5-1956

Lối 1 giờ trưa ngày 18 tháng 4 dl, một số đông chư Tăng, thiện nam, tín nữ Chùa Kỳ Viên đã tập hợp tại chùa để đưa chúng tôi ra phi trường T.S.N. Đi theo tôi có Ô. Nghiêm Xuân Thiện chủ nhiệm tờ báo Thời Luận, gần 14 giờ phi cơ mới cất cánh, hơn nửa giờ thì lại đáp xuống phi trường P.P, chư thiện tín Nam Vang đã chờ sẵn để đón chào chúng tôi; sau khi hành khách lên xuống xong thì con chim sắt lại cất cánh bay thẳng về thủ đô Vọng Các, gần 5 giờ mới đến phi trường Daung Maung (Thái). Khi vừa xuống phi cơ thì đã có các nhân viên của tòa Sứ quán Việt Nam ở Bangkok ra đón rước chúng tôi và rước về nghỉ tạm tại Thủ Đô Vọng Các trong một hôm.

Sáng hôm sau khi độ ngọ trai tại Sứ quán xong lại phải trở ra phi trường Daung Maung để sang Rangoon cho kịp chuyến tàu của hãng hàng không U.B.A. sẽ cất cánh 1 giờ rưỡi trưa. Sau gần 4 giờ mới đến phi trường Rangoon, khi trình giấy thông hành xong chúng tôi cùng về trụ sở của Hội Phật giáo tại Kaba Aye (chỗ Hội nghị).

Nghỉ được vài hôm cho có sức khỏe, đúng ngày 22-4-1956 thì bắt đầu khai mạc cuộc lễ Kết Tập Tam Tạng phần chót, mỗi ngày 500 vị chư Tăng của thế giới phải đến để cộng sự đều vào Đại Thạch Động sớm mai từ 8 giờ cho đến 10 giờ rưỡi, chiều từ 1 giờ cho đến 4g30 mới nghỉ. Làm luôn như vậy cho đến ngày 22 tháng 5 dl là đúng ngày khởi hành cuộc lễ bế mạc, nhưng sự kết tập vẫn tiếp tục làm luôn cho đến đúng ngày 24-5-1956 là ngày rằm mới mãn.

Cuộc lễ này khởi hành từ ngày 22 cho đến 27-5-1956, dưới quyền Chủ Tọa của Tổng Thống và Thủ Tướng Miến Điện, về chư Tăng thì 2.500 vị trên khắp Thế giới được thỉnh đến để dự lễ, ngoài ra còn những người đi xem trên 2 triệu, có tất cả các sứ thần của các nước đến dự, tất cả các xe cộ đều phải đi có một chiều nhưng vậy mà trong ngày 23, 24 trong một khoảng đường độ 5 cây số có tới 4.500 chiếc xe phải bò từ từ đến 3 tiếng đồng hồ mới đến chỗ dự lễ, còn người vì chờ lâu nên xuống đi bộ có hơn 90.000 người trong khoảng đường ấy.

Về chương trình rất dài không thể kể hết được chỉ kể sơ những điểm quan trọng vậy thôi. Chánh phủ cho lập 4 dưỡng đường và 4 nhà thí cơm nước để săn sóc và trợ giúp cho những người tứ phương đến xem lễ. Trong mỗi ngày có 10.000 người đến ăn uống khỏi phải tốn kém chi, có tất cả 6 nhà múa hát để giúp vui trong cuộc lễ và có lập tạm các sở như: Bưu Điện, Thông Tin, Cảnh Sát, Y Tế, Sở Tân Đảo và 1 đại đội quân lính để lo hầu hạ và dâng cúng vật thực đến chư Tăng, Chánh phủ cũng cho triển lãm các vật cổ tích về Phật giáo và các kỹ nghệ, thổ sản trong xứ cho công chúng xem.

Trong khi hành lễ các đại diện trên thế giới đều có đọc một bài diễn văn để chúc mừng cuộc lễ, phái đoàn V.N. cũng có đọc một bài chúc mừng bằng Anh ngữ do Đ.Đ. Bửu Chơn đại diện cho V.N. đọc trước máy phóng thanh xong, nhà báo The Burman có xin để đăng tải. Chánh phủ ra lệnh ân xá cho tất cả tội nhân trên toàn xứ Miến như người bị án tử hình thì được hạ xuống còn chung thân khổ sai, người nào bị từ 1 tháng đến 2 năm được giảm 6 tháng, từ 2 năm tới 10 năm

được giảm 2 năm, từ 10 năm sắp lên được giảm một phần ba. Như thế rất nhiều người được trả tự do vì đã mãn hạn, số tội nhân còn lại thì cho nghỉ luôn trong 3 ngày lễ…Về chư Tăng tu theo Phật giáo Nguyên Thủy đến dự lễ thì thấy có Thailand, Việt Nam, Cao Miên, Lào, Nhựt, Tàu, Tích Lan, Ấn Độ, Népal, Assam, Úc Châu và Đức. Ngoài ra, cũng có mời một số chư Tăng phái Bắc Tông đến dự. Các đại diện Sứ quán của thế giới ở trên đất Miến đều có mặt tại Đại Thạch Động để dự lễ, riêng phần Chánh phủ Thái Lan do một vị Đại tá đại diện đem theo lễ vật như là: tam y, quả bát, quạt và 10 cái dèm (túi) đều có khắc chữ của Chánh phủ Thái Lan xin dâng cho các vị trưởng phái đoàn đã kể trên để làm kỷ niệm. Trong số ấy V.N. cũng được lãnh một phần danh dự do Đ.Đ. Bửu Chơn thọ lãnh đem về chùa Kỳ Viên.

Trong 3 ngày chót là từ 25 đến 27-5, chính tay Tổng Thống và tất cả quan chức cao cấp Miến đều có mặt tại Thạch Động để dâng Tam Tạng, cấp bằng trong cuộc Kết Tập Tam Tạng các món vật dụng cho tất cả 2.500 vị Tỳ Khưu đã cộng sự trong 2 năm trường.

Về chi phí trong cuộc lễ, Hội Phật giáo đã dự trù một số tiền lối 2 triệu 300 ngàn đồng rupies (gần 300 triệu đồng xứ ta) kể sơ về sở tổn trai tăng trong 1 ngày hết 10.000 rupies (gần 80 ngàn đồng xứ ta) về nước giải lao trong buổi chiều hết 1.250 rupies (hơn 100.000 ngàn đồng xứ ta) tổn phí như thế luôn trong 6 ngày đại lễ. Nhân trong dịp lễ ấy, bà Thủ tướng U.Nu có làm lễ xuất gia cho con gái bà và con gái của các vị Tổng Trưởng hết thảy trên 40 người đồng xuất gia theo cô ni trong một thời gian để gieo duyên lành tại chùa Hansāvady, cùng trong dịp ấy bà cũng hộ cho 2.500 giới tử

về y, bát để làm lễ xuất gia kỷ niệm cho 2.500 Phật lịch, nhưng số ấy lại tăng thêm lên cho đến 2.618 vị đồng xuất gia một lượt tại trong Thạch Động, cuộc lễ này hết sức long trọng và vĩ đại từ xưa tới nay chưa từng có.

Ngoài ra, hội còn lo cho tất cả chư Tăng ngoại quốc đi chiêm bái các nơi Thánh tích tại xứ Mandalay là chỗ Kết Tập Tam Tạng lần thứ Năm và có hàng ngàn cổ tháp đã tạo ra trên ngàn năm trong lịch sử.

Tóm luận trong cuộc lễ vĩ đại tại Rangoon có hàng ngàn ngàn người đến dự nhưng rất đặc biệt là không thấy có bán một nhỏ rượu nào, cũng không ai cãi lộn, đánh lộn, giựt đồ bao giờ, mỗi người đều giữ tròn phận sự mình là lễ bái cúng dường tùy theo sức mình vậy thôi, sở dĩ được thái bình, yên ổn có phải chăng là do một phần lớn ảnh hưởng của Phật giáo đã huấn luyện và đào tạo? Hay là do sự khôn khéo sắp đặt trong guồng máy chánh trị của Chánh phủ Miến? Cho nên mỗi người dân Miến đều thích đi chùa cúng bông hoa và đọc kinh trong mỗi ngày không ngớt. Một điều đặc biệt nhất là trong cuộc lễ lớn lao như thế nhưng không thấy có một sòng cờ bạc nào cho tới bong vụ hay là quay số cũng không có. Nhưng người Miến hình như ưa “xâm mình” nên trong cuộc lễ thấy có rất nhiều chỗ bày ra xâm mình đủ thứ hình các loại, thú, phi cầm họ xâm rất mau lẹ độ trong 10 phút là xong hình một con thú nơi cánh tay hoặc ngực.

Cô Diệu Đáng con Đ.Đ. Hộ Tông đang tùng học tại ni đường Rangoon luôn luôn tới lui hỏi thăm tin tức các bà V.N. có ai qua không? Sau khi cuộc lễ bế mạc xong các phái đoàn trên thế giới đã lần lượt về xứ, phần tôi cũng sửa soạn xin chiếu khán đặng trở về xứ.

Ngày 30 tháng 5 dl, thình lình lại nghe tiếng nói người V.N., từ trên lầu trông xuống thấy Sư Giới Nghiêm và các bà tín nữ đang ngơ ngẩn tìm hỏi phái đoàn V.N. vì điện văn đến trễ nên tôi không biết trước để ra đón tiếp và lo giùm giấy tờ, các bà ấy là: Bà Ngô Thị Lợi, Lê Thị Hương, Trần Thuận Anh, Hà Thúc Hòa, cô Hương và cô Xuân, nhứt là cô Trần Thuận Anh khi đến phi trường mà không thấy tôi ra đón đã phụng phịu muốn rơi nước mắt, nhưng về tới Kaba Aye gặp được tôi thì các bà mới hết lo buồn, sau rốt lại may các bà cũng được chiêm bái răng nhọn Đức Phật, tháp thờ 8 sợi tóc của Đức Phật và nơi Thánh tích khác trong xứ Rangoon và Pegu, rất tiếc là các bà muốn đi Mandalay nhưng hỏi xe lửa cũng không có chỗ, máy bay cũng không, cho đến 8 ngày sau mà cũng chưa có chỗ vì chư Tăng và thiện tín họ tới hàng ngàn ngàn nên sự chuyên chở hành khách rất chậm trễ thành ra các bà phải buộc lòng ghi giấy để trở về Bangkok ngày 6-6-56. Phần Sư Giới Nghiêm có lòng muốn ở lại để học tham thiền trong một hạ, nên các bà từ giã Sư Giới Nghiêm và Sư Thiện Hạnh để lên tàu về xứ.

Khi về tới phi trường Daung Maung vì điện văn đến trễ nên không có Sứ quán V.N. ra rước, nhưng sở hàng không Thái rất tử tế đưa phái đoàn cho đến tận Sứ quán V.N. Trong khi lưu trú tạm tại Bangkok mọi việc đều nhờ Sứ quán lo cho, nhất là ông Mai Văn Hàm Đại sứ toàn quyền V.N. tại Vọng Các rất nhã nhặn, vui vẻ, bình dân đối đãi chúng tôi một cách hết sức thân mật. Trong khi ở Thái được xứ quán đưa cho xem những Thánh tích như là: Chùa Phật Ngọc, Chùa Cẩm Thạch, Chùa Phật nằm, bề dài hơn 46 thước tây, chùa Arūn, chùa Phật bằng vàng nặng lối 1.500 k, tháp vàng chùa Sakêt

và tháp Nakon Pathom là một bảo tháp sáng tạo đầu tiên trên xứ Thái Lan.

Con đường hàng không từ Vọng Các tới Saigon rất bất tiện, phái đoàn phải chờ 6 hôm mới có chỗ của chuyến tàu hãng hàng không V.N. về Saigon ngày 12-6-1956 vào lối 12 giờ trưa phi cơ cất cánh mãi gần 7 giờ tối mới đến phi cảng T.S.N. thì đã có bà con chờ đón rước rất đông, sau khi trình giấy tờ xong toàn thể phái đoàn đều về Kỳ Viên Tự.



ĐĐ. Bửu Chơn cùng các đại diện trên thế giới chụp ảnh kỷ niệm trước đền Hội nghị Triết học - Ấn Độ.

Hội Nghị Phật giáo Thế giới Lần IV Tại Kathmandu Népal (15-11-1956) Và Hội Nghị Triết Học Tại Newdelhi Ấn Độ (24-11-1956 Đến 30-11-1956) PL.2500

Được giấy mời của Hội Phật giáo Thế giới Địa Phương tại Kathmandu Népal gửi đến thỉnh tôi và giấy mời của Chánh phủ Ấn Độ do Thủ tướng Nehru gửi đến thỉnh tôi đến Hội nghị Triết học tại Newdelhi vào ngày đã kể bên trên.

Tôi liền đệ đơn lên xin Tổng Thống V.N.C.H. cho phép tôi sang Hội nghị, đến ngày 5-11-1956 tôi liền được lịnh của Tổng Thống ưng thuận cho phép tôi và ông Nguyễn Văn Nầm, bà Huỳnh Thị Kỳ để sang Népal và Ấn Độ Hội nghị.

Vì bận rộn lo giấy tờ cần thiết để xuất dương mãi cho đến ngày 13-11-1956 mới có chuyến phi cơ của hãng hàng không Air France sang Calcutta vào 8 giờ đêm, nhân dịp ấy cũng có bà Phũ Như ở Phnompenh và bà Diệp Xung, bà Kao Kim Liêng ở Cần Ché cũng đồng tháp tùng theo một chuyến tàu để sang Ấn Độ chiêm bái các nơi Phật tích, thành ra phái đoàn được cả thảy 6 người.

Đúng 20 giờ phi cơ cất cánh, trên tàu các cô bồi hầu toàn là người Pháp cách tiếp đãi với hành khách rất lễ độ, nào là tiếp thắt dây đai chỗ ngồi cho mấy bà già và cắt nghĩa cho hành khách biết dùng áo cứu nguy, khi có sự tai nạn. Ban đêm trên hư không tiết trời lạnh lắm, nên hãng Hàng không phải phát mền len cho hành khách đắp cho đỡ lạnh, vì mệt mỏi suốt ngày, nên khi vừa mơ màng giấc điệp thì có còi báo hiệu cho biết, phi cơ sắp đỗ xuống phi trường Calcutta lối 3 giờ rưỡi sáng, sau khi trình giấy tờ xong thì toàn thể phái đoàn được đưa về trụ sở của Hội Đại Bồ Đề tạm nghỉ, chờ sáng ra ghi

chỗ để lên phi cơ qua xứ Népal, ngày hôm ấy không còn một chỗ nào, phải chờ qua ngày 15-11-1956 mới có chỗ, phi cơ cất cánh lối 7 giờ sáng mãi đến 9 giờ hơn mới đáp xuống phi trường Patna để trình giấy thông hành.

Vì phi cảng nằm giáp ranh với Ấn Độ và Népal nên phải sang phi cơ khác đặng vô xứ Népal, hơn 10 giờ phi cơ mới cất cánh bay sang Kathmandu lối 12 giờ hơn mới đến phi trường Kathmandu, ở đây đã có ban tiếp tân chực sẵn để tiếp rước và đưa các quan khách về chỗ trú ngụ, nhưng khi phái đoàn V.N. đến thì cũng gần đến giờ khai mạc, nên toàn thể phái đoàn đều được đưa ngay lại chỗ Hội nghị. Đúng 1 giờ thì cuộc lễ bắt đầu khai mạc, có Quốc Vương Mahindra và các quan chức cao cấp xứ Népal đến dự, các đại diện trên thế giới đều ngồi trên khán đài, tôi nhìn qua thấy cả thảy 32 nước đến dự như là: Ấn Độ, Lào, Xiêm, Miến Điện, Tích Lan, Tân Gia Ba, Phi Luật Tân, Nam Hàn, Mãn Châu, Tàu, Nhựt, Pháp, Anh, Mỹ, Ý, Đức, Nga, Tiệp Khắc, Hạ huy và Việt Nam v.v… Cuộc khai mạc này trên một bãi cỏ vuông vức lối 5.000 thước vuông, dân chúng tụ họp có trên 200.000 người, cuộc lễ kéo dài đến 5 giờ chiều mới giải tán, tất cả phái đoàn đều được đưa về nhà trọ, còn các nhà Sư thì được đưa đi an nghỉ nơi Ananda Kutti trên núi Swayambhu cách tỉnh thành độ 10 cây số.

Xứ Népal ở gần chơn núi Hy mã lạp sơn nên tuyết trời lạnh lắm, mới tháng 10 mà hàng thử biểu xuống đến 15, 16 độ, sáng ra thấy toàn một góc trời đều tuyết phủ trắng phau. Tỉnh thành đóng đô tại nơi một thung lũng chung quanh đều là núi non bao bọc, sự giao thông rất hiểm trở, trừ phi cơ ra thì muốn vào xứ ấy phải đi đường rừng và leo qua nhiều dãy núi

mới vào xứ ấy được, dân số lối 13 triệu, người coi có vẻ mộc mạc, chơn thật và quê mùa nhưng trông có vẻ cảm tình, ưa thờ những thần thánh, có nhiều cổ giáo lạ lùng như Hồi giáo, Hỏa giáo, Bà-la-môn giáo v.v…, về Phật giáo thì xu hướng theo phái Bắc Tông, nên chùa chiền thì hay thờ các vị Bồ Tát, nhứt là Quan Thế Âm, phần nhiều đều chịu ảnh hưởng của Tây Tạng truyền sang. Đường sá thì rất chật hẹp, nhà cửa kiến trúc theo lối cổ nên rất thấp, nhưng nhiều từng và nghệ thuật chạm trổ có lẽ là xưa nhất và rất tinh xảo, chỗ nào cũng có đền vua cũ thuở xưa cho nên có một danh hiệu đặc biệt gọi là xứ đền đài vua chúa (pays des Palaces). Vì mỗi vị vua lên ngôi đều dời đền đi nơi khác.

Chương trình hội nghị

Trong ngày đầu để cho các phái đoàn trên thế giới đọc diễn văn chúc mừng buổi khai mạc và những thông điệp của các Quốc Trưởng gởi đến. Phái đoàn Nguyên Thủy V.N. do Đ.Đ. Bửu Chơn hướng đạo, cũng có đọc một bài diễn văn đại ý nói rằng: Hiện nay nhân loại đang bị bịnh tham, sân, si đè nén nặng nề và lo sợ vì nạn chiến tranh đe dọa, muốn trị các chứng bịnh khổ sở ấy cần phải có một phương thuốc hiệu nghiệm. Vậy không chi hơn là tất cả nhân loại nên thực hành theo Phật giáo, vì Phật giáo có tánh cách bình đẳng từ bi bác ái và không có lòng hãm hại tàn sát lẫn nhau, nên bắt đầu tu tập hạnh bố thí để trừ bớt lòng tham lam, trì giới để bớt lần lòng hãm hại, thù oán, nếu mỗi người mà giữ giới thì còn ai đâu mà chém giết, tàn sát lẫn nhau, mà nếu không có chém giết tàn sát thì đâu còn có giặc giã chiến tranh mà lo sợ. Không những thế ta còn phải cần tham thiền cho thân tâm được thanh tịnh mới phân biệt đâu là chơn thật giả tà và thấy

rõ chơn tánh của vạn vật đều là vô thường, khổ não, vô ngã thì tất nhiên các bịnh tham, sân, si khổ não ấy sẽ tự tiêu diệt. Lẽ dĩ nhiên, chừng ấy cả Thế giới đều được thái bình và nhân loại đều được an cư lạc nghiệp.

Cách thức làm việc trong Hội nghị được chia ra làm 4 Ủy ban như sau:

1) Ủy ban thứ nhứt: Nghiên cứu về vấn đề giáo hóa, Ủy ban này đề nghị rằng: nên tạo những trường học cho nhi đồng Phật tử, lập các lớp học ngày chúa nhật để dạy cho học sinh am hiểu về Phật giáo và nếu có thể lập ra các trường trung học hoặc đại học về Phật giáo tùy theo khả năng của mỗi trung tâm Phật giáo Thế giới Địa Phương.
2) Ủy ban thứ nhì: Nghiên cứu về vấn đề trực tiếp với xã hội, Ủy ban này đề nghị rằng: nên tham gia các công cuộc cứu tế xã hội bằng cách thiết lập dưỡng đường, cô nhi viện, trợ giúp các cơ quan cứu tế cho những người bị tai nạn và bảo vệ sức khỏe cho các loại cầm thú.
3) Ủy ban thứ ba: Nghiên cứu về vấn đề truyền bá Phật giáo trên thế giới, Ủy ban này thảo luận rất lâu, sau cùng đề nghị nên thành lập các trụ sở địa phương để truyền bá Phật giáo theo 3 kế hoạch như sau đây:
    a) Ráng hành động cho cao thượng lên thêm trong những xứ đã có Phật Pháp.
    b) Xứ nào chưa có Phật Pháp thì nên tham gia công cuộc cứu tế xã hội theo đề nghị của Ủy ban thứ nhì, rồi tùy phương tiện thuyết pháp, nói đạo cho công chúng nghe và tự mình phải thực hành cho

đúng theo chánh giáo để làm gương mẫu cho người.

c) Nên lập các giáo đường để huấn luyện Tăng già và thiện tín về phương thế và tư cách cho các nhà đi truyền giáo cùng một khuôn khổ.

4) Ủy ban thứ tư: Nghiên cứu về sự hoạt động của Phật giáo Thế giới, Ủy ban này đưa ra rất nhiều đề nghị đại khái như là: thành lập tình đoàn kết và làm cho hiểu biết nhau giữa người tu Phật bất kỳ là nơi nào, nên trao đổi các nhà sư để đi truyền giáo và gửi các học Tăng đi học thêm Phật giáo ở các xứ, nên thành lập một hội thanh niên nam nữ Phật giáo quốc tế, nên thông dụng lá cờ Phật giáo trong các cuộc lễ của Phật giáo và thông dụng Phật lịch (là kể từ khi Đức Phật nhập Niết-Bàn tới nay là được 2.500 năm, dl 1956), về căn bản của sự truyền bá Phật giáo thì phải căn cứ vào Tam Tạng là Kinh, Luật, Luận bằng tiếng Pāli, mỗi Phật tử phải gìn giữ giới luật cho trong sạch, nên viết ra một quyển sách để tất cả ngày lễ của Phật giáo cho được thống nhứt và cách thọ tam qui, ngũ giới cho đúng theo Phạn ngữ. Hội Phật giáo Thế giới còn kêu gọi các nước, nên cấm chế tạo dùng bom nguyên tử và khinh khí cùng tất cả các món khí giới có tánh cách sát hại cả khối người, với mỹ ý mong cầu đem lại sự an ninh cho nhân loại, các nhà Phật tử nên cấm các con em đừng cho chơi những các món đồ có tánh cách khêu khích tánh tình hung dữ của trẻ con.

Bốn Ủy ban này thảo luận xong lại đưa lên cho Tổng Ủy ban để bàn luận chung lại một lần nữa và khi đã được toàn thể Hội nghị chuẩn y thì mới đem ra ban hành và áp dụng.

Trong kỳ Hội nghị này cũng như mấy kỳ trước, nhưng chỉ khác ba điểm quan trọng là:

a) Trước kia những người nào muốn là hội viên của Hội Phật giáo Thế giới phải đóng 1.000 rupies trong mỗi năm, nhưng bây giờ chỉ sụt lại còn 100 rupies mà thôi.
b) Những kinh sách bằng tiếng Pāli được phiên dịch ra bằng các thứ tiếng quan trọng trên thế giới, nhứt là Anh, khi mỗi hội viên mua thì được trừ cho 20%.
c) Trụ sở Trung Ương của Hội Phật giáo Thế giới không được nhứt định để trên một nước nào, nghĩa là tùy nước nào có đủ khả năng thì được luân phiên đem về xứ ấy.

Sau khi 3 ngày Hội nghị xong thì tất cả đại diện và quan sát viên lối 300 vị đều được Chánh phủ Népal đưa cho đi chiêm bái các nơi cổ tích và Phật tích trong xứ, đến ngày chót chính bà Hoàng Hậu xứ Népal đứng ra thết một tiệc trà tại Hoàng cung của Tiên vương để tiễn biệt tất cả các đại diện trên thế giới và luôn dịp bà nhân danh cho Chánh phủ Népal tặng cho mỗi vị trưởng phái đoàn 1 pho tượng Quan Thế Âm Bồ Tát bằng đồng để kỷ niệm.

Đến ngày chót Chánh phủ cấp cho mấy chuyến phi cơ đưa các phái đoàn sang chiên bái vườn Lumbini là nơi Đức Bồ Tát Sĩ Đạt Ta giáng sanh gần giáp ranh với xứ Ấn Độ và làm lễ bế mạc luôn cuộc Hội nghị ấy lối 5 giờ chiều ngày 21-11-1956. Sau khi làm lễ bế mạc xong thì toàn thể phái đoàn đều

được đưa đi qua nhà ga Nawgarh để lên tàu hỏa sang Newdelhi dự Hội nghị Triết học vào ngày 24-11-1956. Tại nhà ga đã có Chánh phủ Ấn Độ sửa soạn sẵn sàng để tiếp rước tất cả các đại diện nào đã được Chánh phủ Ấn Độ gửi thông điệp thỉnh đến.

Lối 9 giờ đêm thì tàu hỏa bắt đầu chuyển bánh ầm ầm xì xịt, mãi cho đến 2 đêm 1 ngày là sáng ngày 23-11-1956 mới đến Newdelhi, ở đây đã có Ủy ban tiếp tân chực sẵn để rước về chỗ yên nghỉ tại Ashoka hotel, khách sạn này của Chánh phủ Ấn Độ đã cất hơn năm nay, mới vừa xong nhưng còn sắp đặt kiến thiết nội dung, cao đến 8 từng, có cả thảy lối 700 cái phòng, trong mỗi phòng bề ngang lối 3 thước rưỡi, bề dài lối 6 thước, bên ngoài có hành lang, mỗi phòng đều có trải khảm bằng lông trừu, có máy làm cho điều hòa, có tủ bàn, tủ lạnh, giường, bàn ghế, phòng tắm có cả nước lạnh, nước nóng, và điện thoại mỗi mỗi đều mới tinh xảo.

Các đại diện chánh thức do Chánh phủ thỉnh đến mỗi nước chỉ được có bốn người, hết thảy gần lối 100 vị mà thôi, nhưng sự tiếp đãi hết sức châu đáo mỗi phái đoàn đều có cho một chiếc xe hơi để túc trực từ sáng cho đến 12 giờ đêm, để đưa rước các đại diện đến chỗ Hội nghị và tới lui trong đô thị, hoặc là đi xem các ban văn nghệ trong buổi tối, luôn như thế cho đến 10 ngày tại Tân-đề-li, riêng nước Cộng Hòa Việt Nam chỉ có tôi và ông Mai Thọ Truyền được Chánh phủ Ấn Độ mời chánh thức nên mỗi việc đều được dễ dàng, còn phần mấy ông và quí bà kia vì không phải Chánh phủ mời đến, nên không được phép ở chung với các đại diện, nhưng cũng được trú ngụ tại chùa Birla Mindia, ăn và ở đều khỏi phải tốn phí chi cả.

Đến ngày 24-11 bắt đầu Hội nghị, các đại diện được đưa đến một nơi biệt thự thật to lớn cũng vừa mới cất xong, kiến trúc theo nhà hát tây, chứa đựng lối 1.000 người, rộng rãi, mỗi chỗ ngồi đều có bàn viết và ống nghe các thứ tiếng, do thông ngôn dịch lại. Đúng giờ khai mạc cuộc lễ rất long trọng, chính Tổng Thống Prasad và Thủ tướng Nehru đến dự lễ khai mạc, trong khi ấy cũng có Thủ tướng U.Nu Miến Điện, và hai vị lãnh đạo tinh thần của xứ Tây Tạng là Penchen Lama và Dalai Lama đến dự. Cuộc Hội nghị trong bảy hôm để thảo luận và bàn luận về bốn vấn đề:

1) Để bàn luận và trưng bày những nghệ thuật (art of Buddhism) của Phật giáo trong mỗi xứ, nhất là các kiểu mẫu tháp, chùa và hình tượng của mỗi xứ Phật giáo.
2) Bàn luận về văn hóa, có liên quan đến Phật giáo như các thi thơ hoặc học đường v.v… được do ảnh hưởng và hấp thụ theo Phật giáo.
3) Bàn luận về Kinh Luật của Phật giáo, áp dụng trong mỗi xứ, như cách nào còn chánh truyền và cách nào không còn phải là chánh truyền.
4) Bàn luận về sự thực (hành đạo) theo Phật giáo trong mỗi nước, như có nước cũng mang tiếng là theo Phật giáo, nhưng sự thờ cúng rất phức tạp, như thờ nhiều vị thần linh, hoặc ông này bà nọ đầy trong chùa, hoặc các nhà sư cũng có khi cũng có vợ con, và cũng ăn cơm chiều cũng như người thế v.v…

Sau khi bàn luận bảy hôm mới xong, Thế giới đều công nhận hễ là tu theo Phật giáo thì cần phải thực hành cho đúng theo Kinh, Luật, Luận Pāli y theo đường lối của Đức Phật đã giáo

truyền trong 45 năm, sau khi Hội nghị xong, Thủ tướng Nehru có thết một ngọ trai tại tư dinh của ngài, để cúng dường đến chư Tăng Thế giới đã thỉnh đến Hội nghị, luôn cả thân quyến của ngài cũng đều đến dâng cúng vật thực cho chư Tăng.

Trước một hôm khi tất cả phái đoàn sẽ từ giã Tân-Đề-Li để lên tàu hỏa đi chiêm bái các nơi Phật tích, thì Tổng Thống Prasad có tạo một tiệc trà tại dinh ngài để tiễn biệt các vị đại diện, ngài thân hành ra khách đường để chào mừng quan khách một cách thân mật, luôn hôm ấy cũng vừa được tin một vị hòa thượng V.N. pháp danh Huệ Quang đi Hội nghị Phật giáo tại Népal luôn tiện Ngài qua Ấn Độ để chiêm bái, chẳng may vì tuổi già, đến 76 tuổi nên chịu không nổi với sự vất vả và lạnh lẽo, nên ngài tịch vào lối 6 giờ chiều ngày 2-12-1956, tại dưỡng đường Newdelhi, vì mỗi người đều có phận sự riêng, và giấy tờ ghi xong nên rất tiếc phái đoàn không có ai ở lại được để đưa đám táng của ngài.

Sáng hôm sau, nhằm ngày 3-12-1956, lối 9 giờ thì tất cả phái đoàn trên thế giới lên tàu hỏa để đi Sanchi viếng một cổ tháp thờ Xá Lị Đức Phật, kiến trúc đẹp nhứt đã tạo từ thời vua A-Dục rồi đi xứ Agra để viếng Taj Mahal là một kỳ quan thứ 7 của thế giới làm toàn bằng đá cẩm thạch, đi viếng xứ Savathi nơi chùa Bố Kim Tự là chỗ mà Đức Phật thường hay ngự trong khi còn tại thế, đi Kusinara để viếng chỗ mà Đức Phật nhập đại Niết-Bàn, đi xứ Balanai (Benares) để viếng vườn Lộc Giả, chỗ Đức Phật chuyển pháp luân lần đầu cho năm thầy Kiều Trần Như, kế đi viếng xứ Patna cựu thủ đô của vua A-Dục, và nơi Kết Tập Tam Tạng lần thứ ba, xong lại quay qua xứ Vương Xá Thành (Rajagaha) để viếng

trường Malanda một cựu đại học đường Phật giáo rất có danh tiếng hồi thế kỷ thứ XII và XIII và viếng chỗ Kết Tập Tam Tạng lần thứ nhất tại thạch động Sattapparani, chùa Trúc Lâm Tịnh Xá (Veluvana Vihara) suối ôn tuyền, thạch động chỗ ĐĐ. Ca-Diếp thường cư ngụ, chỗ núi Kicchayutta Kỳ Xà Quật chỗ Đức Phật thường ngự, và nơi có nhiều ngạ quỉ nhất, và chỗ Đề-Bà-Đạt-Đa lăn đá xuống để giết Phật v.v… Xong lại trở qua Bồ Đề Tràng (Bodhi gayā) để chiêm bái chỗ Đức Phật thành đạo, chỗ rắn bảy đầu đến che cho Ngài trong khi mưa to gió lớn, chỗ Ngài đi kinh hành, xóm cô Sojatā dâng cơm trộn sữa dê cho Ngài, con sông Ni-liên chỗ Ngài tắm xong mới thành đạo v.v… cũng tại Bồ Đề Tràng, tất cả các đại diện đều làm lễ bế mạc, cuộc đi chiêm bái và giải tán tại đây, nhưng Chánh phủ cũng đưa phái đoàn nào về ngả Calcutta cách đây độ 500 cây số mới giải tán, cuộc chiêm bái này kéo dài gần 2 tuần mới chấm dứt, tổn phí đều do Chánh phủ đài thọ. Riêng phần tôi không được cái hân hạnh đi chiêm bái với phái đoàn Chánh Phủ, vì còn mấy bà con đi theo, không được Chánh phủ cho phép đi chung với các vị đại diện, quan khách của Chánh Phủ, nên tôi phải tách ra để hướng dẫn phái đoàn V.N. đi chiêm bái riêng, nhưng cũng được đi các nơi như Chánh phủ hướng dẫn, chỉ phải trả có phân nửa tiền tàu hỏa mà thôi. Nhưng rất may là đi đến đâu nhờ có tôi là khách của Chánh Phủ, nên họ cũng tiếp đãi tử tế, và được ở ngay nhà trọ (Rest house) của Chánh phủ luôn cả phái đoàn cũng được ở khỏi phải tốn kém chi (nên biết rằng lúc này các nhà trọ, các nhà nghỉ mát, khách sạn đều có người giữ chỗ trước hết, vì những người đi chiêm bái đến hàng ngàn người, nên không có chỗ ở, phải ngủ đỡ nơi hành

lang mấy nhà trọ, hoặc ngoài đường ngoài sá chẳng hạn, rất cực khổ vất vả lắm…)

Vì phái đoàn tách riêng ra nên đi đến chỗ nào muốn ở bao lâu cũng được, thành ra mãi đến 17-12-1956 mới về đến Calcutta ở tại hội Bồ Đề trong 3 hôm nhằm 20-12-1956, mới có chuyến phi cơ đi xuống xứ Madras, tỉnh thành này cũng to lớn, dân số có đến hơn 6 triệu, phần nhiều là dân Tamil, có nhiều phong tục kỳ dị là hay ăn trong lá, đàn ông thì phần nhiều thì đeo bông, còn đàn bà thì xỏ mũi để đeo bông, đeo kiềng và hay xâm mình cho đẹp, mấy ngón cẳng hay đeo cà rá, phái đoàn phải chờ 5 ngày mới có chuyến phi cơ để đi Tích-Lan, còn rộng ngày giờ nên được đi viếng các nơi trong đô thị, nhứt là viếng trụ sở Trung Ương của hội Thông thiên học tại vườn Adya cách tỉnh thành Madras độ 20 cây số ở dọc theo mé biển, nên khí hậu mát mẻ và phong cảnh rất kì quan, ở đây phái đoàn được ông Hội Trưởng và Tổng Thơ Ký tiếp rước rất nồng hậu.

Đúng ngày 25-12-56, phái đoàn đều lên phi cơ để bay qua Tích Lan, phi cơ cất cánh lối 12 giờ trưa, mãi gần đến 4 giờ chiều mới đến phi trường Colombo, vì có đánh điện văn cho hay trước, nên Đ.Đ. Narada có cho hai người đem hai chiếc xe hơi ra tận phi trường để đón rước phái đoàn về chùa Vajirārāma cư ngụ, tôi và ông Công Minh thì được ở lại chùa, còn mấy bà thì được đưa đi ở nơi nhà của bà Salgado thiện tín của chùa ở gần đấy, tới đây ai nấy cũng đều mỏi mệt, nhưng cũng ráng đi chiêm bái các Phật tích trên xứ Tích Lan, rất may nhờ Đ.Đ. Narada cho hay, nên có Sư Hộ Giác đến chờ, vì Sư ở xa Colombo hơn 100 cây số ngàn, phái đoàn có mướn được một chiếc xe để đi chiêm bái trong 6 hôm các

nơi Phật tích như là: Xứ Anuradhapura, chỗ con Vua A Dục đem cây bồ đề qua trồng đầu tiên hơn 2200 năm nay mà vẫn còn sống, kế viếng xứ Mahintale chỗ Đại đức Mahinda bay qua đầu tiên, đứng trên một trái núi hóa hào quang ra để độ Đức Vua Devanampatissa đặng truyền bá Phật Pháp trong toàn xứ Tích Lan, núi Sigiriya, chỗ một đền vua cất trên chót núi, xứ Polonaruwa cựu thủ đô của một vị vua hộ trì Phật Pháp, xứ Badula để viếng một ngôi chùa làm trong hang núi rất cực kỳ mỹ thuật, viếng Aloka Vihara chỗ Chư Thánh Tăng cu hội lại để Kết Tập Tam Tạng lần thứ tư, và chép kinh hữu tự ra trước hết trong lịch sử. Viếng xứ Kandy chỗ thờ răng nhọn của Đức Phật, viếng xứ Mahiyangamma chỗ Đức Phật bay qua lần đầu tiên, viếng xứ Haton để chiêm bái dấu chân Đức Phật đạp để trên chót núi Siripāda khi Ngài bay qua xứ Tích Lan lần thứ ba, còn rất nhiều chỗ Phật tích khác nữa, nhưng không có đủ thì giờ, vì còn phải ghi giấy để về Singapore nên phải trở về Colombo, trong kỳ đi chiêm bái này rất vui vẻ và thú vị lắm, vì có Sư Hộ Giác và một nhà Sư Nhật cùng đi theo, riêng phần ông Công Minh không được hưởng chung hạnh phước này, vì ông than mỏi mệt và đau chân, phần thì gần hết tiền, lại than van ăn ka-ri hoài đứt ruột không chịu nổi, nên ông ở lại chùa để ăn cơm Tàu cho tiện.

Qua đến ngày 7-1-1957 mới có chuyến phi cơ bay qua Singapore của hãng hàng không B.O.A.C, riêng phần bà Diệp Xung người Tàu nên giấy tờ rất khó khăn lắm, không thể đi về bằng phi cơ được, nên bà phải về bằng tàu thủy đến Saigon một mình, mấy ngày sau thành ra phái đoàn buộc

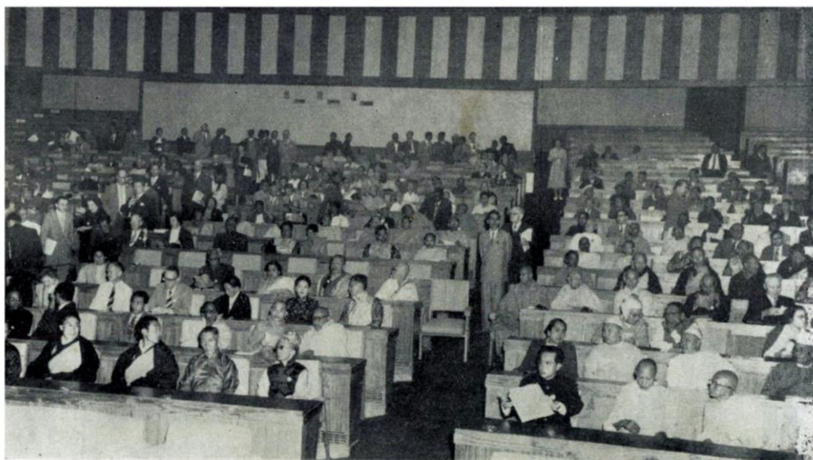
lòng phải từ giã bà để lên phi cơ về trước với tấm lòng ngùi ngùi vì bỏ bà ở lại đi tàu một mình.

Sáng ngày 7-1-1957 thì phái đoàn phải ra phi trường Talamana để lên phi cơ của hãng hàng không B.O.A.C của Anh, đúng 7 giờ 30 thì phi cơ cất cánh bay qua Ấn Độ Dương, mãi cho đến chiều 6 giờ 30 mới đến phi trường Singapore nhờ có gởi thơ cho hay trước nên có nhân viên Sứ quán V.N. tại Tân-Gia-Ba ra đón rước và lo giấy tờ giùm, xong lại được đưa về nhà khách sạn của hãng hàng không an nghỉ. Còn phần tôi thì được đưa về chùa Sirilanka do một nhà sư Tích Lan cai quản, nhà sư này cũng là bạn thân đã quen biết với tôi từ lâu nên khi gặp nhau thì hết sức vui mừng, vì đi qua Singapore chỉ lưu trú tạm nên không được ở lâu, nhưng rất may nhờ có Hội Phật giáo Thế giới Địa Phương hay tôi đến nên sáng ra đã đến thăm và sắp đặt một chiếc xe sẵn sàng để đưa phái đoàn đi viếng tỉnh thành Singapore và các chùa chiền trong xứ, châu thành này dân số lối 1 triệu rưỡi, phần đông toàn là người Huê kiều, chiếm hầu hết các phần thương mãi trong đô thị. Tại đây đồ hàng hóa rất rẻ vì không có đánh thuế nhập cảng, châu thành thì đóng theo dọc bờ biển nên rất mát mẻ, sạch sẽ và thẩm mỹ.

Sau khi đi chiêm bái khắp châu thành thì tôi được thỉnh về thọ trai tại chùa Sirilanka, thọ trai xong lại phải đưa ra phi trường liền cho kịp giờ lên phi cơ, đúng 12 giờ 30 thì phi cơ cất cánh, theo đường cũng không có chi lạ, khi phi cơ bay qua vừa khỏi biển đến đất liền thì còi báo hiệu phải thắt dây đai, vì phi cơ sắp đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất lối 3 giờ 30 chiều ngày 8-1-1957, khi lo giấy tờ xong đã có ông Nguyễn Văn Hiểu và bà ra trước đón rước, nên được đưa về

chùa Kỳ Viên trong lúc 4 giờ. Tại chùa đã có chư thiện nam tín nữ chực sẵn đầy chùa để chào mừng phái đoàn trở về được bình an.

Tóm luận, kỳ Hội nghị này hết sức long trọng vì Chánh phủ Ấn xuất ra một số tiền rất nhiều, lối 75 triệu đồng rupies (600 triệu đồng bạc xứ ta) để sửa sang đường sá cầu kỳ, cất nhà trọ, đem đèn nước đến tận nơi, các xứ có Phật tích cho người đến chiêm bái dễ dàng, thuận tiện, và có mỹ ý để phục hưng lại nền Phật giáo trên đất Ấn. Tất cả phái đoàn lại được Chánh phủ Ấn Độ tặng cho mỗi vị một biểu hiệu bằng bạc của cuộc lễ, một cuốn album, một khuôn tháp bằng đồng đen kiến trúc nhái theo kiểu tháp Sanchi và rất nhiều sách để làm kỉ niệm.



Quang cảnh phòng hội nghị Triết học tại New Delhi Ấn Độ.



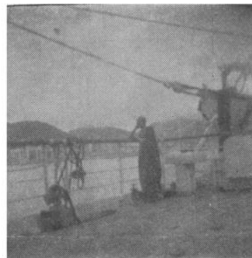
ĐĐ.Bửu Chơn và chư tăng đứng trước cây bồ đề tại Anuradhapura - Tích Lan.



ĐĐ. Bửu Chơn đang đọc diễn văn tại khán đài trước máy truyền thanh.



Thủ tướng N.Sihanouk đang dâng vật kỷ niệm cho ĐĐ.Bửu Chơn đại diện cho nước Việt Nam dự lễ 2500 Phật lịch tại P.Penh - Cao Miên, đứng cạnh ngài là Đức Vua Sãi.



ĐĐ. Bửu Chơn đang đứng tên tàu Cambodge.

Bài Phúc Trình Của Đại đức Nãga Thera Bửu Chơn Trưởng Phái Đoàn Phật giáo VN Dự Lễ 2500 Năm Kỷ Nguyên Phật giáo Tại Phnompenh - Cao Miên Từ Ngày 11-5-1957 Đến 18-5-1957

Ngày 9-5-1957 có lệnh của phủ Tổng Thống phái tôi làm trưởng phái đoàn Phật giáo và Thượng Tọa Thích Trí Thủ phái viên cùng ông Trần Thành Hiệp làm thơ ký để dự lễ 2.500 kỷ nguyên Phật giáo tại Phnompenh Cao Miên.

Vì ông thầy tế độ tôi tịch nên tôi đã về Phnompenh trước mấy hôm. Tôi phải đến tòa đại diện Chánh phủ V.N.C.H. tại Phnompenh lãnh nhiệm vụ lệnh ngày 11-5-1957, còn Thượng Tọa Thích Trí Thủ vì lý do sức khỏe nên không đến dự được. Chánh phủ phái Đ.Đ. Hộ Giác thay thế, còn ông Trần Thành Hiệp thì cũng vắng mặt luôn thành ra phái đoàn V.N. chỉ có tôi và Sư Hộ Giác mà thôi.

Lúc 4 giờ chiều hôm ấy lại được thiệp của Đức Vua Cao Miên mời tất cả phái đoàn trên thế giới vào triều đình để Ngài chào mừng và yết kiến Ngài. Phái đoàn V.N. được sắp ngồi nơi hàng ghế danh dự trước mặt Đức Vua và Hoàng Hậu, Đức Vua bắt đầu chúc mừng cho tất cả các phái đoàn, đại khái Ngài nói rằng: Với danh nghĩa của Quốc Vương và luôn cho cả dân tộc Cao Miên, xin cầu chúc cho tất cả phái đoàn đều được dễ dàng trong mọi tiện nghi và yên vui trong khi lưu trú trên lãnh thổ của Ngài. Ngài nói bằng tiếng Cao Miên do thái tử Sihanouk thông dịch lại bằng tiếng Anh và Pháp, kế đó các phái đoàn đều được phép đáp lời lại để phúc chúc Ngài tùy theo phái đoàn nào muốn nói. Trước hết phái đoàn Úc châu chúc mừng cho Ngài xong thì phái đoàn V.N.

do Đ.Đ. Bửu Chơn liên tiếp chúc hạ cho Đức Vua và Hoàng Hậu bằng tiếng Anh, đại khái nói rằng: Xin thay mặt cho Phật giáo V.N. và toàn thể Phật tử cầu cho Đức Vua và Hoàng Hậu và luôn cả dân tộc Cao Miên đều được yên vui khỏe mạnh để hộ trì Phật Pháp cho được tấn hóa lâu dài. Khi thái tử Sihanouk thông dịch xong thì Đức Vua đáp từ lại bằng tiếng Cao Miên, tôi liền trả lời lại bằng tiếng Cao Miên Sadhu, Đức Vua và Hoàng Hậu hết sức ngạc nhiên hỏi tôi biết tiếng Cao Miên sao? Tôi trả lời rằng tôi biết tiếng Cao Miên rành vì trước kia tôi có tùng sự với Chánh phủ bảo hộ Pháp hơn 10 năm tại Kim Biên. Đức Vua và Hoàng Hậu rất mừng rỡ và nói rằng chúng tôi không dè nước V.N. cũng có Phật giáo Nguyên Thủy như chúng tôi. Rồi Đức Vua xin thành tâm cầu chúc cho quí Ngài được khỏe mạnh vẹn toàn để truyền bá chánh giáo của Đức Thế Tôn trên lãnh thổ V.N. Kể từ đó về sau mỗi khi trò chuyện thì dùng tiếng Cao Miên theo Hoàng phái, khi các phái đoàn chúc hạ cho Đức Vua và Hoàng Hậu xong rồi giải tán.

Tất cả phái đoàn đều được đưa về một biệt thự mới cất tinh xảo để trú ngụ, riêng phần phái đoàn V.N. đều là các nhà Sư nên ở nơi ấy bất tiện vì phải chung chạ cả nam lẫn nữ, nên chúng tôi xin về ở chùa Mohamontrey cho thanh tịnh. Chánh phủ Cao Miên cũng ưng thuận và có cấp cho chúng tôi một chiếc xe hơi để tùy nghi sử dụng, cho một ông thiếu úy để hầu cận, một người hạ sĩ quan và một chiếc xe moto có còi để hộ tống chúng tôi trong khi đi dự lễ.

Sáng ngày 12-5-1957 là ngày khai mạc cuộc lễ phải cung nghinh Ngọc Xá Lỵ Đức Phật Tổ từ đền Vua đến an vị nơi chỗ hành lễ (trước nhà gare xe lửa). Trước hết Đức Vua Cao

Miên lên diễn đàn đọc diễn văn khai mạc xong, thì kế Đức Vua Sãi cũng đọc một bài diễn từ ý nghĩa nói về cuộc lễ kỷ niệm 2500 kỷ nguyên Phật giáo vừa xong thì hết buổi sáng. Đến chiều thì có cuộc lễ xuất gia cho 2.500 vị Tỳ Khưu và những người thọ trì thập giới được lịnh mời đến nơi hành lễ để Đức Vua Sãi ban huấn từ dạy dỗ theo phận sự trong Phật giáo, xong thì tất cả những vị ấy được dâng những lễ vật của tín thí đem đến cúng dường. Đến tối thì có thuyết pháp, dưng cộ về sự tích của Đức Phật, đốt pháo bông và tiếp tục luôn những cuộc diễn hành khác để giúp vui trong cuộc lễ.

Sáng ngày thứ hai 13-5-1957 nhằm ngày rằm tháng Vesakha (tháng tư âm lịch) chính ngày lễ Tam hợp là Phật Đản Sanh, Thành Đạo và Nhập Niết-Bàn, nên cuộc lễ cử hành suốt ngày và đêm càng thêm long trọng hơn hôm trước vì người đến xem lễ có trên 400.000, nào những lá cờ bay phất phới trên các dinh thự phố xá, những tiếng còi xe lẫn với tiếng người và tiếng truyền thanh kêu la inh ỏi làm cho một quang cảnh hết sức tưng bừng náo nhiệt luôn như thế trong cả 7 ngày lễ.

Mỗi buổi sáng lối 9 giờ đều có cuộc lễ để bát cho 2.500 vị Tỳ Khưu do tín đồ các nơi đem đến cúng dường. Sáng hôm rằm có cuộc lễ truyền giới “bát quan trai” cho tất cả thiện nam tín nữ trên khắp lãnh thổ Cao Miên bằng đài phát thanh, xong đúng 8 giờ tất cả các phái đoàn trên thế giới có Đức Vua Cao Miên và Hoàng Hậu cùng tất cả những quần thần trong triều đình và nhân vật quan trọng trong Chánh phủ Cao Miên đều có mặt tại khán đài. Khán đài này chia làm hai bên, bên tả là người thế, bên hữu chư Tăng, ở chính giữa thì một cái đài thật cao tạm tôn trí Ngọc Xá Lỵ trong khi hành lễ.

Hôm ấy, thái tử Sihanouk kiêm Thủ tướng lên đọc diễn văn để khai lễ, xong thì lần lượt tất cả 15 phái đoàn đến dự đều được mời lên đài phát thanh để phát biểu ý kiến, vì sắp theo thứ tự của mẫu âm nên phái đoàn Australie Úc châu được lên phát biểu ý kiến trước nhứt, kế Miến Điện, Tích Lan, Tàu, Nhựt, Anh, Ấn Độ, Pháp, Lào, Mã Lai, Việt Nam miền Bắc, Việt Nam miền Nam, Thái Lan, Nga và Hoa Kỳ. Đại ý trong các bài diễn văn cũng không chi lạ hơn là cầu chúc cho cuộc lễ được thành tựu mỹ mãn và sẽ đem lại nhiều điều hạnh phúc cho Đức Vua và Hoàng Hậu luôn cả dân tộc Cao Miên cũng như tất cả nhân loại trên thế giới. Các phái đoàn thì phát biểu ý kiến bằng tiếng Anh, Pháp, hoặc tiếng bổn quốc của mình, duy có phái đoàn V.N. do Đ.Đ. Nāga Thera (Bửu Chơn) lãnh đạo lên đọc ba thứ tiếng là Việt, Cao Miên và Anh làm cho các phái đoàn hết sức hoan nghinh và chú ý, riêng về dân tộc Cao Miên thì lấy làm thỏa thích lắm, vì tôi nói tiếng họ một cách lưu loát và rõ rệt.

Chiều lại lối 4 giờ thì tất cả các đại diện của các Hội Phật giáo đều được mời lên đài phát thanh để phát biểu ý kiến, tôi liền phái Sư Hộ Giác thay mặt cho Phật giáo Nguyên Thủy V.N. lên phát biểu ý kiến bằng hai thứ tiếng Miên và Việt, sau cùng bài diễn văn có tuyên bố cúng vào cuộc lễ 25.000$ do tín đồ chùa Kỳ Viên Saigon, tín đồ việt kiều Phnompenh góp sức, nên rất được công chúng hoan nghinh nhiệt liệt. Tối hôm ấy, cuộc lễ tiến hành luôn cho đến sáng, nào tụng kinh đọc kệ thuyết Pháp đúng 5 giờ sáng thì đốt pháo bông tượng trưng hình ảnh Đức Phật hóa hào quang ra sáu màu ở trên hư không để làm tiêu biểu khi Đức Phật thành đạo trong lúc rạng đông.

Sáng ngày 14-5-1957 sau khi điểm tâm xong thì tất cả các phái đoàn trên 40 người được Chánh phủ Cao Miên sắp đặt đưa đi viếng Đế Thiên Đế Thích ở Siêm-Réap bằng hai chiếc phi cơ, lối 10 giờ thì phi cơ đến phi trường Siêm-Réap, tại nơi đây đã có ban Tổ chức địa phương chực hờ sẵn để rước phái đoàn về cư trú nơi Grand Hotel, còn các nhà Sư thì được đưa đi cư ngụ riêng nơi một biệt thự, trong hai ngày ban Tổ chức đưa đi xem các kỳ quan thắng cảnh. Các phái đoàn chưa từng đến Angkor Wat thì đều tấm tắc khen ngợi cho là một kỳ quan vĩ đại, còn riêng phần tôi thì đền Angkor không lấy gì làm lạ vì tôi đã có viếng nhiều lần…

Sau hai ngày đi du lịch nơi đền Angkor đến sáng ngày 16-5-1957, lối 9 giờ thì tất cả các phái đoàn được đưa lên phi cơ để trở về Phnompenh. Tối hôm ấy có lịnh của Đức Vua cho mời các vị trưởng phái đoàn vào cung để dự yến, theo lẽ thì tôi không nên đi vì buổi chiều không có ăn uống chi được, nhưng vì nhân danh cho một phái đoàn, buộc lòng tôi phải vào cung cho có mặt vì không có ai thay thế, nên tôi phải thân hành đến nơi để cầu chúc cho Đức Vua và Hoàng Hậu được quý thể an khương và để hộ trì Phật pháp cho được tấn hóa lâu dài. Khi tôi vào đến nơi thì Đức Vua và Hoàng Hậu đều đứng dậy chấp tay vái chào rất cung kính và mời ngồi nơi ghế của Thủ Tướng bên cạnh Ngài để hàn huyên chuyện vãn. Ngài hỏi thăm việc truyền bá Phật giáo trên đất nước V.N., sau cùng Ngài nhân danh Chánh phủ Cao Miên và cho tất cả dân tộc Ngài để cầu chúc cho tôi và cả dân tộc V.N. đều được luôn luôn khỏe mạnh để thực hành theo giáo pháp của Đức Thế Tôn cho được mau đến nơi giải thoát. Sau khi

dùng nước giải lao xong thì tôi đứng dậy kiếu từ Ngài và Hoàng Hậu để trở về chùa.

Hôm sau, 17-5-1957 lối 8 giờ sáng thì các phái đoàn đều được mời đến dự lễ Vua cày ruộng, khi cuộc lễ khởi hành thì có một vị quan và một cung phi thay thế cho Đức Vua và Hoàng Hậu ra cầm cày đi ba vòng. Cuộc lễ này có ba cặp bò trang sức rất uy nghiêm. Vua cầm cày đi trước, theo sau là Hoàng Hậu hốt lúa rải theo trong ba vòng mới thả bò ra cho ăn đồ để trong bảy cái mâm là: cỏ, lúa, bắp, đậu, mè, nước và rượu. Chỉ có hai con bò được thả cho ăn, nhưng con nào ăn trước món nào, thì tùy theo đó mà bàn theo cổ truyền của Bà-la-môn, nếu con bò ăn cỏ thì trong năm ấy súc vật có nhiều bịnh dịch, như ăn lúa thì lúa trúng mùa, ăn bắp, đậu mè thì các món ấy được dồi dào, còn như uống nước thì sẽ có mưa nhiều và bị nước lụt, còn như uống rượu thì trong nước sẽ có nổi loạn, hoặc bị trộm cướp. Nhưng năm thì bò ăn đậu và bắp mà thôi, nên ai nấy cũng bàn năm nay hai thứ ấy sẽ trúng mùa nhiều hơn hết. Khi đúng 11 giờ là xong cuộc lễ "Cày Ruộng". Chiều lại thì dự lễ phóng xả tội nhân, đến tối lúc 8 giờ lại phải vào dinh Thủ Tướng để dự bữa tiệc của Ngài thết đãi để tiễn hành các phái đoàn. Tôi không ăn uống chi nhưng cũng phải vào dinh Ngài. Khi tôi và Sư Hộ Giác đến thì Thủ tướng Sihanouk đứng dậy chấp tay vái chào chúng tôi và thỉnh chúng tôi ngồi vào chỗ Ngài ngự, còn Ngài thì ngồi ghế gần bên cạnh để hầu chuyện. Vì Ngài đã có xuất gia nên rất cung kính chư Tăng, Ngài rất vui vẻ ân cần hỏi thăm điều nọ lẽ kia, vì chúng tôi nói toàn là tiếng Cao Miên (theo tiếng cả nhà vua) nên Ngài thích lắm. Sau khi chúng tôi độ nước giải lao xong, đứng dậy nhân danh cho

V.N. cầu cho Ngài và cho nước Cao Miên được thái bình thạnh trị. Ngài nhân danh cho Chánh phủ và dân tộc Cao Miên ngỏ lời cám ơn Chánh phủ V.N. đã phái quí Ngài đến dự lễ và cũng cầu chúc cho chúng tôi được đầy đủ sức khỏe để truyền bá chánh giáo của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Sáng ngày 18-5-1957, lối 8 giờ thì phải đến dự lễ Đức Vua an vị Ngọc Xá Lị vĩnh viễn trên một bảo tháp đã cất xong gần trước nhà gare Phnompenh. Chiều lại dự lễ thuyết pháp Kết Tập Tam Tạng, xong thì Thái Tử Sihanouk lên đài phát thanh đọc diễn văn để bế mạc cuộc lễ vào lối 5 giờ. Đồng thời có còi báo hiệu và bắn luôn 25 tiếng súng đồng để công bố lên cho quần chúng biết cuộc lễ đã bế mạc.

Tóm luận, trong cuộc lễ kỉ niệm 2.500 năm Phật giáo tại Cao Miên hết sức long trọng không thể nào mô tả cho hết được. Những chi tiết về phái đoàn V.N. đã thâu thập được nhiều kết quả vẻ vang, như hôm ngày khai mạc, được Đức Vua Sãi tuyển lựa bốn vị cao Tăng để biếu lễ vật là một pho tượng Phật đá cẩm thạch và một bộ tam y, trong ấy nước V.N. cũng được lãnh một phần danh dự và hôm ngày bế mạc cũng được tặng cho một pho tượng bằng bạc, hơn nữa rất được Đức Vua và các quan triều thần kính nể, nhứt là gây nhiều cảm tình thân mật giữa hai quốc gia Miên-Việt.

Sau khi bế mạc còn có ít phận sự phải lo xong cho nên mãi đến ngày 21-5-1957, mới đáp phi cơ của hãng hàng không Việt Nam về xứ.

Dự Hội Nghị Quốc Tế Về Lịch Sử Tôn Giáo Lần Thứ IX Tại Tokyo Ngày 27-8-1958 Đến 9-9-1958

Ngày 19-7-1958, chúng tôi được lịnh bộ Ngoại Giao Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa cho phép sang Đông Kinh (Nhựt Bổn) để dự Hội nghị Quốc Tế về lịch sử Tôn Giáo lần thứ IX, cùng đi theo có ông Ngô Ngọc Cửu làm thơ ký.

Sau khi lo những giấy tờ thường lệ xong, đến ngày 9-8-1958 chúng tôi xuống tàu Cambodge của hãng hàng hải Messageries Maritimes Saigon lối 4 giờ chiều, có chư Đại đức trong ban Chưởng Quản GHTGNTVN và một số thiện nam tín nữ rất đông đến tiễn đưa chúng tôi xuống tàu. Nhưng mãi 8 giờ sáng hôm sau tàu mới nhổ neo, đúng giờ tàu từ từ rời bến, tôi đứng trên boong tàu trông xuống không thấy một người quen nào, cảnh bến tàu cũng không náo nhiệt như buổi chiều hôm qua, ngoài những nhân viên của hãng hàng hải Messageries Maritimes và các công chức của sở Thương Khẩu thì bến tàu vắng hoe. Tôi vẫn đứng xem phong cảnh nước nhà dọc theo những khúc quanh quẹo con sông Saigon, lối 11 giờ trưa thì tàu ra đến Vũng Tàu, chiếc tàu Cambodge vẫn vô tình lướt sóng trực chỉ thẳng Hải Cảng Manila (Phi-Luật-Tân), bây giờ tàu lần lần ra bể khơi và không còn thấy tâm dạng chi của bờ bến cả, giữa một vùng nước xanh rì mịt mù khơi trong cõi xa xăm, dưới một bầu trời quang đãng.

Ngoài tôi và ông Cửu ra, không có một hành khách Việt Nam nào, toàn là những du khách ngoại bang, chuyến này tàu chở lối 600 hành khách, mãi đang ngắm cảnh thình lình có còi báo hiệu cho biết đã đến giờ ăn (11 giờ 15) tôi và ông Cửu xuống phòng ăn, xong về phòng an nghỉ, trong phòng có đủ các tiện nghi nào điện thoại, máy lạnh, máy nóng, phòng

tắm, phòng rửa mặt v.v… Theo lệ, 4 giờ chiều thì hãng tàu cho hành khách uống trà, đồng thời hôm ấy còi báo hiệu cho biết tất cả hành khách đều phải mang "phao hộ thân" theo (Sauvetàge) lên trên boong tàu của mỗi hạng để cho vị thuyền trưởng tập dượt và điều khiển vì hôm ấy có hơi sóng gió. Trong lúc tàu chạy, ngoài ra trời, nước, sóng, gió và tiếng ì ầm của động cơ thì cũng không có chi lạ, tôi nhân dịp ấy ráng làm xong hai bài diễn từ để đọc trong khi Hội nghị, xong việc trong lúc nhàn rỗi, tôi vì tánh xã giao mới làm quen với ông Saddier đại úy làm bác sĩ cho hãng tàu Messageries Maritimes, vì ông hay đi tới đi lui trên boong để xem hành khách có bịnh hoạn chi, nhân tiện để hỏi thăm về sự hoạt động của chiếc tàu Cambodge.

Ông thuật lại với tôi tàu này có đến 188 người làm công từ quan tàu cho đến thủy thủ, tổn phí lối một triệu đồng quan mỗi ngày, bề dài 168 thước, bề ngang 18 thước, bề sâu từ mặt nước lên đến chót cột buồm 32 thước, từ mặt nước trở xuống 7 thước 25, cả thảy lối 40 thước, có 7 từng từ A đến G, ở dưới đáy chở hàng hóa, từng ba A thì chở hành khách, hạng tư và hạng ba, từng B phòng ăn hạng nhứt và hạng nhì, phòng nấu ăn và phòng giải trí, giải lao cho hạng di lịch từng C thuộc về hạng du lịch, hạng nhì, phòng nhân viên cao cấp như cò tàu, bác sĩ v.v… và cũng có ít phòng cho hạng nhứt. Từng D toàn là phòng hạng nhứt, từng E phòng đọc sách, khiêu vũ, phòng viết thư, phòng giải khát, sân đánh Ping-pong, thảy banh tròn và hồ tắm của hạng nhứt, từng F có phòng vô tuyến điện, phòng nhân viên coi lái tàu và phòng giải trí trẻ con, từng G những máy móc để chỉ huy tàu chạy hoặc khi cập bến, máy Radas để coi chừng đá ngầm dưới

nước, hoặc tàu bè phía trước trong lúc sa mù, ống viễn thị và những hiệu lệnh của hoa tiêu, tốc độ trung bình khoảng 40 cây số 1 giờ.

Ngoài ra, khi ông rảnh còn hỏi thăm về giáo lý của Bắc Tông và Nam Tông, vì ngoài giờ nghỉ trưa ra tôi lên phòng đọc sách cho khỏi chóng mặt và tiêu khiển thì giờ nên ông thường hay đến bàn luận về triết lý, có khi ông thỉnh tôi về phòng ông để giải lao, ngoài ra còn có hai ông bà René Sutra, bác sĩ khoa học và vật lý học ở tại Paris cùng đi một chuyến tàu, hai ông bà không theo đạo nào cả, nhiều khi thấy tôi ngồi yên lặng trên boong tàu nhìn ra biển khơi, ông bà lại gần xin lỗi hỏi thăm, sau khi được biết tôi đi dự Hội nghị Tôn Giáo Thế giới nên từ đó ông bà luôn luôn hay lại hỏi thăm về đạo lý của Phật giáo, vì ông bà đã có từng đi du lịch các nước Phật giáo Nam Tông. Ông bà nói chúng tôi không theo đạo nào, nhưng chúng tôi khảo cứu các nguồn tôn giáo, riêng chúng tôi thích nhất chủ nghĩa Phật giáo vì có tánh ôn hòa, từ bi, bác ái và rộng lượng khoan hồng hơn các tôn giáo khác. Màn đàm luận cho tiêu khiển thì giờ, mãi cho đến ngày 12-8-1958 lúc hơn 10 giờ sáng thì tàu mới cập bến Hải cảng Manila (Phi-Luật-Tân), mọi người đều được phép lên bờ giải trí, chỉ có tôi và ông Cửu không được phép lên bờ, vì trong Passe-Port không có để cho vào xứ ấy, tuy nhiên tôi cũng không chịu thua họ, tôi bèn gọi điện thoại cho Sứ quán V.N. tại Manila đến lãnh giùm, nhờ sự can thiệp của Sứ quán mà trong nửa giờ sau có xe của Sứ quán đến rước chúng tôi lên bờ đến viếng thăm Sứ quán, sau câu chuyện hàn huyên Sứ quán có đưa xe cho chúng tôi đi viếng thủ đô Manila gần 3 tiếng đồng hồ mới đưa chúng tôi xuống tàu, vì tàu sắp nhổ

neo trong lúc 7 giờ tối. Nhưng còn nhiều việc trễ nãi, nên mãi đến 10 giờ đêm tàu mới nhổ neo trực chỉ thẳng đến Hồng Kông, tàu chạy hơn 2 ngày 2 đêm mới đến hải cảng Hồng Kông vào lúc 9 giờ sáng ngày 14-8-1958. Hải cảng này rất dễ mỗi hành khách đi thông qua đều được phép lên bờ để viếng cảnh nên chúng tôi không có làm rộn đến Sứ quán chỉ có gọi điện thoại cho hay vậy thôi, vì tàu cập bến không lâu nên không có đến viếng Sứ quán chỉ lên bờ để viếng cảnh và xả hơi, vì mấy ngày ở dưới tàu cũng có hơi chóng mặt, ở đây phần nhiều đều nói tiếng Anh và tiếng Quảng Đông, nhà cửa rất nguy nga, đồ sộ có đến 16, 17 từng nhưng vuông dài như cái hộp quẹt, đồ hàng hóa rất rẻ vì là một hải cảng tự do không có đánh thuế thương khẩu. Nên ngành thương mãi rất phồn thịnh, trên bờ thì có nhiều loại xe chuyên chở hành khách nhứt là xe ô-tô buýt 2 từng, dưới sông thì tàu bè đậu dài theo hải cảng như xuồng đi chợ tết chen lại dày đặc, hai bên thì đều là hòn đảo nên phi trường phải làm khơi ra ngoài biển, phong cảnh trông rất ngoạn mục.

Đến 7 giờ tối hôm ấy, thì tàu rời bến trực chỉ thẳng đến xứ mặt trời, lối 5 giờ chiều ngày 15-8-1958, tàu chạy ngang đảo Đài Loan (Formose) trông thấy một hòn đảo đồ sộ xanh rì ở giữa bể khơi, chung quanh bao bọc những sương mù dường như che đậy không muốn cho ai khám phá những sự bí mật của đảo ấy, tàu Cambodge vẫn ầm ầm lướt sóng cũng không để ý gì đến đảo Đài Loan.

Mãi đến 3 giờ chiều ngày 17-8-1958, tàu mới cập bến hải cảng Kobé là một hải cảng to lớn thứ nhì xứ Nhật Bản, đến đây những hành khách du lịch phần nhiều đều lên bờ, tàu đậu ở đây hơn một ngày một đêm nên chúng tôi lên bờ viếng

vài ngôi chùa, mãi đến 10 giờ đêm ngày 18-8-1958 tàu mới rời hải cảng Kobé thẳng đến hải cảng Yokohama đến 3 giờ chiều ngày 19-8-1958 tàu mới đến Yokohama. Hải cảng này to lớn nhứt trong xứ Nhật Bản, tàu bè đậu dọc theo hải cảng như xuồng đi chợ tết ở xứ ta. Hồm rày cỡi thuyền quá hải chinh đông vẫn được sóng lặng, bể êm, nhưng khi tàu gần cặp bến thì liền phát dông to gió lớn, vì vậy mà tàu phải khó khăn lắm mới cặp bến xong thì đã 4 giờ chiều. Tôi ở trên boong tàu trông xuống coi có ai quen không, nhưng không thể phân biệt là ai được toàn là một làn sóng người Nhật vô số vẫy tay, giở nón ra hiệu chào người mình muốn đón rước, tôi thấy một nhóm người có hai nhà Sư Nhật cứ vẫy tay ngay tôi, tôi phỏng đoán có lẽ họ đến rước mình chăng? Nhưng sự đoán của tôi không sai, sau tàu cập bến và trình những giấy tờ thường lệ, xong chúng tôi kêu được người khuân hành lý lên bờ thì có 2 nhà Sư và 2 người thế đến vái chào và tiếp rước chúng tôi và cho biết rằng Hội đồng ban Tổ chức Khoa học có phái ông Phó Thơ ký ra đón rước chúng tôi về nhà trọ Ymca gần chỗ Hội nghị Sankeikaikan đi bộ lối 10 phút, nhà trọ này chỉ dành riêng cho người nam mà thôi, người nữ không được phép trú ngụ, có nhà trọ khác chỉ tiếp rước riêng biệt người nữ, nhà trọ này cả thảy 8 từng, trên 6 từng và dưới đất 2 từng có đến gần 700 phòng.

Đô thị Tokyo thật to lớn, dân số gần 9 triệu, chiều dài đến 60 cây số ngàn, bề rộng lối 40 cây số ngàn, đường phần nhiều không tên, nhà không số, chỉ có tên từ khu, khóm vậy thôi, phần nhiều mỗi nhà đều có máy radio và vô tuyến truyền hình còn điện thoại thì dày đặc chỗ nào cũng có, nhưng lạ một điều là không khi nào nghe tiếng ồn ào của radio như ở

xứ ta. Khi họ cần họ chỉ mở vừa cho trong nhà nghe thôi ngoài đường thật sạch sẽ không thấy ai buôn gánh bán bưng, hoặc ăn uống ngoài đường như xứ ta, hoặc cãi cọ ồn ào, cũng không thấy những người hành khất đi xin ăn hoặc trẻ con chạy giỡn chơi la ó ngoài đường, mỗi người hình như đều lo phận sự riêng của mình, vẫn yên lặng mà đi, mua bán thì có giá để sẵn khỏi cần phải trả giá. Về sự chuyên chở đi lại thì rất rẻ và dễ dàng: như xe điển, xe taxi, xe autobus, xe điển chạy trên nóc nhà, xe chạy ở dưới hầm ngầm ở dưới đất, có luôn cả nhà hàng buôn bán ở dưới hầm ấy nữa, không có xe cyclo, xe gắn máy và xe đạp rất ít, thành phố to lớn như thế nhưng ít thấy có người tàn phế đi xin ăn ngoài đường, một điều lạ là không thấy người phụ nữ nào có thai đi ngoài đường bao giờ. Bổn tánh người Nhật ưa thích chưng bông vì vậy mà có lối 300 trường dạy học cách chưng bông khắp trong các tỉnh lỵ xứ Nhật, mỗi khi ra trường thi đậu thì có thể làm Giáo sư hoặc làm việc coi về cách chưng bông cho các hãng to hay công sở. Tại Tokyo có hơn 50 đại học đường còn ở Kyoto thì có lối 40 đại học đường dạy đủ các ngành kỹ nghệ, văn hóa và chuyên nghiệp, mỗi người Nhật, nam hoặc nữ cũng phải học ít lắm tới trung học vì vậy mà xứ Nhật ít có người mù chữ.

Về tôn giáo thì có nhiều phe phái khác nhau như Khổng giáo, Lão giáo, Công giáo, Phật giáo và Võ Sĩ đạo (Shintoism), đạo này thờ những tấm kiếng tròn vo như mặt trời tượng trưng cho các vị thần phò hộ trong nước cho được thái bình, họ cho rằng các vị thần này lúc còn sống thì phò vua giúp nước, khi thác thì thành thần, vì vậy mà họ rất trọng và thường đến cúng vái các đền thờ này rất tấp nập. Mỗi khi họ

đến chiêm ngưỡng họ thảy vào thùng ít đồng bạc, kéo chuông nghe rôn rổn vỗ tay hai lần xong cúi mình lui ra. Còn về Phật giáo thì chia làm nhiều phái như: phái Thiên Thai, phái Shingon (Mật Tông), phái Jodo (Di Đà), phái Nichiren (trì tụng Diệu Pháp Liên Hoa kinh sẽ thành Chánh giác), phái Thiền Tông (Zen Buddhism) phái này chuyên môn về thiền định để giải thoát, vì vậy mà phái này hiện còn đương thạnh hành lắm, có nhiều chùa chiền thật to lớn, địa thế chiếm gần bằng một châu thành nhỏ, có chỗ thanh tịnh để cho nhà Sư và thiện tín riêng biệt để tham thiền, hôm ấy có các phái đoàn Thế giới đến viếng, họ lấy cây đập thử mấy người đang tham thiền nghe chan chát cho mình xem. Trong các phái to lớn này còn có rất nhiều phái nhỏ khác nữa không thể kể hết được.

Chương trình và thể thức hội nghị

Chiều ngày 27-8-1958, tất cả các đại diện trên thế giới cả thảy 32 nước đều đến trình diện lãnh hồ sơ và chương trình nghị sự. Tôi nhận thấy các nước ấy là: Úc châu, Áo, Bỉ, Canada, Miến Điện, Tích Lan, Pháp, Đức, Anh, Ấn Độ, Ý Đại Lợi, Thái Lan, Việt Nam, Do Thái, Afghanistan, Bồ Đào Nha, Hy Lạp, Hoà Lan, Thụy sĩ, Norway, Nam Dương quần đảo, Tân-Gia-Ba, Hồng Kông, Triều tiên và Mỹ quốc, Nhật v.v…

Sáng ngày 28-8-1958, lối 9 giờ thì Hội nghị khai mạc, bắt đầu bằng một bản âm nhạc du dương, hóa dịu của tiếng đờn tranh do các phụ nữ Nhật chuyên môn biểu diễn, sau một hồi nhạc thăng trầm, xướng ngôn viên lần lượt xướng danh từ

người để lên đọc diễn văn khai mạc. Hôm ấy có ông bà hoàng Mikasa em Đức Vua Thiên Hoàng làm Chủ Tọa danh dự.

Hội nghị chia ra làm 3 phần. Phần thứ nhứt chia ra 4 nhóm: nhóm A) Bàn về sự khởi thủy các tôn giáo; nhóm B) Bàn về cổ giáo; nhóm C) Bàn về sự hoạt động các tôn giáo hiện tại; nhóm D) Bàn về các vấn đề tổng quát. Phần thứ nhì, chia ra làm 2 nhóm: A) Hội họp chung tất cả các đại diện trên thế giới để bàn luận chung trong 5 phiên; B) Chia ra làm 12 vấn đề Hội nghị bàn tròn trong 3 ngày, mỗi ngày 4 vấn đề, hội viên tùy thích vấn đề nào thì vào bàn luận với phe ấy. Phần thứ ba, đi châu du các xứ như là: Nikko, Kamakura, Ise, Tenri, Nara, Tokyo và Kyoto để khảo cứu các chùa chiền về văn hóa, kỹ thuật và cổ tích.

Kỳ Hội nghị này là lần đầu tiên ở xứ Á châu, vì các kỳ trước kia đều toàn là họp ở Âu châu cả. Tuy nhiên, cuộc Hội nghị đem lại nhiều kết quả tốt đẹp là được hiểu biết lẫn nhau về tôn chỉ và giáo lý của các tôn giáo khác nhau. Sự tổ chức hết sức chu đáo như trong lúc Hội nghị bàn luận đều có tốc ký viên ghi chép, thu thanh, quay phim, nhiếp ảnh, phát thanh và vô tuyến truyền hình, mọi việc đều sẵn sàng, êm đềm hòa thuận trật tự, do nhờ sự sắp đặt khéo léo của ban Tổ chức.

Hội nghị đề xướng rằng nên khuyến khích, học hỏi, nghiên cứu về lịch sử các tôn giáo Âu châu và Á châu cho hiểu biết lẫn nhau, để đánh tan sự hiểu lầm giữa người Âu và Á cho rằng: quan niệm của sự văn minh Âu châu đối với các tôn giáo hoàn toàn là vô hiệu quả. Về mặt các tôn giáo không nên giải thích và cho rằng một giáo lý hoặc một quan niệm riêng biệt của mỗi phe mỗi phái, hoặc dùng quyền lực đàn áp sự tín ngưỡng của người khác, nhưng trái lại nên cho rằng

là một việc làm cho được phát triển nền đại học văn hóa của thế giới, là một đặc tính của sự tư tưởng làm cho sinh hoạt và giá trị của mỗi cá nhân và nhân loại mà thôi.

Một giải pháp về các tôn giáo, là nên thân cận và trao đổi ý kiến tốt đẹp giữa Âu-Á không về mặt chủ nghĩa giáo lý, nhưng với mục đích là khởi xướng sự hiểu biết lẫn nhau về các tôn giáo dưới hình thức văn hóa, theo sự nhu cầu của khoa học hiện đại.

Hội IAHR (The International Association for the History of Religions) khuyên tất cả các đại diện trên thế giới nên thành lập một ban IAHR địa phương, ban này khi thành lập xong nên gửi tên ngay cho tổng hội IAHR thì sẽ được tham dự làm hội viên. Các nước sau đây đã hứa sẽ lập một ban IAHR địa phương như: Ấn Độ, Nhật Bản, Ả Rập, Miến Điện, Pakistan, Triều Tiên và có thể vào để đảm nhiệm chức vụ trong Tổng Ban Chấp Hành của IAHR, nếu được đại hội đề cử và chấp thuận. Năm 1960 hội IAHR sẽ họp tại Marburg (Đức quốc) và có lẽ năm 1963 sẽ họp tại New-Delhi (Ấn Độ) nếu xứ này thành lập xong ban quản trị địa phương.

Sau khi khai mạc đến ngày thứ nhì, tới phiên phái đoàn Việt Nam do Đại đức Nāga Thera Bửu Chơn hướng dẫn lên đọc diễn từ nói về lịch sử Phật giáo xứ Việt Nam và một bài nói về quan niệm của Phật giáo, sau khi thuyết trình xong vị Chủ Tọa có hỏi thính giả 3 lần ai có muốn hỏi chi không, nhưng họ vẫn yên lặng vì lí lẽ trong diễn từ rõ và hợp lý nên không ai bác bẻ chi cả.

Nguyên văn bài diễn từ bằng tiếng Anh như vầy:

THE TEACHINGS OF THE BUDDHA BY NĀGA THERA (BỬU CHƠN)

In the name of Việt Nam Theravada Sangha Order, I congratulate all Brothers and Sisters coming from any continent of the world to attend this useful Symposium.

I have the honour and opportunity to speak a few world in this solemn Symposium which is very interesting to all Nations.

Whether all Religions in the world are different forms but the aims are almost similar. The Islamism has the thought of "Peace" and they adore the St.Josaphat which name is derived from Buddhist Bodhisatta. The Hinduism has the aim of "Ahimsà-Harmlessness" then they consider Buddha as their Vishnu avatāra-incarnation of Vishnu. The Protestant has the ideal of "Neighbourliness". Rationalism considers Buddha as a Greatest Thinker. The Confusius taught: The viser has to make like a non-intelligent one, the powerful man considers himself as a weak one, the richman does not forget when he was poor. As for Buddhism is "Mettā-loving kindness". Therefore all Religions have the similar aims e.g. friendliness, harmlessness, neighbourliness, helpfulness and loving kindness. In Pāli, the language of Buddhist scriptures, Mettā is known under the name of "Brahma vihāra", this term may be rendered by: excellent lofty or sublime state of mind, or alternatively, by Brahma-like or divine Abode.

It is said to be excellent or sudlime, because it is the right, or ideal, way of conduct towards all living beings. This attitude of mind provides in fact the answer to all situations arising from social contact. It is the great remover of tension, the great peace-maker in social conflict the great healer of wounds suffered in the struggle of existence, leveller of social barriers, builder of harmonious communities, awakener, of slumbering magnanimity long forgotten reviver of joy and hope long abandoned, promoter of human brotherhood against the forces of egotism. It is incompatible with a hateful state of mind, and in that is akin to Brahma who is conceived as the hateless one, inbeneficial contrast to many other conceptions of deities, in East and West, who by their own devolees, are said to show anger, wrath, jealousy and "righteous indignations".

He who assiduously develops this Subline state, by conduct and meditation, is said to become an equal of Brahma and if one becomes the dominant influence in his mind, he will be reborn in congenial worlds, the Realms of Brahma. Therefore this state of mind is called God-like, Brahma-like. It is called Adobe, because it should become mind's constact dwelling place where our mind feel "at home", it should not remain merely place of rare and short visit, soon foggotten. In the other words, our mind should become thoroughly saturated by it. Mettā should become the inseparable companion of our days, and we should be mindful of it in all our common activities as far as it has any concern with this mental attitude. As in the Mettā sutta quotes: When standing, walking, sitting, lying down; whenever he feels free of

tiredness; let him establish well mindfulness; this, it is said, is the Divine Adobe.

The Doctrine of the Lord Buddha is not noly Mettā loving-kindness but there are many other ways for practising. In the Tripitaka-Three Baskets, we have 84.000 of Dhamma. But the Buddha summarizes them in one Pāli stanza thus: Sabba pāpassa akaranaṃ. Kusallass' upasampadā. Sacitta pariyoda panaṃ. Etaṃ Buddhāna sāsanaṃ. That is to avoid all bad actions to flourish all merits, to purify one heart, that are the teachings of all Buddhas.

Moreover, the foundations of Buddhism is based on Law of Cause and Effect and the Four Noble Truths. A pure Buddhist should not believe or implore to the other Powerful Gods or any Supernatural Being or even the Buddha who might give us the happiness or painfulness, pure or impure but one has to recourse to oneself, as the Buddha said: Attāhi attāno nātho, kohi nātho paro siyā- e.g. One should have to recourse oneself, not by the other's protection. The same way, in the Catholic Bible says: As thou sowest, so thou shalt reap.

The teachings of the Buddha calls Buddhism, it is Western term The Buddha Wasa Man, Buddhist should not regarding Him as a God, do not pray to him "Dependence on the others for Salvation is negative, dependence on oneself is positive". To depend on another is to shelve making the effort, and to lose one's independence.

Buddha is not a name, but an appellation, meaning Englishtened One. Former Buddhas have existed in the past

ages, and other Buddhas are expected in the future, the present Buddha is Gautama or Sakyamumi. All Buddhas teach the same Doctrine. Among us whether we are Buddhist or not, we should learn and practice the "Science of Life" that is we must control ourselves the deed, speech and thought, do not let them discard the wholesome volition or the other words we should follow the "Noble Eighfold Path with embodies eight principles or rules of conducts, then one can improve the happiness in this very life as well as in the future's. The Lord Buddha had foresighted that, in the future, His disciples would mistake Him as a Redeemer of the world or a Powerful God, then they engage only in the ritual ceremony of worshiping, and they do not set forth to practising the Dhamma, in other to escape all sufferings. So He recommended to His disciples as the following Pali stanza: Tumhehi kiccaṃ ātappaṃ – Akkhātara Tathāgatā. // Patipaññо pamokkhanti – Jhāyino māra bandhnā. That is, you have to practice diligently the Dhamma, all Buddhas are only showing the way, if you follow the Path that I had shown, then you will escape the ties of the Māra or difilements, so you safety reach the stage of Salvation.

All these arguments testify that Buddhism is absolute and rationalist Doctrine which is not grasping on Atheism, Heresy or others power in order to get Deliverance. I am sure that, if the moderm world tries to understand and usefulness of Buddhism which teaches the mankind to be non-violent but compassionate, then the whole world would be peaceful. Finally, I hope that this significant Symposium will bring happiness and cordiality to all Nations.

<u>Bản dịch:</u>

Bài diễn từ của Đại đức Bửu Chơn – Nāga Thera trong kỳ Hội Nghị Lịch Sử Tôn giáo Thế giới lần thứ chín tại Đông Kinh.

GIÁO LÝ CỦA ĐỨC PHẬT

Nhơn danh cho Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy Việt Nam, tôi xin chúc mừng tất cả các huynh đệ nam, nữ trên khắp Thế giới đến dự Hội nghị Triết học hữu ích này.

Tôi lấy làm may mắn và danh dự được phát biểu ít lời trong kỳ Hội nghị Triết học long trọng này, nó rất hữu ích cho tất cả quốc gia.

Mặc dù tất cả Tôn giáo có hình thức khác nhau nhưng tôn chỉ gần giống nhau như: Hồi giáo có quan niệm "hòa bình" và họ tôn sùng vị thánh Josephat mà danh từ này tương đồng từ nguồn gốc "Bồ đề tát đỏa" của Phật giáo, Ấn giáo có tôn chỉ là "vô hại" họ cho Đức Phật như là một hiện thân của vị thần Vishnu của họ. Tin lành giáo có quan niệm là "tương thân" hay tương trợ lẫn nhau. Hợp lý giáo hay Thuần lý giáo thì cho Đức Phật là một bậc "đại tư tưởng", Khổng giáo thì dạy rằng: Người trí thức nên làm như người ngu muội, người có quyền thế nên tự cho mình như kẻ yếu hèn, người giàu sang không nên quên mình trong lúc hàn vi. Còn về Phật giáo thì có bản chất "từ bi, bác ái", vì vậy mà tất cả các tôn giáo đều có tôn chỉ tương đồng là: tình huynh đệ, không hãm hại nhau, tương thân tương trợ và từ bi bác ái.

Pāli là thứ tiếng dùng trong Kinh nhà Phật, thì tiếng Metta – Bác ái còn gọi là Brahma Vihāra = Phạm hạnh, danh từ này còn có nghĩa là: vô lượng cao quí hay là trạng thái cao

thượng của tinh thần hay nói một cách khác là sự ưa mến của các bực phạm hạnh hay là "nơi mà tâm các vị Thần tiên cư trú".

Sở dĩ nói là vô lượng cao quí là vì có quan niệm hành động chân chánh đối với tất cả chúng sanh, vì trạng thái của tâm bác ái để đối phó lại hay là trả lời cho tất cả trường hợp xảy ra trong sự trực tiếp với xã hội. Chính tâm ấy rất quan trọng trong sự dứt bỏ tình trạng căng thẳng giữa đôi bên. Nó làm cho xã hội xung đột nhau được hòa bình, nó làm cho lành mạnh những vết thương đau khổ trong sự tranh đấu của đời người, nó bẻ gãy hàng rào giai cấp của xã hội, nó xây dựng một xã hội nhu hòa, nó thức tỉnh cho lòng rộng lượng đã bỏ quên từ lâu đời, khiêu gợi lại sự vui vẻ và hy vọng đã hoang phế, nó khởi xướng tình huynh đệ của nhân loại và gạt bỏ sức lực mạnh mẽ của sự ích kỷ, nó không thích hợp với trạng thái ghét vơ của tâm hồn.

Và chính tâm bác ái ấy rất thân cận với trời "Phạm Thiên" là bực không có tâm thù oán và sân hận, nó trái ngược lại với những quan niệm của các Thần Giáo khác, ở Á cũng như Âu châu, do sự sùng tín của họ mà có khi tỏ ra ganh tỵ, sân hận, giận dữ, công phẫn mà họ cho là việc làm chánh đáng. Người nào siêng năng thực hành đức tánh cao cả này bằng sự tham thiền thì người ấy trở nên đồng đẳng như trời Phạm Thiên, và nếu tâm người ấy được thấm nhuần phép thiền định về bác ái thì sau khi chết sẽ được tái sanh về cõi trời ấy, như thế nên mới gọi trạng thái của tâm này là "như Chư Thiên hoặc như Phạm Thiên".

Còn nói về sự cư ngụ là tâm luôn luôn phải khắng khít ở trong pháp bác ái ấy cũng như chỗ ở của mình, chớ không

phải chỗ mà mình chỉ đến viếng cấp thời rồi quên đi mau chóng. Nói một cách khác, là tâm của chúng ta nên luôn luôn khắng khít vào đấy. Hằng ngày lòng bác ái như người bạn không rời chúng ta và trong tất cả mọi sự hành vi luôn luôn phải chủ tâm đến nó, cho đến tất cả những sự việc nào có liên quan đến trạng thái của tâm này. Cũng như trong Kinh bác ái có giải rằng: Dù khi đi, đứng, ngồi, nằm, bất luận trong lúc nào mà không mỏi mệt thì nên cố gắng niệm lòng bác ái, như vậy nên mới gọi là "chỗ cư ngụ của Chư Thiên".

Giáo lý của Đức Phật chẳng phải có tâm bác ái mà thôi nhưng còn rất nhiều cách thực hành khác nữa. Trong Tam Tạng còn có đến tám muôn bốn nghìn pháp môn, nhưng Đức Phật tóm lại trong bài kệ Pāli như vầy: Phải tránh xa các điều ác, nên làm các điều lành. Trau tâm cho trong sạch, đó là những lời giáo huấn của chư Phật. Hơn nữa, Phật giáo căn bản trên Lý nhân quả và Tứ diệu đế.

Người Phật tử thuần thành không nên tin tưởng và van lơn khẩn vái với các thần lực hoặc một nhân vật siêu phàm xuất chúng nào, dầu cho Đức Phật, để đem lại cho ta vui hay khổ, trong sạch hay nhơ bẩn, nhưng trái lại con người phải tự nương nhờ lấy mình như Đức Phật có nói: "Tự mình hãy nương nhờ lấy mình chớ không nên nương nhờ hoặc cầu cứu nơi kẻ khác", cũng như thế ấy trong kinh Thánh của đạo Gia-tô có nói: "Người gieo giống nào, người sẽ gặt lại giống ấy". Đức Phật là một nhân vật như chúng ta, người Phật tử không nên coi Ngài như một vị Thần linh, không nên cầu khẩn Ngài. Trong Phật giáo không có sự nhờ người khác mà giải thoát, nhưng phải tự lực mình mới giải thoát được cho mình.

Sự do nhờ nơi kẻ khác tức là làm ngăn trở sự cố gắng và làm cho ta mất sự tự lập và tự chủ.

Đức Phật không phải là một cái tên, nhưng đó chỉ là một danh từ kêu gọi vậy thôi, thật ra Phật có nghĩa là "Một đấng đã giác ngộ hay sáng suốt". Trong thời quá khứ cũng có nhiều vị Phật và cũng sẽ có những vị Phật trong thời vị lai, còn trong hiện tại là Đức Phật Gautama hay Sakyāmuni đang giáo truyền.

Tất cả chư Phật đều giảng dạy đồng một giáo lý, chúng ta ở đây dầu là Phật tử hay không cũng nên luyện tập một "cuộc đời thanh khiết", là chúng ta nên tự kiểm điểm mọi sự hành vi của thân, khẩu, ý đừng cho nó hoạt động ngoài phạm vi của pháp thiện, hay nói một cách khác là chúng ta nên thực hành theo "Bát chánh đạo", con đường có 8 chi để trau dồi hạnh kiểm của mình, nếu được như vậy thì con người tự mình có thể làm cho tăng trưởng nhân vị của mình và hạnh phúc trong kiếp hiện tại và trong những kiếp vị lai.

Đức Phật Ngài đã có viễn kiến thấy rằng, trong ngày vị lai các hàng môn đệ của Ngài có thể lầm tưởng Ngài là một "Bậc Cứu Thế" hoặc là một "Vị Thần Linh", như vậy họ chỉ chuyên cần theo nghi thức lễ bái cúng dường mà thôi chớ không quan tâm thực hiện theo giáo lý của Ngài đặng thoát khỏi sự thống khổ. Nên Ngài mới căn dặn các hàng môn đệ như vầy: "Các người hãy cố gắng thực hành theo giáo pháp, tất cả chư Phật chỉ là người chỉ đường vậy thôi, nếu các người thực hành con đường Như Lai đã chỉ thì sẽ thoát khỏi sự cột trói của Ma vương (hay là phiền não), như vậy thì các người mới đến nơi giải thoát một cách an toàn".

Tất cả những bằng chứng đã kể trên để minh định rằng Phật giáo là một giáo lý tuyệt đối hợp lý, không cố chấp vào thần linh, tà thuyết hay do nơi năng lực của kẻ khác mà được giải thoát sự thống khổ. Tôi dám quả quyết rằng, nếu Thế giới văn minh mà khoa học này mà hiểu được sự lợi ích của Phật giáo đã giáo hóa nhân loại không có tàn ác, bạo ngược nhưng trái lại có tâm bác ái, rộng lượng, khoan dung thì Thế giới sẽ chắc chắn được hưởng sự "hòa bình". Đến đây tôi mong ước sao cho cuộc Hội nghị "Lịch sử tôn giáo" có đầy ý nghĩa này sẽ đem lại sự hạnh phúc và tình thân ái cho nhân loại và các quốc gia.

Bài này sau lại hội đồng trong ban Tổ chức được tuyển chọn và in ra sách để gởi đi khắp các nơi trong các Đại Học Đường Nhật Bản để cho sinh viên học hỏi.

Sau khi Hội nghị xong, các phái đoàn đều được đưa đi chiêm bái và khảo cứu các xứ đã kể trên, phần nhiều chùa chiền của Phật giáo và phái Võ sĩ đạo, kiến trúc rất đẹp và nguy nga đồ sộ, các đền thờ của võ sĩ đạo thì phần nhiều lợp bằng vỏ cây theo cổ truyền, thật dày trong 20 năm mới thay lợp lại một lần. Ở trước đền khi vào ngay cửa chính thì thấy một sợi dây rơm thắt lại bằng cườm tay là tiêu biểu của sự đoàn kết về võ sĩ đạo, còn các chùa Phật giáo thì thường cất nơi thanh vắng và trên núi non.

Các phái đoàn đi chiêm bái lần lần đến xứ Kyoto một cựu thủ đô xứ Nhật đúng ngày 9-9-1958, lối 11 giờ trưa, Ban Tổ chức và các phái đoàn cu hội tại Đại Học Đường Kyoto và tuyên bố bế mạc Hội nghị nơi ấy.

Trong lúc Hội nghị có sáu bữa tiệc để thết đãi các phái đoàn, ngày thứ nhứt do ông Chủ tịch Hội Đồng Khoa Học và ban Tổ chức thết đãi, ngày thứ nhì do đức Hoàng Tử Mikasa, ngày thứ ba do ông Nobusuke Kishi Thủ tướng Nhật, ngày thứ tư do ông Bộ trưởng bộ Giáo dục tổ chức, ngày thứ năm do ông Vương Ngoại xứ Tenriko, ngày bế mạc do ông Giám đốc đại học đường Kyoto thết đãi để tiễn biệt các phái đoàn Thế giới và giải tán luôn cuộc Hội nghị nơi ấy.

Trong khi lưu trú tại Đông kinh được nhiều bạn Nhật đã từng gặp trước kia tại Rangoon đến thăm, ngoài ra tòa Sứ quán Việt Nam có tổ chức một buổi tiệc để thết đãi phái đoàn trước khi về xứ. Ông bà đại sứ Bùi Văn Thinh rất ân cần khoản đãi, luôn tất cả nhân viên trong xứ quán cũng rất vui vẻ giúp đỡ chúng tôi trong khi hữu sự.

Tối hôm ấy phái đoàn Việt Nam phải lên tàu hỏa lúc 10 giờ đêm để trở về Tokyo cách đô thị Kyoto 600 cây số ngàn, tàu hỏa chạy suốt đêm sáng hôm sau lối 9 giờ mới về tới Tokyo, suốt ngày hôm ấy phải lo sắp đặt hành lý và đến kiếu từ Sứ quán vì sáng mai lúc 6 giờ phải ra phi trường để lên đường về xứ.

Vừa hừng sáng thì đã có xe Sứ quán đến rước chúng tôi ra phi trường và đưa chúng tôi ra tận nơi phi trường để tiễn biệt. 8 giờ 15 thì phi cơ cất cánh (lối 6 giờ sáng xứ ta) mãi đến 4 giờ chiều phi cơ mới đỗ xuống phi cảng Hồng Kông cho hành khách lên xuống độ 45 phút thì lại cất cánh trực chỉ phi trường Tân Sơn Nhứt, mãi đến 19 giờ 30 mới đến nơi cả thảy lối 13 tiếng đồng hồ, khi xuống phi cơ để về chùa thì đã có các vị Đại đức trong ban chưởng quản và một số thiện nam tín nữ rất đông đến tiếp rước chúng tôi một cách nồng nhiệt,

sau khi mừng rỡ hàn huyên phái đoàn lên xe đưa về Kỳ Viên tự.

Trong lúc tôi Hội nghị và chiêm bái các nơi Phật tích cũng được công đức đa thiểu, vậy tôi xin hồi hướng quả phúc ấy cho tất cả bà con có lòng trong sạch hộ độ tôi đa thiểu về chi phí, do năng lực phước báu ấy xin cho tất cả bà con thiện nam tín nữ được mọi điều an vui, hạnh phúc.



Đại đức Bửu Chơn đang dự Hội nghị IAHR tại Tokyo.



Các phái đoàn trên Thế giới đang viếng Pho tượng Phật vĩ đại tại Kamakura (Nhựt).



ĐĐ.Bửu Chơn đang chuyện vãng với Hoàng tử Mikasa-em ruột đức Vua Thiên Hoàng (Nhựt)- trước phòng khánh tiết.

ĐĐ.Bửu Chơn đang đứng trong cảnh vườn nơi đền vua cố đô Kyoto.



Hội Nghị Lịch Sử Tôn Giáo Quốc Tế Lần Thứ XTại Marburg (Tây Đức) (11-24/9/1960)

Cuộc hành trình

Ngày 24-8-1960 tôi được giấy bộ Nội Vụ mời tôi đến để lấy giấy tờ sang Tây Đức Hội nghị Lịch Sử Tôn Giáo lần thứ X tại Marburg-Lahn.

Sau khi lo xong giấy tờ thường lệ đến ngày 8-9-60, lúc 20 giờ, có chư Tăng và thiện tín rất đông tụ hội tại chùa Kỳ Viên tụng kinh cầu an và phúc chúc cho tôi thượng lộ bình an. Xong có hai xe tiễn đưa tôi ra phi trường: một xe chư Tăng có Sư Hộ Giác làm hướng đạo, một xe của bà Vũ Thị Kiểm đưa tôi và ít người thiện tín. Vì ban đêm vào phi trường phải xin phép nên một số chư Tăng và thiện tín đành phải ở lại, chỉ tiễn chân tôi trước chùa thôi.

Đến phi trường còn phải chờ hơn 1 tiếng đồng hồ: đến 21 giờ 30 thì phi cơ mới cất cánh. Trên hư không ban đêm khí trời lạnh nên nhân viên của hãng hàng không Air France biếu cho mỗi người một chiếc mền len và một đôi vớ mang cho đỡ lạnh. Đêm đã khuya trên phi cơ đều tắt đèn hết, chỉ chừa ánh sáng hơi lu lờ cho hành khách an nghỉ. Phần tôi không thể nào ngủ được, ngồi dựa lưng vào ghế lo nghĩ vơ vẩn đâu đâu. Vì các kỳ Hội nghị khác đều có người theo giúp đỡ, chuyến này lại không có ai, chỉ có một mình một bóng tôi mà thôi. Phần cuộc hành trình rất xa xôi trên lãnh thổ Âu châu, không phải là xứ Phật giáo, nhưng tôi cũng cứ hy sanh nhẫn nại để làm tròn xứ mạng, vì phải đương đầu với bao nhiêu sự khó khăn nên tôi nguyện đành liều cho phần phước đến đâu hay đến đó. Mảng suy nghĩ vu vơ bỗng có còi báo

hiệu cho hành khách phải thắt dây đai vì phi cơ sắp đổ xuống phi trường Bangkok lúc 12 giờ đêm. Khi hành khách lên xuống xong lại cất cánh trực chỉ thẳng qua Karachi. Khi đến nơi thì trời vừa sáng, hành khách được đưa đi đến một nhà hàng để điểm tâm, xong lại cất cánh thẳng qua Teheran (Perse). Trên phi cơ trông xuống thấy toàn toàn là đồng cát trắng phau phau, có chỗ thì núi non gồ ghề, chớn chở, trơ trọi, không có cây cối chi. Phi cơ bay hàng mấy tiếng đồng hồ, nhưng vì đây là một bãi sa mạc thật to của xứ Ba-tư (Perse) vậy.

Từ Teheran qua Rome (Ý Đại Lợi) phi cơ phải bay thật cao vì bị sa mù và núi non hiểm trở. Gần 8 tiếng đồng hồ phi cơ mới báo hiệu cho biết gần đến phi trường Ciampino (Rome). Ở đây thì giờ khác hơn bên ta 6 tiếng đồng hồ, nên khi đến nơi thì trời vừa tối. Có xe của hãng hàng không đưa về Hotel, nghỉ tạm chờ chuyến phi cơ ngày mai mới đi qua Frankfurt (Đức). Hôm ấy cùng đi một chuyến có ông bà Nguyễn Xuân Nhẩn đi dự Hội nghị giáo huấn ở Rome, cùng ở chung một Hotel, nên dùng điện thoại chuyện vãn với nhau cho đỡ buồn. Tôi cũng có gọi điện thoại cho Sứ quán Việt Nam tại Rome để báo tin cho hay. Tình cờ lại gặp ông Đỗ Văn Minh đang làm việc cho Sứ quán tại Rome. Vì trước đây 2 năm, tôi cũng đi dự Hội nghị IAHR tại Đông kinh (Tokyo) cũng gặp ông đang tùng sự nơi ấy. Ông rất mừng và yêu cầu tôi có cần chi đến ông thì ông sẵn sàng giúp đỡ. Tôi cho hay rằng ngày mai lối 17 giờ 30, tôi phải lên phi cơ nên không có cần chi. Nhưng ông cũng không chịu làm ngơ, ông mua đủ thứ trái cây, sai tài xế đem đến biếu tôi. Vì đã quá ngọ nên tôi tạm lãnh và cho luôn ông bà Nguyễn Xuân Nhẩn.

Đúng 17 giờ thì có xe Sứ quán V.N. đến đưa tôi ra phi trường cách đô thị lối 15 cây số ngàn. Phi cảng này thật to rộng khi đến thì ở một nơi, khi đi thì ở một chỗ khác nữa, cách nhau độ 3 cây số, đâu mặt lại với nhau. Theo luật Chánh phủ Ý thì mỗi hành khách khi đi phải đóng một số tiền là 700 lires, lối 50$ xứ ta. Mọi việc đều nhờ Sứ quán V.N. lo cho cả. Phi cơ này của hãng hàng không Lufthansa của Đức, chở lối 100 hành khách bay trên 2 tiếng đồng hồ mới đến phi trường Frankfurt (Tây Đức). Trên phi cơ trông xuống thấy toàn là tuyết trắng xóa, bao phủ những dãy núi cao chớn chở. Khí trời ở đây lạnh lắm, lối 17-18 độ, ban đêm có khi 10-11 độ hoặc 12-13 độ là cùng. Khi phi cơ báo hiệu cho biết gần đến phi trường thì hơn 8 giờ. Các phi trường Âu châu rất dễ, không cần biên giấy kê khai hoặc thẻ kiểm điểm chi cả. Khi đến nơi, họ chỉ hỏi giấy thông hành, xem xong họ đóng dấu rồi đưa lại và cám ơn mình nữa. Còn về quan thuế, thì họ hỏi mình có chi kê khai không như rượu mạnh, thuốc điếu, dầu thơm… Khi mình nói không có chi khai, thì họ đóng dấu và cho đi liền.

Trước khi đó một giờ có Sứ quán V.N. ra đón rước, nhưng khi hỏi chuyến phi cơ từ Saigon qua thẳng Frankfurt thì hãng hàng không trả lời không có người V.N. nào qua cả. Vì tôi có gởi thơ cho hay trước sẽ đi qua chuyến đó, nhưng không có chỗ nên đi vòng qua Rome thành ra cuộc tiếp rước mới sai như vậy. Nhưng cũng may có người cùng đi Hội nghị đưa tôi lên tàu hỏa tốc hành lên Marburg, chỗ Hội nghị cách đó 100 cây số ngàn. Khi tàu hỏa đến nơi thì đã có Ủy ban Tổ chức họ chực sẵn để tiếp rước các phái đoàn đưa về nhà trọ. Tôi được đưa về nhà trọ một biệt thự của Giáo sư Dr.

Seidelmann cùng với hai người đại diện Thụy Điển: một ông kỹ sư khoáng vật và một ông cử nhân thần học, cùng ở chung nhau mỗi người một phòng. Lúc bấy giờ đã hơn 10 giờ đêm, phần thì đi đường mệt nhọc nên phải nghỉ sớm cho có sức khỏe để mai bắt đầu Hội nghị.

Sáng ngày 11-9-1960, khi điểm tâm xong, tôi cùng hai ông Thụy Điển đi đến chỗ Hội nghị. Chỗ này ở trên một chót đồi, có hai vật cổ truyền là một nhà thờ Thiên Chúa giáo đã xây dựng từ năm 1235-1335 do nữ hoàng Elisabeth và được tu bổ phục hưng lại năm 1470, và một trường đại học thành lập từ năm 1527 hiện giờ có luôn luôn lối 6.000 học sanh đến học đủ các ngành và các khoa đại học.

Chương trình hội nghị

Đúng 10 giờ thì Hội nghị bắt đầu khai mạc bằng một bản nhạc du dương trong một gian phòng rộng lớn của một nhà thờ cổ mà bấy giờ chỉ để làm một bảo tàng viện.

Khởi đầu có Thủ tướng Đức đọc diễn văn khai mạc. Đại ý ông nói rằng ước mong cuộc Hội nghị này sẽ đem lại nhiều kết quả tốt đẹp cho những người tầm đạo và nhiều sự lợi ích cho thế giới hiện nay. Sau cùng, ông cầu chúc cho tất cả các phái đoàn được đầy đủ sức khỏe để cộng sự trong khi Hội nghị và được mọi tiện nghi dễ dàng trong khi lưu trú trên lãnh thổ của ông. Kế đó Hồng Y Giáo Chủ lên đọc chúc từ, kế Hoàng tử Mikasa em Đức Vua Thiên hoàng Nhựt, Hội Trưởng danh dự đọc diễn từ chúc mừng cuộc Hội nghị được kết quả mỹ mãn. Kế bác sĩ Dr. Heiller, Chủ tịch Ban Tổ chức lên trình bày công việc của Ban Tổ chức và lý do cuộc Hội

nghị, sau cùng bác sĩ Dr. Bleeker, Tổng Thư ký của hội IAHR (International Association for the History of Religions) lên đọc phúc trình công việc của hội và đồng thời ông yêu cầu tất cả các đại diện nên đứng dậy làm thinh trong vài phút để kỷ niệm cho bác sĩ Dr. Pettazzoni, Hội trưởng của Hội IAHR, đã quá cố trong năm vừa qua. Xong một bản nhạc trỗi lên chấm dứt cuộc khai mạc.

Hôm ấy có thảy 508 đại diện của 29 nước. Vì đường sá xa xôi, tổn phí nặng nề nên các nước Á châu rất ít chỉ có 6 nước thôi như là: Việt Nam, Nhật Bản, Hồng Kông, Triều Tiên, Ấn Độ và Tích Lan, còn lại bao nhiêu đều là các nước Trung Đông và Âu Mỹ như: Hồi quốc, Ba Tư, Hy Lạp, Do Thái, Ả Rập, Nam Tư Lạp Phu, Áo, Ý, Pháp, Đức, Bỉ, Thụy Sĩ, Thụy Điển, Hòa Lan, Ba Lan, Na Uy, Anh, Mỹ, Bồ Đào Nha, Y-Pha-Nho, Maroc… Khi giải tán thì đã hơn 1 giờ trưa. Chiều lại lối 3 giờ thì các phái đoàn được đưa đi viếng các cổ tích trong xứ Marbura. Tối lại trong lúc 8 giờ có một bữa tiệc của ông thị trưởng và Giám đốc đại học Marburg thết đãi. Sau rốt có chiếu cuốn phim về cổ tích xứ Marburg cho xem.

Sáng thứ hai 12-9-1960, sau khi điểm tâm, đúng 8 giờ 30 thì có xe của cô Marianne chờ sẵn để rước tôi và hai ông Thụy Điển đến chỗ Hội nghị, do Ban Tổ chức phái cô có phận sự rước đưa mỗi bữa. Khi đến nơi đúng 9 giờ thì Hội nghị bắt đầu bàn luận. Phái đoàn V.N. được sắp vào ngày đầu tiên để trình bày đề tài vào khoảng 11 giờ 30. Đề tài Hội nghị chia làm 7 môn là: về các tôn giáo tối cổ; về tôn giáo xứ Ba-tư và đạo Do Thái; về các tôn giáo xứ Ấn Độ và Viễn Đông như Ấn giáo, Phật giáo, Khổng giáo, Lão giáo…; về tôn giáo xứ

Hy Lạp và La Mã (Rome); về Hồi giáo (Islam Mahamadan); về Công giáo; về hiện tượng học và các vấn đề tổng quát.

Hôm ấy bà Giáo sư Dr.B. Heimann (đại học London) làm chủ tọa. Đúng giờ bà mời tôi lên diễn đàn, xong bà giới thiệu với thính giả thế giới biết rằng: Đây là một nhà Sư chân tu của nước V.N., xin quí ông muốn hỏi chi thì hỏi (This is a real Venerable of V.N., please ask some questions). Nghe bà giới thiệu mà ngán, nhưng tôi vẫn thản nhiên thuyết trình như thường. Xong bà đứng dậy cám ơn và nói theo sự ấn định thì mỗi người chỉ được phép thuyết trình trong 15 phút và cho hỏi thêm 5 phút thôi. Nhưng hai người sắp thuyết trình kế ngày hôm nay lại vắng mặt, vậy Ngài có quyền nói luôn đến 50 phút. Bà dứt lời thì có ông bác sĩ người Mỹ có qua nghiên cứu nhiều năm về tôn giáo bên Nhựt đứng dậy hỏi tôi rằng: Phật giáo có liên quan đến vấn đề nhân vị không? Phật giáo đối với vấn đề nhân vị ra thế nào? Tôi trả lời rằng: Phật giáo rất liên hệ và chú trọng đến vấn đề nhân vị, còn đối với vấn đề nhân vị thì Phật giáo hoàn toàn nâng cao trình độ nhân vị, từ chỗ thấp hèn đến chỗ cao thượng, từ chỗ khổ não đến chỗ giải thoát, từ bậc thường nhân đến bậc siêu việt, từ nơi si mê đến nơi sáng suốt. Hơn nữa, chính cũng trong một nhân vật ấy, nếu sự hành vi của mình thấp hèn, còn nếu sự hành vi do thân khẩu ý được trong sạch, cao thượng thì tự nhiên đem nhân vị của mình lên địa vị trong sạch và cao thượng. Kế một ông bác sĩ người Ấn đứng dậy hỏi tôi về cái nghiệp (karma) của Phật giáo ra thế nào? Tôi trả lời rằng theo Phật giáo tiếng nói karma- nghiệp ấy chỉ là một sự hành động mà thôi, chưa phân biệt tội hay phước. Còn nói về nơi phát sanh ra karma ấy có 3 là thân, khẩu, ý.

Sự hành động nào do thân, khẩu, ý dầu thiện dầu ác cũng gọi là karma nghiệp cả. Còn nếu nói một cách khác nữa thì karma ấy có 3 là: nghiệp thiện, nghiệp ác và nghiệp không thiện, không ác. Nghiệp thứ 3 này khác hơn các tôn giáo khác là khi đã đắc quả A-la-hán rồi, sự hành vi của các Ngài không còn gọi là thiện hoặc ác chi cả, chỉ còn là một phận sự vậy thôi. Kế một cô Giáo sư người Áo ở Vienne đứng dậy hỏi rằng: Lúc nãy nghe Ngài đề cập đến cái quả, vậy xin Ngài chỉ cho tôi thấy rõ cái quả. Tôi ôn tồn hỏi lại cô rằng: Có lẽ cô còn nhớ lúc cô còn bé, bao nhiêu năm cắp sách đi học, nào bị lạnh bị nóng cực nhọc, có khi cũng bị rầy la quở trách, lúc vui lúc buồn, bao nhiêu những sự hành vi ấy hiện giờ không còn nữa. Vậy chớ bây giờ cô còn sót lại cái chi không? Câu hỏi bất ngờ của tôi làm cô hơi ngớ ngẩn, nhưng một chập cô liền trả lời rằng: Hiện giờ tôi đã thôi học nhưng vẫn còn sót lại sự hiểu biết (reste la connaissance). Tôi nói đó là kết quả của bao nhiêu năm do sự học tập của cô vậy. Kế một ông Giáo sư người Đức đứng dậy hỏi tôi rằng: Tiếng nói Pháp (Dharma) nghĩa chính ra sao? Có mấy loại Dharma? Tôi trả lời rằng: Pháp có nghĩa là nâng đỡ (support) hoặc là chân lý (truth). Nếu nói rộng ra thì Pháp ấy có nhiều loại, nhưng nói tóm lại thì pháp có 3 loại là: Pháp thiện, pháp ác, pháp không thiện, không ác, pháp thứ 3 này thuộc về loại tâm trung bình là đạo quả Niết-bàn. Kế ông Giáo sư người Mỹ ở Nữu-Ước (New York) hỏi tôi rằng: Lúc nãy nghe Ngài nói có lòng từ bi bác ái. Muốn cho được trạng thái của tâm ấy, phải làm bằng cách nào? Tôi liền giải thích cách rải lòng bác ái một cách tóm tắt là: trước hết mình phải rải lòng bác ái cho mình như vầy "Cầu xin cho thân tâm ta được sự an vui". Trong khi ấy ráng dứt bỏ tâm thù oán, sân hận gây oan

trái với mọi người. Rồi lần lần rải tâm từ đến những người chung quanh ta, lần đến những người trong xóm, trong làng, trong tỉnh, trong toàn xứ, sau rốt rải luôn cho tất cả chúng sanh trên thế giới không phân biệt giai cấp, chủng tộc, màu sắc, già trẻ chi hết chỉ có tâm từ vô lượng để rải đến tất cả chúng sanh mà thôi. Rải như thế càng lâu càng hay và tâm lần lần sẽ trở nên điềm tĩnh, mát mẻ lạ thường. Khi giải xong, họ lấy làm hoan nghinh, có người nói nếu mọi người được như vật thì Thế giới đâu có chiến tranh. Có người còn muốn hỏi nữa, nhưng bà Heimann Chủ Tọa liền chặn lời và nói rằng: Ngài trả lời đã nhiều rồi và cũng đúng giờ xin để cho người khác lên thuyết trình.

Lần lượt các phái đoàn trên thế giới lên diễn đàn trình bày tư tưởng và lý thuyết của tôn giáo mình. Như bên Nhựt thì có nhiều người lên trình bày theo giáo phái mình, như đạo Shinto thì giải về tinh thần võ sĩ, nhờ thần Kami khai lập và hộ trì xứ Nhật, phái Thiên Thai thì trình bày về sự niệm Phật A-di-đà, khi chết thì sẽ được vãng sanh về tây phương cực lạc quốc độ, phái Thiền Tông thì nói con người cần phải tham thiền mới giải thoát khổ được, phái Thiên Lý giáo thì nói mọi việc đều do nơi trời tạo hóa và định đoạt, vậy con người nên tin tưởng và thờ trời thì sẽ được mọi điều hạnh phúc. Còn Ấn Độ thì thuyết trình về chủ nghĩa của Bà-la-môn cho là một đạo lâu đời nhứt, trước Phật giáo hơn 2.000 năm và tất cả vạn vật đều do nơi thần Phạm Thiên (Brahma) hóa sanh ra cả. Vậy con người nên tôn kính thờ Ngài, khi chết sẽ được trở về với ngài, khi ông thuyết trình xong có người hỏi ông rằng: Trong đạo ông từ xưa đến nay có ai được thấy vị thần Brahma lần nào không? Câu hỏi có hơi đột ngột

làm cho ông Ấn Độ khó mà trả lời được. Còn các phái đoàn Âu châu thì phần nhiều nói về lịch sử của Thiên Chúa giáo, Cơ Đốc giáo và Tin Lành, hoặc các nhà thờ do nơi ai tạo ra từ lúc nào, hoặc thuật lại vài câu chuyện tìm được những tấm bia do sở khảo cổ mới tìm ra một nơi sụp đổ nào, hoặc những chuyện huyền bí của đạo mình, hoặc thuyết trình về chủ nghĩa Đa thần giáo… Công việc Hội nghị tiếp tục luôn theo thứ tự những bài của ban Tổ chức đã chọn lựa, luôn trong 7 ngày như vậy mới xong công việc Hội nghị.

Sau khi Hội nghị xong thì tất cả các phái đoàn được đưa đi khảo cứu các cổ tích, đền đài, nhà thờ và bảo tàng viện có liên quan đến vấn đề tôn giáo trong mấy xứ như là: Hesse, Fulda, Wetzlar, Frankfurt, Wiesbaden, Mainz, Rhines, Trier, Maria Laach, Boon, Cologne. Đúng 7 ngày thì Hội nghị tuyên bố bế mạc tại một đại học đường ở Cologne dưới sự Chủ Tọa của ông giám đốc đại học nơi ấy.

Tối hôm ấy có một bữa tiệc của ông Bộ Trưởng bộ Nội vụ thết đãi các phái đoàn và đồng thời tuyên bố luôn sự bế mạc cuộc Hội nghị. Ông rất ân cần hàn huyên chuyện vãn với tất cả các phái đoàn đến khuya mới giải tán. Sau khi bế mạc, có người còn ở lại nơi ấy, có người đi chỗ nọ chỗ kia, có người cũng trở về Marburg.

Dân số nước Đức lối 90 triệu nhưng bị chia làm hai nên phần tây Đức chỉ có lối 60 triệu. Từ thành thị đến thôn quê chỗ nào cũng có đèn điện và nước máy, không thấy một cái nhà lá nào. Trong nhà đầy đủ cả tiện nghi, đường sá rộng rãi và sạch sẽ.

Nói về tôn giáo thì nước Đức hoàn toàn là một nước Công giáo và Cơ Đốc giáo. Cũng có một số ít người theo Phật giáo như ở Muenchen có một hội Phật giáo lối 200 hội viên, ở Hamburg có một hội Phật giáo lối 150 hội viên, còn lại Bá-Linh (Berlin) thì có một ngôi chùa Phật giáo Nguyên Thủy có rất đông tín đồ, và hai nhà Sư một vị người Tích Lan và một vị người Đức. Về Công giáo thì rất thạnh hành. Làng xóm nào cũng có nhà thờ cao vòi vọi, có cái cao đến 60-70 thước tây như ở Maria Laach tỉnh Trier là một trung tâm rất quan trọng của Công giáo. Sáng lập trên một khu đất rộng rãi gần bờ hồ Maria, rất thanh tịnh, có đầy đủ mọi phương tiện như là: học đường, dưỡng đường, cô nhi viện, nhà dưỡng lão, chỗ các nhà tu sĩ tham thiền, luận đạo, giảng đạo, thư viện có thứ lớp nhiều từng sạch sẽ. Các linh mục trên thế giới đến học rất đông, vì chỗ ở được thanh tịnh và đầy đủ thoáng khí, các nhà tu sĩ trông có vẻ thu thúc và đạo đức lắm. Thấy thế, tôi nhận thức rằng người Đức họ cũng chú trọng đến vấn đề tinh thần đạo đức. Như khi còn đang Hội nghị, sau khi nghe tôi thuyết trình, họ lấy làm thỏa thích. Có bà thỉnh tôi về nhà tụng kinh cầu an cho bà đang đau. Có người đến hỏi tôi xin chỉ cho cách tham thiền, tôi có nói nơi đây không thuận tiện nếu mấy ông bà đến chỗ tôi ở, tôi sẽ sẵn lòng chỉ dạy cho. Vì vậy mà chiều hôm ấy có 6 người đến phòng tôi xin học tham thiền. Trong đó có một ông kỹ sư khoáng vật và một ông cử nhân thần học người Thụy Điển, một bà Giáo sư Seidelmann, một bà giáo học và hai cô học sinh trường đại học Marburg. Tôi giảng cho cách tham thiền về lòng bác ái và số tức quan gần hai tiếng đồng hồ, họ rất chăm chỉ và ghi vào sổ để thực hành. Xong họ rất thỏa thích và kiếu từ ra về.

Khi đến ngày chót, ông bà R.Trauth làm việc cho sở du lịch có làm một tiệc để tiễn tôi lên đường về xứ, và luôn dịp xin chỉ cho pháp thiền định. Hôm ấy, có một ông Tiến sĩ triết học, một bà Giáo sư, hai vợ chồng ông Trauth và con trai ông đang học trường đại học, cả thảy năm người. Tôi chỉ dạy kỹ lưỡng hai pháp thiền định như trên, ai nấy đều hoan hỉ. Khi đúng 2 giờ chiều thì họ đưa tôi ra tàu hỏa đi Frankfurt. Chờ ngày mai 26-9-60 đúng 15 giờ tôi lên phi cơ của hãng hàng không TWA (Transworld Airline). Phi cơ này rất lớn và dài, chở lối 120 hành khách. Từ phi trường Frankfurt qua London (Anh) bay hơn hai tiếng đồng hồ thì đến nơi.

Tôi có gởi thơ cho hay trước nhưng khi đến nơi không có ai rước cả. Tôi còn đang loay hoay hỏi thăm sở Thông tin về cách đi đến chùa, thì bỗng nhiên có hai người Miến đến chào và hỏi bằng tiếng Miến Điện rằng: Ông muốn đi đâu? Tôi rất mừng vì gặp được người đồng đạo. Tôi ngỏ ý cho biết muốn đi đến chùa London Buddhist Vihara. Hai cậu học sinh ra kêu xe taxi và khuân đồ hành lý tôi ra xe xong xin lỗi vì mắc bận việc nên không thể đưa đi đến chùa được. Xe chạy một lúc lâu mới đến trước một tòa lầu 5 từng liền dừng lại và nói đây đã đến chùa. Tôi trông lên thấy lá cờ Phật giáo bay phất phới ở từng lầu 2, rất mừng vì đã tìm được chỗ ở. Tài xế xách hành lý đem để trước chùa. Tôi định gọi người trong chùa ra trả tiền xe giùm nhưng tài xế khoát tay nói khỏi vì lúc nãy hai người họ đã trả tiền xong rồi.

Vị Sư trụ trì là Đ.Đ. Saddhatissa, Tiến sĩ Văn chương London, người Tích Lan, cũng là bạn quen với tôi, vì trước kia Ngài có ở Saranath (Ấn Độ), tôi có gặp nhiều lần. Khi tôi bấm chuông cho hay, có người ra mở cửa và đem đồ vô trong

chùa. Lúc ấy Ngài đang bận rộn lắm, khi báo tin cho Ngài hay, Ngài liền xuống lầu đến mừng rỡ tôi và xin lỗi vì mắc bận quá không thể ra phi trường rước được. Vì hôm nay là ngày kỉ niệm cho Thủ tướng Bandaranaike Tích Lan, nên rất bận rộn lo sắp đặt công việc, vì một chút nữa có Đại sứ Tích Lan và các thân hào Phật tử nhiều nước sẽ đến dự lễ. Luôn tiện, Ngài cũng thỉnh tôi dự lễ cho thêm phần long trọng. Tôi ở London được bốn hôm, nhờ Ngài cho ông sa di hướng dẫn đi thăm viếng các nơi như: Trường đại học London, nhà thờ, quốc hội, các viện bảo tàng. Thời tiết ở đây lạnh lắm, ban ngày mà lối 14-15 độ, nên cũng ít được đi đâu. Tại chùa có cả thảy bốn vị Sư: 1 vị sa di và 3 vị tỳ khưu đều là người Tích Lan đang ở duy trì và truyền bá Phật giáo nơi ấy. Ngôi chùa này nguyên thủy do người Tích Lan sáng lập, nghe đâu lối 2 triệu bạc xứ ta, có đầy đủ tiện nghi, chia ra làm nhiều phòng, chỗ thờ Phật, phòng đọc sách, giảng đường, thư viện văn phòng và nhiều phòng cho chư Tăng an nghỉ. Chùa một phần lớn do người Tích Lan hỗ trợ và cũng có một số thiện tín người Anh. Chùa có lớp dạy tham thiền ngày thứ tư và dạy đạo ngày thứ bảy.

Đúng ngày 29-9-1960, lúc 13 giờ 15 tôi phải ra phi trường để lên phi cơ qua Paris. Đúng giờ thì phi cơ cất cánh trên hai tiếng đồng hồ mới đến phi trường Orly (Paris), cách châu thành đến 20 cây số ngàn. Nhờ có gởi thơ cho hay trước nên khi đến nơi thì đã có ông bà bác sĩ R.Sutra và cô dâu đem xe ra đón rước, đồng thời cũng có ông kỹ sư Cao Văn Hóa làm sở TFS ra rước tôi nữa. Ông bà bác sĩ nói: Chúng tôi có một cái nhà mát tại Versailles, cách Paris lối 20 cây số, để thỉnh Ngài về tạm nghỉ cho yên tĩnh. Phần ông Hóa cũng yêu cầu

thỉnh về nơi phòng riêng của ông để tụng niệm và để cho gần bà con Việt Nam tới lui hộ độ cho dễ. Tôi còn đang lưỡng lự vì đã lỡ gởi thơ cho hai người cũng gặp và đòi rước hết. Một chập sau, tôi xin lỗi ông bà bác sĩ vì gặp người bản xứ, xin ông bà vui lòng để tôi về với ông Hóa gần Paris cho tiện. Ông bà cũng ưng thuận nhưng yêu cầu tôi thế nào cũng đến nhà ông bà chơi để mời tôi xem cuốn phim thâu trong lúc đi Nhật. Chiều hôm sau, tôi gọi điện thoại cho hay sẽ tới thăm, có cả ông bà Cao Văn Hóa và bà Desormeaux (làm chung một sở với ông Hóa). Khi đến, ông bà rất ân cần tiếp đãi. Khi trà nước xong, lại chiếu cuốn phim cho xem và hỏi ý nghĩa từng chỗ. Xong có chụp một tấm ảnh kỉ niệm rồi kiếu từ.

Tại Paris bốn ngày, nhờ ông Cao Văn Hóa hộ độ và hướng dẫn đi xem các nơi như: Tour Eiffel, nhà thờ Sacré-Coeur, Notre-Dame, đền Versailles của vua Louis XIV… Tại Paris có mấy bà Việt Nam và một bà Pháp đến hỏi đạo và xin học tham thiền, hôm ấy có bốn bà Việt Nam, hai người nam và bà Desormeaux. Khi tôi chỉ dạy xong, ai nấy đều hoan hỷ thỏa thích và rất tiếc tôi không được ở lâu để loan tin cho bà con khác hay. Một điều họ vui mừng nhứt là được chiêm bái Ngọc Xá Lợi, vì bà Phán Bảo có gởi thơ cho họ hay trước nên biết và yêu cầu quá nên tôi cho họ chiêm ngưỡng. Ở Paris có một Hội Phật giáo (La pensée boudhique) có ông Sa di Rahula người Tích Lan, Tiến sĩ Triết học ở truyền bá và duy trì Phật giáo nơi ấy.

Đến ngày 2-10-1960, lúc 14 giờ, tôi phải ra phi trường Orly để lên phi cơ qua Genève (Thụy Sĩ). Ông Hoá với con gái ông bà G. Desormeaux cùng đưa tôi ra hãng Air France (terminal), vì phi trường rất xa nên không đủ thì giờ, đành

phải từ giã tôi nơi ấy. Khi xe đã chạy mà họ còn vẫy tay tỏ lòng triều mến.

Chuyến này đi bằng Boeing Caravelle Jet phản lực cơ không có chong chóng bay rất nhanh lối 1.000 cây số 1 giờ. Từ Paris qua Genève lối 1.000 cây số bay hơn 50 phút thì đến nơi. Có ông Tiến sĩ Giáo sư Rochedieu ra rước đưa tôi về nhà ông an nghỉ, bà cũng rất ân cần giữ tôi lại vì cũng từng quen biết trong khi đi Hội nghị tại Tokyo. Bà lo sửa soạn chỗ nghỉ nhưng tôi thấy có hơi bất tiện vì thấy bà đau chân còn đi cà nhắc nên tôi chối từ xin để ở nhà hàng gần sở máy bay cho tiện. Hôm ấy nhờ ông đưa đi xem chỗ nọ chỗ kia, nhưng sáng hôm sau ông bận việc phải đi xa, nhưng không sao vì tôi đi thông qua (transit) nên mọi việc đều có hãng hàng không lo liệu. Sáng hôm sau, tôi đi viếng viện bảo tàng và hồ Genève. Trong khi tôi đang ngồi xem cảnh hồ có một ông kỹ sư nhân viên trong hãng tàu lại gần tôi và hỏi rằng: Ông là người xứ nào, có phải người tu Phật chăng? Khi tôi trả lời xong, ông lại kể chuyện này nọ cho tôi nghe. Sau cùng ông nói: Ở nhà tôi và con gái tôi cũng ăn chay trường và mỗi đêm thường hay ngồi lim dim niệm chi không biết, nên mời tôi về nhà coi bà vợ ông ta ra sao? Tôi liền lên xe của ông đã chực sẵn, ông nói: Bây giờ còn sớm, để tôi đưa ông đi xem các nơi. Ông liền lái đến hội Lao động Quốc tế ILO và trụ sở của Ủy ban Hội nghị liên hiệp (ONU) chỗ Hội nghị Genève. Nhờ ông quen biết nên đi đến đâu họ mở cửa cho xem và cắt nghĩa cho mình hiểu trong mỗi chỗ. Xong ông lại đưa về nhà ông. Một bà hơi ốm xanh ra tiếp rước, ông giới thiệu: Đây là nhà tôi. Một chập sau con gái ông cũng đi học về. Sau khi dùng trà xong tôi bắt đầu hỏi thăm bà và sự hành

đạo trong mỗi đêm. Bà nói: Tôi không biết tham thiền ra sao, chỉ mỗi đêm tôi cầu nguyện với Chúa cho trong nhà cửa được bình an và xin khi chết được về cõi thiên đàng. Nhân cớ ấy, tôi giảng cho bà nghe về Bát chánh đạo và sau cùng chỉ cho con bà và bà đề mục tham thiền, về lòng bác ái và số tức quan. Ông ngồi nghe rất chăm chú và nói có thực hành như vậy họa may mới được về trời, chứ còn ngồi mà cầu hoài làm sao mà đi cho được. Xong ông bà rất cám ơn sự chỉ dạy và hứa ráng sẽ thực hành theo, rồi đưa tôi về nhà trọ.

Ngày 4-10-1960, lúc 6 giờ sáng, tôi phải ra phi trường thật sớm để lên phi cơ của hãng hàng không Suissair, đi qua Rome, nhưng phải đi thông qua Zurich, sang phi cơ khác qua Milan rồi mới đến Rome (Ý). Khi bay ngang qua núi Mont Blanc, thấy tuyết trắng xóa che phủ đầu núi quanh năm (vì lúc ấy là mùa nóng của họ, mà còn có tuyết che phủ thay, cần chi nói đến mùa lạnh). Gần 11 giờ thì phi cơ báo hiệu cho biết sắp đỗ xuống phi trường Ciampino (Rome). Nhờ đi thông qua nên có xe của hãng hàng không đưa về hotel. Xong tôi gọi điện thoại cho Sứ quán Việt Nam hay và ngỏ ý muốn đến thăm Sứ quán.

Lối 15 giờ thì có xe Sứ quán đem lại rước tôi. Tài xế nói hôm nay ông đại sứ mắc bận việc, đến 17 giờ ông mới tiếp tôi được nên còn thì giờ rảnh thỉnh tôi đi viếng các nơi trong đô thị như đền thờ Vatican, nhà thờ St Pietro. Đền Vatican được sáng lập từ năm 1473 do đức Giáo hoàng Sixte Vè, còn nhà thờ thì do Hoàng đế Constantin thành lập lối thế kỷ thứ XV, rất nguy nga đồ sộ. Họ cho là to lớn nhứt ở Âu châu. Bên trong làm toàn bằng cẩm thạch đủ màu, tốn phí sáng tạo vô số kể. Đúng 17 giờ thì tài xế cho xe trở về Sứ quán. Ông Đại

sứ tiếp rước ân cần, hỏi thăm công việc hội nghị và sức khỏe tôi, vì ông thấy tôi bị sổ mũi luôn. Tôi nói bị cảm từ bên Genève, sáng đêm nghẹt hơi, thở không được. Ông liền gọi điện thoại cho bác sĩ đến khám bịnh và cho toa. Ông sai đi mua thuốc dâng tôi. Xong ông kêu tài xế đưa tôi về và khuyên tôi nên thận trọng, khi độ thuốc xong nên nghỉ cho bình phục sức khỏe lại. Giờ Sứ quán ở Ý làm việc khác hơn bên ta là chiều từ 4 giờ cho đến 7 giờ 30. Tối hôm ấy tôi độ thuốc xong, nghỉ sớm. Luôn cả buổi sáng ngày mai cũng không có đi đâu, nên trong người thấy khỏe khoắn, nhẹ nhàng như thường. Lúc 15 giờ thì có xe Sứ quán đến rước tôi đi xem mấy chỗ cổ tích khác và kế hoạch của Mussolini được kiến thiết trên một cái đồi rộng rãi, nào là dinh thự đền đài 5-10 từng còn mới tinh xảo, có chỗ còn đang kiến thiết dày đặc ngổn ngang. Gần 6 giờ thì xe mới đưa tôi về đến hotel, vì tối hôm ấy (5-10-60), lúc 10 giờ phải ra phi trường để lên phi cơ về xứ. Mọi việc đều ở hãng hàng không lo hết, nên không muốn cho Sứ quán bộn rộn rước đưa. Nhưng ông bà Đỗ Văn Minh cũng không chịu làm thinh, vẫn ra phi trường để tiễn chân tôi sợ có điều chi trở ngại.

Đúng 10 giờ 30 thì phi cơ cất cánh trực chỉ thẳng về Saigon, bay trên 8 tiếng đồng hồ mới đổ xuống phi trường Teheran (Ba-Tư). Sau khi hành khách lên xuống xong, lại cất cánh bay thẳng về New Delhi (Ấn Độ) cũng lối 8 tiếng đồng hồ. Xong lại bay thẳng về Vọng Các (Bangkok) hơn 9 tiếng đồng hồ, thì trời vừa hừng sáng. Theo sự nhứt định thì phi cơ sẽ về đến Saigon đúng 7 giờ 30 (là 6 giờ 30), nhưng hôm ấy bị giông mưa nên phi cơ mới về trễ. Từ Vọng Các đến Saigon lối hai tiếng đồng hồ, nên khi về đến Tân Sơn Nhứt là 9 giờ

20. Theo điện văn tôi gởi về thì nói đến lối 7 giờ, thành ra còn sớm lắm. Phần trong khi kiết hạ nên chư Tăng không ai đi rước được. Phần thì một số thiện tín đi trước, khi nghe thông cáo cho hay phi cơ trễ hai tiếng đồng hồ, có người vì phận sự nên đã về trước, chỉ còn có hai xe của ông Bảy Phán và ông bà Mười Hiền và ít người thiện tín nữa rước tôi về Kỳ Viên đúng 10 giờ 30 (7-10-1960).

Bao nhiêu công quả tốt đẹp của tôi đi dự Hội nghị và nói đạo dạy tham thiền, tôi xin hồi hướng quả phúc ấy đến chư Tăng và tất cả chư thiện tín có công hộ độ tôi về chi phí trong khi đi dự Hội nghị.



Bà Tiến sĩ văn chương Melikoff và Bác sĩ Heiler - Chủ tịch Hội IAHR- đang bàn luận với ĐĐ. Bửu Chơn trước khi hội nghị tại phòng giải lao.



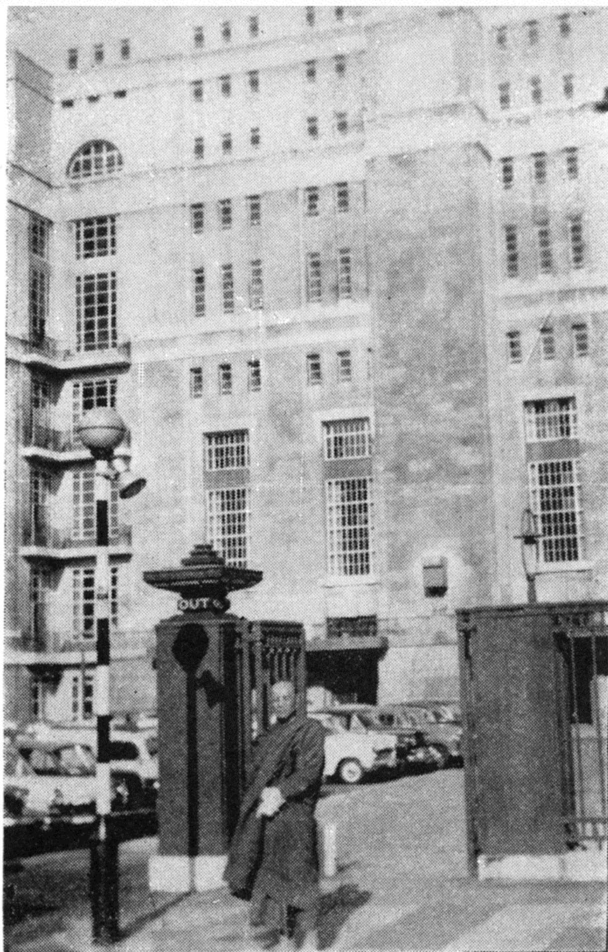
ĐĐ. Bửu Chơn và các phái đoàn đang sửa soạn lên xe đi khảo cứu các nơi cổ tích sau khi Hội nghị Lịch sử Tôn giáo Thế giới lần X tại Marburg-Tây Đức.



ĐĐ. Bửu Chơn đang đứng với hai người Thụy Điển và hai người Đức sau khi học tham thiền tại Marrburg-Tây Đức.



ĐĐ.Bửu Chơn đang đứng trước chùa Phật giáo Nguyên Thủy 5 từng tại London.



ĐĐ.Bửu Chơn đang đứng trước trường Đại học London - Anh quốc.



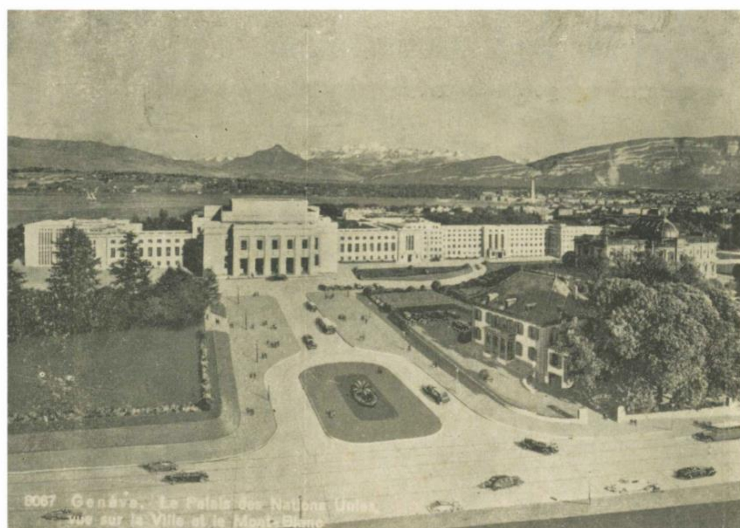
ĐĐ.Bửu Chơn và ông bà Cao Văn Hóa tại nhà ông Bác sĩ Khoa học R.Sultra ở Paris-Pháp



Quang cảnh Đô thị Genève - Thụy Sĩ.



ĐĐ.Bửu Chơn đang đứng trước đền Versailles-Pháp.



Cảnh Đền Hội nghị Liên hiệp quốc tại Genève - Thụy Sĩ.



ĐĐ. Bửu Chơn đang viếng Đài kỷ nệm các nhà cách mạng tại Genève - Thụy Sĩ.



Trước Dinh Thủ tướng Ý - Rome.



ĐĐ. Bửu Chơn vừa đến trước nhà ga Air Terminal tại trung tâm đô thị Roma -Ý.

Bài Tường Thuật Của Đại đức Nāga Mahā Thera Bửu Chơn, Phó Chủ Tịch Hội Phật giáo Thế giới, Dự Hội Nghị Phật giáo Thế giới Lần VI Tại Phnom-Penh (Từ Ngày 12 Đến 22-11-1961)

Ngày 2-11-1961, tôi được thư của Chính phủ Cambodge do nhờ ông U Chan Htoon Chủ tịch Hội Phật giáo Thế giới gởi đến thỉnh tôi dự Hội nghị với tư cách là một Phó Chủ tịch trong ban Chấp hành Hội Phật giáo Thế giới.

Trong lúc ấy tôi đang nhập hạ tại Phnom-Penh nên bộ Ngoại giao Chánh phủ Cộng Hòa Việt Nam có đến chùa Kỳ Viên kiếm tôi nhưng không gặp, nên mới gởi luôn thiệp mời lên Phnom-Penh cho tôi.

Nguyên văn bức thư gửi mời đến Hội nghị:

Venerable Nāga Thera Bửu Chơn
Vice President
The World Fellowship of Buddists, Viet Nam

Venerable Sir,

I have been graciously authorised by the Royal Combodian Government to request the honour of your presence and the attendance as The Vice President of WFB at the forthcoming Sixth Conference to be held at Phnom-Penh from the 12^{th} to 22^{nd} November 1961.

I shall most deeply appreciate a very early reply to me and also to the Organising Committee of the Sixth WFB Conference Ministry of Religious Affairs (Cultes), Phnom-Penh, Cambodia, through the Royal Cambodian Diplomatic Mission accredited to your country.

With highest regards

Yours respectfully,
U-Chan-Htoon
President of WFB
Bruma-Rangoon.

Bản dịch:

Kính gởi Đại đức Nāga Thera Bửu Chơn
Phó Chủ tịch Hội Phật giáo Thế giới tại Việt Nam

Bạch Ngài,

Tôi vừa được ân huệ của Chánh phủ Hoàng gia Cambodge phê chuẩn, để long trọng thỉnh Ngài với tư cách là Phó Chủ tịch Hội Phật giáo Thế giới, đến dự Hội nghị Phật giáo Thế giới lần thứ Sáu tại Phnom-Penh kể từ ngày 12 đến 22-11-1961.

Tôi xin kính cẩn vui lòng về sự hứa nhận của Ngài phúc đáp cho chúng tôi sớm, và nếu thuận tiện xin hoan hỷ báo tin cho ban Tổ chức cuộc Hội nghị thông qua bộ Lễ Cambodge hay là thông qua Sứ quán của Hoàng Gia Cambodge tại bản xứ của Ngài.

Với những hy vọng và ước mong sự chấp thuận của Ngài.

Tấm lòng thành kính,
U.Chan-Htoon
Chủ tịch hội PGTG.

Khi được thư mời của Chánh phủ Cambodge đến ngày 10-11-1961 tôi mới trình biện cho Ban Tổ chức để lãnh phận sự vào Hội nghị. Ban Tổ chức đưa tôi đi ở nơi chùa Vat Potum (gần thành Vua) chung với phái đoàn đến trễ nên lễ

khai mạc phải hoãn lại đến ngày 14-11-1961 mới khởi sự, nếu đúng theo chương trình là ngày 12-11-1961 khai mạc.

Đúng 8 giờ 30 đức Quốc Trưởng Sihanouk và các quan chức trong Chánh phủ Cambodge đến dự lễ rất đông. Phòng Hội nghị rất tối tân mới vừa thành lập xong tổn phí lối 20 triệu đồng Riels, bên trong trang hoàng rực rỡ có máy điều hòa khí hậu, mỗi người đều có một máy nghe 4 thứ tiếng là: Cambodge, Anh, Pháp và Trung Hoa, nhưng cuộc Hội nghị chỉ dùng ba tiếng chánh thức chỉ trừ tiếng Tàu ra thôi.

Theo chương trình hoạch định thì Chánh phủ Cambodge mời tất cả 38 nước nhưng vì lí do vấn đề chính trị và chiến khán trễ nải mà chỉ có lối 30 nước đến dự mà thôi. Trong ấy tôi nhận thấy là: Assam, Miến Điện, Ấn Độ, Trung Hoa, Nhựt, Triều Tiên, Hồng Kông, Mã Cao, Việt Nam, Tân-Gia-Ba, Mã Lai, Nam Dương quần đảo, Lào, Tích Lan, Népal, Pakistan, Pháp, Đức, Anh, Nga, Mỹ, Hawaii, Sikkim, Mông Cổ, Thụy Điển v.v… Có lối 120 đại diện hải ngoại, hơn 60 quan sát viên, nếu kể luôn đại diện và quan sát viên xứ Cambodge thì trong phòng Hội nghị có đến 500 người.

Đúng giờ khai mạc thì có tiếng còi (sirène), trống, phèn la trỗi lên inh ỏi để báo hiệu cuộc khai mạc và truyền thanh đi khắp nơi. Buổi lễ khai mạc rất long trọng vì có liên quan đến hành chánh Quốc gia và Hoàng tộc. Sau khi Quốc trưởng N.Sihanouk đọc diễn văn khai mạc, đại ý Ngài nói rằng: Mặc dù trong nước Ngài đang bối rối về vấn đề chánh trị nhưng Ngài vẫn cương quyết một lòng thực hiện cuộc Hội nghị cho được thành tựu với sự ước mong rằng cuộc Hội nghị sẽ đem lại nhiều kết quả tốt đẹp cho nhân loại trên thế giới và cho quê hương xứ sở của Ngài. Kế tiếp các đại diện lần lượt đọc

những thông điệp của chánh phủ hải ngoại gởi đến ca tụng và chúc mừng cuộc lễ, khi đọc xong các thông điệp thì chấm dứt buổi khai mạc.

Chương trình hội nghị

Ngày 15-11-1961, cuộc Hội nghị bắt đầu bàn luận, trước hết các đại diện hải ngoại đọc những phúc trình về sự hoạt động của Phật giáo Thế giới địa phương, kế tiếp cuộc Hội nghị chia ra làm 5 ban để bàn luận là: về vấn đề văn hóa và giáo dục; về phương pháp để truyền bá Phật giáo trên thế giới; về sự hạnh phúc cho nhân loại; về cách thống nhứt giữa người tu Phật và tình đoàn thể; ban ủy nhiệm và điều khiển để biểu quyết các vấn đề linh tinh và tổng quát.

Cuộc bàn luận và thảo luận của các ban cũng giống như các kỳ Hội nghị trước nhưng có vài điểm quan trọng là Hội Phật giáo Thế giới chấp thuận để yêu cầu các nhà cầm quyền địa phương nên cấm những cuốn phim nào có tánh cách làm hoen ố thuần phong mỹ tục, lả lơi hoặc hung bạo thì không được phép chiếu nơi quốc độ mình và đồng thời khuyên những nhà sản xuất các món đồ chơi nào có tánh cách hung dữ và chiến đấu (như gươm, súng v.v…) và nên cấm các con em còn nhỏ không nên chơi các đồ chơi ấy. Ngoài ra kỳ hội này còn có những điểm liên quan về vấn đề chánh trị như là:

1) Phái đoàn Cambodge đưa yêu sách ra xin Hội Phật giáo Thế giới can thiệp về sự ngưng thử bom nguyên tử.

2) Bác sĩ Soni, giám đốc ban Truyền bá PGTG tại Miến Điện đề nghị xin HPGTG can thiệp với chánh quyền Trung Hoa trả quyền tự trị lại cho Phật giáo Tây Tạng.
3) Phái đoàn Trung Hoa yêu cầu HPGTG nên hủy bỏ chi HPGTG địa phương của Đài Loan vì lý do cho rằng chỉ có một nước Trung Hoa chứ không có hai nước Trung Hoa vì lí do kỳ Hội nghị HPGTG lần thứ 5 tại Bangkok vắng mặt phái đoàn Trung Hoa mà HPGTG chấp thuận cho Đài Loan mở chi hội PGTG địa phương.
4) Bác sĩ Richard Gard, Trưởng phái đoàn Mỹ yêu cầu hội PGTG nên thành lập một trường đại học quốc tế về Phật giáo.

Giải quyết vấn đề I sau khi bàn luận nhiều tiếng đồng hồ, đại hội chấp thuận bằng mười một lá thăm thuận không nên thử bom nguyên tử, sáu lá thăm nghịch, tám lá thăm trung lập. Vấn đề II có liên quan đến chính trị, đại hội không thẩm quyền nên hủy bỏ. Vấn đề III sau khi bàn luận trên bốn tiếng đồng hồ đại hội quyết định bằng cách bỏ thăm giữa đại hội, bốn lá thăm thuận và hai mươi mốt lá thăm nghịch, nghĩa là hội PGTG vẫn nhìn nhận Đài Loan là một trung tâm của Phật giáo Thế giới địa phương. Vấn đề IV hội PGTG không thể quyết định được vì không đủ ngân quỹ, cán bộ và khả năng để thành lập. Nhờ sự cố gắng và nhẫn nại của Ban Chấp hành Thế giới làm việc luôn suốt ngày có khi đến 9, 10 giờ đêm để giải quyết những vấn đề chông gai và kết thúc cuộc Hội nghị kết quả rất ổn thỏa.

Cuộc Hội nghị tiếp tục bàn luận luôn như vậy cho đến ngày 9-11-1961, lúc 10 giờ đêm mới xong các công việc.

Về phái đoàn Việt Nam có Đại đức Nāga Mahā Thera Bửu Chơn làm phó Chủ tịch cho Hội Phật giáo Thế giới tham dự trong ban điều khiển và ủy nhiệm, Đại đức Hộ Tông làm Trưởng phái đoàn hướng dẫn, Sư Tối Thắng và Sư Hộ Giác và lối 20 quan sát viên, cũng có phái đoàn bên Tân tiến do ông Mai Thọ Truyền hướng đạo với ít vị quan sát viên. Nhờ hai phái có liên lạc và thỏa thuận với nhau nên trong khi hội cũng được hòa nhã và đồng ý để cho Tăng già Nguyên Thủy đọc thông điệp, còn ông Mai Thọ Truyền thì đọc phúc trình về sự hoạt động của Phật giáo xứ Việt Nam. Đại đức Bửu Chơn cũng có đọc một bài nói về "Tình hình của nhân loại hiện nay đối với Phật giáo" đại ý nói rằng: Hiện nay nhân loại đang bị đe dọa vì nạn chiến tranh rất khủng khiếp, người Phật tử hơn một phần năm của nhân loại nếu đồng lòng cùng nhau thực hành theo giáo lý của Đức Phật nhứt là pháp từ-bi-hỉ-xả thì ảnh hưởng ấy sẽ lan rộng ra lần lần thì mới có thể làm cho thế giới hòa bình được.

Sau khi bế mạc, ban tổ chức có hướng dẫn các phái đoàn đi viếng những thắng cảnh trong đô thị Kiêm Biên như đền Vua, chùa Vàng, chùa Bạc, Bảo tàng viện và tháp Xá Lợi của Đức Thích Ca Mâu Ni v.v… Kế tiếp lại đưa đi viếng Đế Thiên Đế Thích trong hai ngày bằng phi cơ và đưa đi viếng Kép bằng xe hơi. Những chỗ này đối với tôi rất quen thuộc nên tôi không đi viếng.

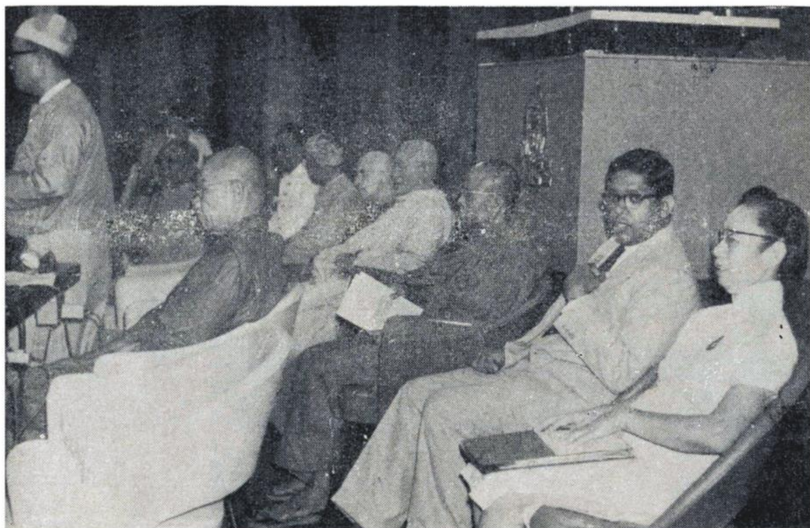
Ngày cuối cùng là ngày rằm tháng mười nhân ngày lễ đưa nước của xứ Cambodge, tất cả các phái đoàn đều được mời đến dự lễ đưa nước và đua ghe nơi Nhà nổi (Phé) của Đức Vua, đến 8 giờ 30 tối, Đức Vua và Hoàng Hậu có tiếp rước đặc biệt các Trưởng phái đoàn và Ban Chấp hành Thế giới

vào trong đền Cần Chánh để tặng cho mỗi vị một vật kỷ niệm bằng vàng, kế tiếp đức Quốc trưởng N.Sihanouk có thết một tiệc để tiễn hành các phái đoàn và đồng thời cũng tuyên bố luôn sự bế mạc cuộc Hội nghị luôn hôm ấy. Nhưng vì lý do phi cơ không đủ cho hành khách hồi hương nên còn có nhiều phái đoàn phải lưu lại, nhân dịp ấy ban tổ chức có mời các phái đoàn đi viếng thêm xưởng dệt tại Kompong-Cham.

Kết luận kỳ Hội nghị này tổn phí lối 5 triệu đồng Riels do Chánh phủ Cambodge đài thọ, kết quả rất khả quan và đem lại sự hiểu biết lẫn nhau giữa người tu Phật trên thế giới về mặt giáo lý, đoàn kết và gây tình thân thiện với nhau.

Còn vấn đề thống nhứt về mặt giáo lý thì hội có đưa đề nghị như vầy: nếu người Phật tử chân thành thì nên thực hành cho đúng theo giáo lý của Đức Phật, nhứt là theo kinh điển Pāli vẫn còn giữ nguyên vẹn giáo lý chánh truyền của Đức Thế Tôn, như vậy người Phật tử muốn thống nhứt trước hết phải thực hành cho đúng theo giáo lý chánh truyền theo Tam Tạng Pāli thì tự nhiên các giáo phái sẽ thống nhứt không sai.

Sai khi Hội nghị xong qua ngày 23-11-1961 tôi đáp phi cơ của hãng Hàng không Việt Nam lúc 9 giờ sáng, hôm ấy cũng có mấy phái đoàn như Miến Điện, Nhựt, Mã Lai và Tân-Gia-Ba, Tích Lan về xứ và đi thông qua Việt Nam nên cuộc tiếp rước rất long trọng, đến 10 giờ 30 xe mới về đến chùa Kỳ Viên.



ĐĐ. Bửu Chơn đang dự Hội nghị Phật giáo Thế giới với tư cách là Phó Chủ tịch PGTG tại P.Penh.

Phật Giáo – Một Huy Hiệu Thực Tế

Do theo quyển MAHAPARINIRVARA NUMBER của bác sĩ S.K.SIHHA (ẤN ĐỘ). Bhikkhu Nāga Thera Đ.Đ. Bửu Chơn phiên dịch.

Một sự đặc biệt của Phật giáo là sự chỉ dạy cho nhân loại trên thế giới một con đường hoàn toàn hạnh phúc. Sự truyền giáo của Đức Phật không ám chỉ là một tôn giáo mới, nhưng trái lại nó có liên quan đến tư tưởng thật tế của con người, vì thế Ngài cố ý lập ra một chiếc xe để giúp cho cuộc hành trình được kết quả mỹ mãn.

Con người cần phải biết tới sự hoàn toàn thật tế mà nó đương ẩn phía sau hình dáng của mình, nhưng mà sự sưu tầm này thật khó vì con người không thể nào đoạt được sự thỏa mãn cuối cùng.

Đồng thời cũng là một triết lý khó khăn và sâu xa dầu cho người Phật tử cũng khó mà làm cho phát triển được. Nhưng trong Kinh Sinsupa có giải rằng: Chính Đức Phật Ngài hoàn toàn sáng suốt hiểu biết (vijjā) cả mọi lẽ (nhứt là khoa học) nhưng Ngài không muốn giảng ra cho các hàng môn đệ Ngài nghe vì nó không có làm cho con người chán nản thay đổi tư tưởng và hạnh kiểm để đến nơi giải thoát được, trái lại còn làm cho lòng dục vọng bành trướng không giới hạn. Ngài chỉ giảng giải cho chúng sanh và tập lần cho họ quen biết thế nào là đời con người và cái luật biến thể để giúp cho họ đạt được cái gì đương ẩn trú trong thân thể họ.

Sự kết quả về chân lý tốt đẹp của đời người mà Ngài đã giảng giải lần đầu tiên tại vườn Lộc Giả (Saranath) cách đây hơn 25 thế kỷ. Sự giảng giải của Ngài không có chi là siêu hình

hoặc huyền bí cả, Ngài chỉ dẫn chứng thực tế hiện đương có hoặc đương biểu diễn từ trong mỗi nhân vật. Vì vậy mà triết lý của Ngài giảng giải hầu cho người tầm thường cũng có thể hiểu biết và lĩnh hội được. Sự quan trọng của con người là chính mình tự đưa mình lên bực siêu phàm, xuất chúng (Thánh nhơn).

Trong thời đại hỗn loạn tinh thần và đạo đức này thì con người càng nên tự cố gắng tìm kiếm và khám phá cái gì đương ẩn trú trong thân ta. Theo thiển kiến của tôi đã trải qua một thời gian thật dài, nhưng tiếng gọi của Đức Phật vẫn còn năng lực để giúp đỡ cho con người có giá trị và đại khái là con người phải chính là "Tạo hóa của số phận mình vậy". Tôi tự cảm thấy không đủ khả năng để bàn rộng về triết lý cao siêu mà Đức Phật đã giảng giải cho con người. Tôi tự cảm thấy mình mê thích nơi sự giản dị và huy hoàng của lời dạy Ngài thôi.

Theo Đức Phật đời con người không phải là một "thật thể" mà là một "biến thể", nó chỉ là một cuộc hành trình để làm cho đầy đủ và thành tựu cái chi mà tự mình có khả năng, như vậy thì con người mới có thể phá tan hoặc cắt đứt sự cố chấp của "bản ngã" (atta) và tự thấy mình cũng đồng thể như kẻ khác. Tứ diệu đế và Bát chánh đạo là cơ quan cốt yếu của đời người, mà Ngài muốn cho con người áp dụng để đoạt lấy cái thật tế cho đời mình. Như nhà triết học trứ danh của Hy Lạp có nói "Trí thức là đức hạnh", nhưng Đức Phật nhận thấy rằng "Muốn được cái trạng thái ấy cần phải có một căn bản của tinh thần lành mạnh để cố gắng tới đức hạnh ấy". Vô minh đã dứt bỏ được thì con người có thể thấy được cái bản tính chân thật. Một khi đã thấy được cái bản tính chân thật

rồi thì sẽ thấy rõ chúng ta đã từ thời gian vô tận vẫn chạy đua nhau để đoạt lấy những vật gì mà không bền vững và không phải là nguồn gốc của hạnh phúc vĩnh cửu.

Thật ra sự sống con người chỉ để chịu lấy sự đau khổ nhưng họ vẫn muốn sống vì lòng ái dục (*tanha*) khao khát thúc đẩy lôi cuốn họ phải chạy đua nhau. Đức Phật không bắt buộc phải dục tắt hẳn liền cái lòng tham muốn, như các nhà đạo sĩ khổ hạnh thích làm, Ngài chỉ dạy nên xem vạn vật đều vô thường và không quí báu cho trở thành vật quí báu là "Niết-bàn". Sự tư tưởng và hành động đều có liên quan nhau, nếu tư tưởng lành có thể lôi cuốn con người làm điều lành, khi đã làm điều lành thường thì nó sẽ lôi cuốn họ có một thói quen tư tưởng luôn đến đường chánh. Con người cần khởi sự hành trình mình bằng cách giải quyết chân chánh và hành động lành rồi lần lần sẽ tiến đến trạng thái của tinh thần trong sạch không lòng sân hận và đầy đủ sự bác ái đến tất cả người khác. Người "thường nhân" không thể hiểu biết được cái lạc thú cao cả của "Yoga" cũng như ý nghĩa lạc thú của Niết-bàn vậy. Nhưng đây là một triết lý dựa vào ý nghĩa thật tế đã có từ mầm gốc từ trong thân họ và cũng là một triết lý phải "hiểu biết và thực hành chân chánh" mới có thể giúp họ thắng được lòng ái dục và làm cho tự họ mở lấy sự ràng buộc của tâm mình, mà thế giới hiện đại cần phải nhìn nhận cái triết lý như thế ấy. Ai cũng nhìn nhận rằng hiện nay vấn đề nhân loại đã đưa đến trạng thái khuẩn bách mà trước kia họ chưa từng đương đầu bao giờ.

Khoa học đã tạo cho ta những vật vĩ đại vô cùng, nhưng về mặt đạo đức thì phải nhận định rằng "chúng ta thật nhỏ bé và ghê sợ vô cùng" càng nhận kĩ thì càng thấy rõ thân nhỏ

bé này sẽ bị nghiền nát dưới sức nặng của cơ khí mà khoa học đã thiết bị sẵn chung quanh mình chúng ta. Như một đặc điểm khác là sự tư tưởng dụ dự mơ hồ của con người khi nghĩ đến bản đồ của khoa học có thể trình bày cảnh không gian vô tận của các vì tinh tú mà các nhà khoa học suy tầm ra chung quanh mình họ. Không những họ dám bạo gan vẽ ra những hình ảnh từ các vì tinh tú ấy từ nguồn gốc sanh, diệt mà còn đương dò xét tầm kiếm cảnh giới của tinh tú, mà ánh sáng của vài vì sao ấy chiếu đến chúng ta có hàng triệu triệu năm; một mặt khác, họ còn tự hào đến cảnh giới nhỏ bé của nguyên tử có ẩn tàng một năng lực mà họ đương học để thả nó ra có thể dùng để làm cho chủng tộc loài người tiêu diệt. Trong lúc họ có thể học để kiến tạo các vì sao ở xa ta hàng triệu triệu của triệu triệu dặm Anh (1km600) và thâu rút lại những hạt nguyên tử thật nhỏ bé đương ở gần và tỏa ra dưới hình thức (formula) theo dấu hiệu của toán học, mà các nhà triết học rất thất vọng vì họ quên hẳn học những cái đương có ở trong người họ. Đã hơn 300 năm nay, những tư tưởng thay đổi của khoa học, trái lại có lẽ đã làm cho họ hổ thẹn thôi.

Trong vũ trụ thênh thang vô tận này chồng chất với vòng vũ trụ khác mà duy tồn được là do nhờ sức của trọng lực (gravity). Như nhà thiên văn cho ta biết rằng "con người là một kết quả hết sức nhỏ bé", sự hiểu biết này cũng giống như trong Phật giáo vậy. Đối với cái máy tư tưởng của vũ trụ, hằng mấy trăm năm đã qua, khoa học đã cung hiến cho con người bằng sự không nương nhờ được và trái lại tai nạn đã phát sanh do khoa học gây ra vượt ra khỏi sự kiểm điểm của họ. Khoa học còn làm mất cả tứ chi con người không thể

tưởng tượng được, vì con người đã bị tê liệt và chỉ còn trở thành như "một cái răng" của bộ máy cho quốc gia và xã hội vậy thôi. Như vậy thì sự học thức của con người thiếu mất sự thăng bằng giữa vũ trụ và loài người.

Nếu xét ra cho thật kỹ, thì tinh thần của chúng ta thật rất tấn bộ về bề rộng, nhưng không có bề sâu. Sự hiểu biết của chúng ta hết sức tốt đẹp về sự phát minh ra nguyên tử, nhưng kế đó cái kết quả ấy trở thành một lực lượng cho vật chất, chớ không phải về phương hướng của đạo đức tinh thần, như thế cái kết quả ấy cũng không có ích chi cho nhân vị của con người cả. Sự văn minh tấn bộ chỉ đưa chúng ta đến "trạng thái mênh mông nhưng vẫn không phương hướng", đây là một giải pháp vĩ đại của thời đại tối tân vậy. Ai cũng nhìn nhận sự kết quả lợi ích của năng lực tấn bộ của khoa học trong thời đại văn minh đã mở rộng giúp cho chúng ta một con đường mới của sự sống theo phương pháp và kiềm chế nó dưới sự kiểm điểm chặt chẻ, nghĩa là một nền văn hóa mới mẻ do đó mà cách sống mới mẻ của con người với một giá trị cận kiêm, như thế thì sự thúc giục của thế giới tự nhiên phải tràn tới nền văn hóa ấy, nghĩa là một xã hội gầy dựng hoàn toàn bao quát cho sự sống con người. Với xã hội mà con người có thể phát triển tinh thần đạo đức đầy đủ và sự sinh hoạt chung của đời người, đó mới có thể là một phương tiện để tiếp độ cho thế giới đương ở trong trạng thái tiến thối lưỡng nan, là phải khởi sự cần dùng đến trung tâm của tinh thần con người vậy. Cái năng lực tạo thành một hình ảnh mới của con người và cung kính đến nhân vị của họ là hòa giải sự nhu cầu và bắt buộc họ để tạo lập ra sự sản xuất cho con người có thể đầy đủ hạnh phúc thanh tươi hơn.

Tất cả điều giải trước đây là cốt ý chỉ cho con người nên khám phá và sưu tầm lại cái khoa học đang ẩn trú trong cơ thể con người, nhứt là về tâm lý, như thế mới gọi là đã khởi đầu cho một kỷ nguyên trên sự cố gắng đúng theo phương hướng, nói rõ ra là nên bắt buộc con người vào sự học hỏi cách xây dựng và tạo hóa cho họ vậy.

Còn cách nào thuận tiện hơn bằng sự nối liền lại lịch sử của nhân loại là quay về với Đức Phật là một bực đã khám phá ra con người ra đầu tiên không? Nhân cách con người đã quyết định là một nhân loại cấu tạo với sức lực để tiến đến sự hành vi đầy đủ với mục đích của mình. Ta thử xem con đường đời của Đức Phật và các đệ tử Ngài ra thế nào? Có phải là một gương mẫu và một giáo lý chỉ dạy con người có thể tổ chức một nhân loại để thực hành cho tròn đủ với ý định của mình không?

Như thế, một sự thúc giục của thời đại cần phải phát minh lên một triết lý thật tế, là sự khám phá con người, thì sự chú ý của thế giới càng nên xoay chí hướng về với Đức Phật. Với tư cách đầy đủ khả năng của Đức Phật thật đáng tôn kính, theo thời đại khoa học này, trong khi những quan niệm thời kỳ cổ kính đã mất hẳn, thì sự chú ý con người càng nên quay về với Ngài vậy. Đức Phật rất nhìn nhận sự động lực của vũ trụ, Ngài nghĩ rằng “Tất cả vũ trụ đều có một dòng biến thể, con người cũng phải chịu lấy ảnh của dòng biến thể ấy. Con người không có sự bền vững chỉ là một động lực xoay luôn theo hệ thống thật tế của nó vậy. Họ có thể bỏ ra sau cái gì mà cột trói họ như một con vật của thế giới và họ sẽ vượt lên đến chỗ có thể giải thoát khỏi sự cột trói của đời mình bằng cách thực nghiệm theo đường lối của Đức Phật. Như thế thì

không có chi lạ về tư tưởng con người hiện tại càng nên quay về với triết lý thật tế của vị Đại Giáo chủ vậy.

– Dứt tác phẩm 18. Hội nghị quốc tế –